

Tranh chấp Biển Đông Nam Á: đi tìm giải pháp hòa bình và công lý dựa trên chứng cứ lịch sử và luật pháp quốc tế

Vũ Quang Việt
28 June 2010

Lời nói đầu

Bài viết này nên được coi là bản nháp đầu trong quá trình nghiên cứu cần được hoàn chỉnh thêm. Bài này đã dựa trên bản nháp bằng tiếng Anh được trình bày tại hai hội thảo về tranh chấp Biển Nam Trung Hoa (mà tác giả đề nghị nên gọi là biển Đông Nam Á, đã được trình bày ngày 18 tháng 11 năm 2009 tại Council on Southeast Asian Center, Yale University và ngày 25 tháng 3 năm 2010 tại Center for Vietnamese Philosophy, Culture, & Society, Temple University. Tác giả cảm ơn Giáo Sư Ngô Vĩnh Long và Giáo sư Trần Hữu Dũng đã đóng góp nhiều ý kiến cũng như tham gia tổ chức các cuộc hội thảo trên. Thời gian sau hai Hội thảo trên, tác giả cũng nhận được nhiều ý kiến và thông tin mới từ nhiều người, đặc biệt là bạn Nguyễn Tuấn ở Ý và Dương Danh Huy ở Anh, Hồ Bạch Thảo ở Mỹ, Nguyễn Ngọc Giao ở Pháp qua đó trong bản nháp này, tác giả đã điều chỉnh lại những sai sót trước đây. Mới nhất tác giả cũng tiếp cận được thêm một vài nghiên cứu (chưa phải hết) của anh Phạm Hoàng Quân ở Việt Nam, và cố gắng đưa vào bài này, nhưng trong tương lai sẽ hoàn chỉnh thêm. Cũng xin cảm ơn cô Phương Loan ở Vietnamnet đã giúp dịch bài tiếng Anh mà tác giả trình bày ở Temple University để sử dụng trong bài viết này.

Tác giả đã cố gắng tiếp cận vấn đề và tài liệu một cách khách quan với hy vọng là cuộc tranh chấp ở biển Đông Nam Á được giải quyết hòa bình và hợp lý (chứ không cần hợp tình) trên cơ sở chứng cứ lịch sử và công pháp quốc tế. Những nhận xét, kết luận do đó có thể không phù hợp với quan điểm chính thống của nhà nước Việt Nam hay Trung Quốc.

Tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Paracels (Hoàng Sa) chỉ liên quan đến Việt Nam và Trung Quốc và do đó hai nước cần ngồi lại thương thảo hoặc yêu cầu Tòa án Công Lý Quốc tế phân xử. Việt Nam dưới thời chúa Nguyễn và thời vua Gia Long và Minh Mạng đã khẳng định chủ quyền ở đây, với đầy đủ bằng chứng lịch sử được ghi trong chính sử của nhà nước và được người phương tây sống cùng thời ghi nhận qua sách vở được xuất bản. Tuy nhiên vì lo chống Pháp, vua quan Việt Nam đã có thời bỏ lơ, không hành xử chủ quyền như trước. Khi Pháp chiếm Việt Nam, cũng có một thời gian Pháp lơ là không hành xử đúng mức để bảo đảm chủ quyền của Việt Nam ở đó. Thời gian lơ là này đã để ngỏ đảo Woody (Phú Lâm) như đất vô chủ cho tư nhân người Hoa và người Nhật vào khai thác phát phát vì có lẽ Pháp coi những hòn đảo này là không quan trọng. Khi chính quyền cát cứ ở Quảng Đông tuyên bố chủ quyền năm 1909, và sau đó là chính phủ Trung Hoa Dân Quốc với lý luận dựa vào Hiệp định Pháp Thanh năm 1887 phân chia biên giới giữa Trung Quốc và Bắc Bộ (Tonkin) một cách sai trái là đảo phía đông trung tuyến

108.2 là thuộc Trung Quốc, nhưng quần đảo Paracels nằm ở Trung Phần, không thuộc Bắc Bộ (Tonkin) nên không thể là cơ sở của lập luận. Rất tiếc, Pháp không phản đối ngay. Lập luận đòi chủ quyền của Trung Quốc lúc đó hoàn toàn không dựa trên bằng chứng lịch sử mà sau này và cho đến ngày này chính quyền Trung Quốc và học giả Trung Quốc tìm đủ mọi cách chứng minh một cách không thuyết phục là cả ngàn năm Paracels là đất Trung Quốc. Mãi đến năm 1933, chính phủ Pháp ở Paris mới chính thức tuyên bố chủ quyền do áp lực của dư luận ở thuộc địa Việt Nam gồm cả người Pháp lẫn người Việt. Tuy vậy Trung Quốc đã dùng bạo lực để chiếm cứ đảo Pattle (Hoàng Sa) vào năm 1974. Mặc dù có những vấn đề khúc mắc cần thương lượng giữa hai nước, việc Trung Quốc chiếm cứ bằng bạo lực đảo Pattle (Hoàng Sa) sẽ vĩnh viễn không bao giờ được người Việt Nam chấp nhận và như thế mãi mãi Trung Quốc sẽ bị coi là kẻ xâm lược đối với dân tộc Việt, nếu vấn đề không được Trung Quốc ngồi lại thương thảo với Việt Nam, xem xét tìm kiếm một giải pháp hợp lý nhất. Tại sao ba lần (1932, 1937, 1947) Trung Quốc từ chối thương lượng với Pháp, hoặc trực tiếp giữa hai bên hoặc thông qua quyền trọng tài của Tòa án Công lý Quốc tế chỉ có thể hiểu là Trung Quốc không đủ bằng chứng nên sợ thua và việc chấp nhận một giải pháp hòa bình nào đó sẽ ngăn cản Trung Quốc tiếp tục dùng bạo lực để kiểm soát Biển Đông Nam Á trong tương lai.

Về Spratlys (Trường Sa), có thể kết luận là không có nước nào có đủ bằng chứng lịch sử để có thể khẳng định là nước đã có hoặc có quyền có chủ quyền ở đây. Càng phi lý, và lại trái với công pháp quốc tế và Luật Biển Liên Hợp Quốc 1982 khi Trung Quốc cho rằng khu vực biển Đông Nam Á nằm trong đũa chữ U mà họ vạch ra (cũng không rõ giới tuyến) là thuộc Trung Quốc. Có thể nói đây là vùng biển quốc tế mà những nước có bờ tiếp giáp cần trực tiếp thương thảo đa phương để đi đến giải pháp hòa bình cùng nhau chia sẻ lợi ích trên cơ sở của Luật Biển Liên Hợp Quốc 1982.

Yêu sách về Hoàng Sa và Trường Sa là nằm trong tham vọng kiểm soát toàn Biển Đông Nam Á của Trung Quốc, mà 80% nằm gọn trong vùng đũa chữ U Trung Quốc yêu sách chủ quyền. Yêu sách này ngược với ước vọng hòa bình và hợp tác của các nước trong khu vực và trên thế giới. Chỉ có sự đồng lòng về lợi ích đa phương mới có thể chặn đứng được tham vọng của Trung Quốc ở Biển Đông Nam Á.

Một thời gian rất dài, có lẽ mong muốn có hòa bình hoặc giải pháp với Trung Quốc nên nhà nước Việt Nam gần như cấm đoán nghiên cứu về Hoàng Sa và Trường Sa do đó việc tìm kiếm thông tin và huy động học giả trong nước nghiên cứu gần như không có, trừ quyển sách *Cuộc tranh chấp Việt Trung về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa* của ông Lưu Văn Lợi chuyên gia Bộ Ngoại Giao Việt Nam được xuất bản khi quan hệ Trung Quốc và Việt Nam căng thẳng. Thời gian qua một số học giả trong và ngoài nước tự phát nghiên cứu. Một số công trình ở miền Nam trước đây như *Tạp San Sử Địa* in năm 1974 và nghiên cứu của ông Nguyễn Nhã cũng vừa mới được phổ biến, cung cấp thêm thông tin. Một số công trình, đặc biệt là về cổ sử Trung Quốc, do Hồ Bạch Thảo ở Mỹ và Phạm Hoàng Quân ở Việt Nam đã xuất hiện, làm cơ sở cho kết luận của bài viết này là Trung Quốc không có chứng cứ lịch sử để khẳng định Paracels (Hoàng Sa) và Spratlys (Trường Sa) là thuộc Trung Quốc. Trong hoàn cảnh như thế, bài viết này chắc chắn còn thiếu sót và cần được tu chỉnh thêm trong tương lai. Bài này còn thiếu Phần phụ lục, có thể sẽ hoàn thành trước Hội thảo.

Bảng Mục Lục

Lời nói đầu	1
Phần I. Bối cảnh: sự trỗi dậy của một cường quốc quân sự	4
Sự quan trọng của Biển Đông Nam Á đối với khu vực và thế giới.....	4
Trung Quốc chưa bao giờ có chủ quyền trên Biển Đông Nam Á	5
Thế chiến thứ hai, đề quốc Nhật và ý đồ kiểm soát biển Đông Nam Á.....	5
Trung Quốc từ ý đồ sở hữu Hoàng Sa và Trường Sa.....	6
Mỹ đứng ngoài tranh chấp?	7
Chiến lược gặm nhấm chờ thời của Trung Quốc.....	8
Từ chờ thời đến biểu dương sức mạnh quân sự	9
Và đằng sau đề nghị hợp tác.....	11
Tham vọng kiểm soát biển Đông Nam Á.....	11
Mục tiêu của bài viết	13
Phần II. Xem xét lại những yêu sách dựa trên “chủ quyền lịch sử”	14
A. Những yêu sách của Trung Quốc	14
1. Bằng chứng phải là chính sử, tài liệu chính thức của nhà nước trung ương	17
2. Chứng cứ hành xử chiếm đóng thường trực, dài lâu trước Việt Nam?	25
B. Yêu sách chủ quyền của Việt Nam.....	30
1. Yêu sách về quần đảo Paracels và chứng cứ lịch sử	31
2. Yêu sách về quần đảo Spratlys (Trường Sa) và chứng cứ lịch sử.....	41
Bắc Hải có phải là Trường Sa không?.....	41
Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ có thể dùng làm chứng cứ?.....	42
Lý do kinh tế và cá lợi ích khác để vua chúa nhà Nguyễn kiểm soát Trường Sa?	44
Cuộc vận động chính phủ Pháp bảo vệ chủ quyền Việt Nam ở Paracels.....	49
Hoạt động của người Hoa và Nhật ở đá Woody (Phú Lâm)	49
Thái độ của chính phủ Pháp về chủ quyền trên Paracels và Spratlys	51
Pháp làm gì ở Paracels sau khi tuyên bố chủ quyền năm 1933?	55
Nhật và Paracels (Hoàng Sa) và Spratlys (Trường Sa)	56
Phần III. Bối cảnh: Đi tìm giải pháp hòa bình và công lý	57
Về quần đảo Paracels (Hoàng Sa) : giải pháp song phương	57
Về quần đảo Spratlys (Trường Sa) : giải pháp đa phương ba bước	58
Phụ Lục. Biên niên sử liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa.....	64

Phần I

Bối cảnh: Sự trỗi dậy của một cường quốc quân sự

Sự quan trọng của Biển Đông Nam Á đối với khu vực và thế giới

Không có gì có thể gây khó khăn cho sự phát triển một cách hòa bình của khu vực Đông Nam Á và toàn bộ lục địa châu Á hơn là sự can dự tích cực của quyền lực Trung Quốc tại biển Nam Trung Hoa. Vùng biển này có lẽ nên gọi là Biển Đông Nam Á (SEAS)¹ thì thích hợp hơn, vì nó là trung tâm của khu vực Đông Nam Á và các hoạt động hàng hải kết nối các nước trong khu vực Đông Nam Á, Bắc Á, ra biển Thái Bình Dương, các lục địa Ấn Độ, Trung Đông, Châu Phi và Châu Âu. Đại đa số các thương mại toàn cầu (khoảng 90% khối lượng) được vận chuyển bằng đường biển và đường biển của biển ĐNA vô cùng quan trọng đối với các dòng chảy thương mại này. Eo biển Malacca giữ vai trò đặc biệt quan trọng vì nó cung cấp các tuyến đường ngắn nhất giữa Ấn Độ Dương và biển ĐNA, và được sử dụng bởi hơn 70.000 tàu chở hàng năm, chuyên chở 15.000.000 thùng dầu trong năm 2006 và ước tính khoảng một phần ba thương mại thế giới. Biển ĐNA là rất quan trọng đối với mỗi quốc gia trong khu vực, đặc biệt đối với Nhật Bản, khi hơn 90% nhu cầu dầu của Nhật phải nhập khẩu và chủ yếu được vận chuyển qua biển ĐNA. Trung Quốc cũng phụ thuộc lớn vào việc vận chuyển qua biển ĐNA khi Trung Quốc nhập khẩu khoảng 43% nhu cầu năng lượng trong năm 2006 và năm 2020 này phụ thuộc được dự đoán sẽ tăng lên tới 60% hoặc thậm chí cao hơn.²

Bây giờ, khi Chiến tranh Lạnh đã qua đi, Biển ĐNA đáng lẽ đã có thể mang lại một môi trường hòa bình cho tất cả các nước liên quan. Trên thực tế, các nước đều có thể đi lại tự do ở vùng biển này từ trước chiến tranh thế giới thứ II. Trong nghìn năm lịch sử cho đến khi Thế chiến thứ hai nổ ra, không quốc gia nào từng đưa ra một yêu sách chủ quyền với vùng biển trong khu vực biển ĐNA với tư cách vùng nước nội thủy hoặc vùng nước lịch sử hay cố gắng thu thuế, phí bảo vệ vùng biển hay yêu cầu các nhà hàng hải nộp đơn đề nghị sử dụng vùng biển này.

¹ Yves Lacoste đề nghị đặt tên lại trong “*Les deux Méditerranées*”, Hérodote, Revue de géographie et de géopolitique, no. 27, 1982, p. 5.

² T Clive Schofield and Ian Storey, The South China Sea Dispute: Increasing Stakes and Rising Tensions, Jamestown Foundation, November 2009, p. 7-8.

Ngoài ra, cả ngàn năm trước khi thực dân xâm chiếm châu Á và trước Thế chiến thứ hai, không nước nào từng yêu sách chủ quyền, thiết lập chính quyền địa phương có hiệu quả, hoặc dự định dùng sức mạnh để bảo vệ chủ quyền của mình trên bất kỳ hòn đảo nào thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nhằm mục đích kiểm soát chính biển ĐNA.

Chỉ có một ngoại lệ và cũng chỉ dừng ở mức khai thác kinh tế, là ở vài hòn đảo nhỏ ở quần đảo Hoàng Sa, nơi mà từ năm 1816 vua Gia Long và các Hoàng đế Việt sau này coi là lãnh thổ Việt Nam, hàng năm đều gửi thủy thủ để thu thập những tài sản có giá trị còn lại từ các vụ đắm tàu. Hành động này là bình thường đối với bất kỳ một quốc gia, đã đến một vùng đất không có người ở - để khai thác nguồn tài nguyên, nhất là những hòn đảo này ở gần Việt Nam hơn là gần các nước khác.

Trung Quốc chưa bao giờ có chủ quyền trên biển Đông Nam Á

Trung Quốc, ngay trong lúc năng lực hàng hải vào giai đoạn đỉnh cao ở thời nhà Minh, vào thế kỉ 15 đã gửi Trịnh Hòa (郑和, Zhenghe) với hàng nghìn tàu và hàng chục ngàn binh sĩ tiến hành cuộc thám hiểm qua biển ĐNA và Ấn Độ Dương để chứng minh sức mạnh quân sự của Trung Quốc và đưa các phái viên nước ngoài dọc theo tuyến đường biển tới Trung Quốc để biểu thị lòng tôn kính với hoàng đế Trung hoa và triều cống.

Tuy nhiên, các cuộc thám hiểm này không nhằm mục đích chiếm đóng đất đai hoặc là kiểm soát vùng biển này. Từ những cuộc thám hiểm như thế này và các cuộc thám hiểm bé hơn đã là cơ sở để vẽ ra bản đồ Trung Quốc và bản đồ các vùng đất bên ngoài. Những bản đồ về “thế giới trong mắt Trung Quốc” không hề thể hiện là các vùng đất liền, hải đảo và đại dương này thuộc chủ quyền Trung Quốc, mặc dù chúng thường được diễn giải như vậy bởi Trung Quốc và các học giả Trung Quốc để hỗ trợ cho lập luận của nước này rằng quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, và 80% diện tích Biển ĐNA là vùng đất lịch sử và vùng biển của Trung Quốc.³

Thế chiến thứ hai, đế quốc Nhật và ý đồ kiểm soát biển Đông Nam Á

Sự bất ổn tại biển ĐNA chỉ xảy ra khi Nhật Bản, trước và trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, đã cố gắng mở rộng quyền kiểm soát của họ trên Biển ĐNA.⁴ Để chống lại sự mở rộng của Nhật Bản, và để bảo vệ các thuộc địa của họ, năm 1930 Pháp, một mình và đôi

³ Có 3 loại bản đồ các học giả Trung Quốc thường vẽ trong quá khứ. Loại thứ nhất là bản đồ Trung Quốc, phản ánh cương vực thực của Trung quốc thí dụ bản đồ Đại Thanh Nhất thống Toàn đồ. Loại hai là như Thanh bản Thiên hạ Toàn đồ, phản ánh cả vùng mà TQ coi là vùng ảnh hưởng hay phiên thuộc của mình. Và cuối cùng là loại ba ghi lại các cuộc thám hiểm của người Trung Quốc.

⁴ Đây là một trong những lập luận chính của Tonnesson. Coi Stein Tonnesson, The South China Sea in the Age of European Decline, *Modern Asian Studies*, vol. 40, no. 1, 2006.

khi với sự khuyến khích của Anh, đã chính thức yêu sách chủ quyền đối với toàn bộ quần đảo Hoàng Sa (Trung Quốc gọi là Tây Sa) và quần đảo Trường Sa (Trung Quốc gọi là Nam Sa) ở vùng biển ĐNA. Trường hợp ngoại lệ là đảo Pratas (mà Trung Quốc gọi là Đông Sa) chỉ một mình Trung Quốc yêu sách chủ quyền và hiện nay đang kiểm soát đảo này.

Trung Quốc từ ý đồ sở hữu Hoàng Sa và Trường Sa

Kể từ sự sụp đổ của chủ nghĩa bành trướng Nhật Bản và chủ nghĩa thực dân phương Tây sau Thế chiến II, quá khứ đế quốc của Trung Quốc dường như đang trôi dạt, có vẻ như đang cố gắng khôi phục lại vinh quang đã qua của mình. Ngay sau khi chiến tranh, Trung Quốc bắt đầu thực hiện chính sách gặm nhấm từng bước biển ĐNA. Quá trình này bắt đầu với tuyên bố của Chu Ân Lai về chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào năm 1952, và tiếp tục với những bước đi thận trọng để chiếm các đảo này khi Trung Quốc cảm thấy đủ an toàn để làm như vậy. Trong tuyên bố năm 2000, Bộ Ngoại giao Trung Quốc đưa ra các lý do sau đây để viện dẫn cho yêu sách chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa:⁵

Trung Quốc có chủ quyền không thể chối cãi đối với quần đảo Nam Sa [Trường Sa – tên gọi của Việt Nam] và các vùng nước lân cận. Trung Quốc là quốc gia đầu tiên phát hiện và đặt tên cho quần đảo là Nam Sa và là quốc gia đầu tiên thực hiện chủ quyền đối với quần đảo này. Chúng tôi có lịch sử phong phú và bằng chứng pháp lý để chứng minh điều đó và cộng đồng quốc tế từ lâu đã công nhận điều đó.

Trong Thế chiến II, Nhật Bản phát động các cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc và chiếm phần lớn lãnh thổ của Trung Quốc, bao gồm cả quần đảo Nam Sa. Điều này đã được nêu rõ trong Tuyên bố Cairo, Tuyên bố Potsdam và các văn bản quốc tế khác rằng tất cả các vùng lãnh thổ Nhật Bản đã bị đánh cắp từ Trung Quốc cần phải được giao lại cho Trung Quốc, và lẽ tự nhiên, chúng bao gồm quần đảo Nam Sa.

Tháng 12 năm 1946, Chính phủ Trung Quốc sau đó đã gửi quan chức cao cấp đến quần đảo Nam Sa để khôi phục chủ quyền. Lễ tiếp quản đã được tổ chức trên quần đảo và một tượng đài đã được dựng lên trong dịp kỷ niệm đó, và các binh sĩ đã được gửi qua làm nhiệm vụ đồn trú.

⁵ Cui: *The Issue of South China Sea*, Ministry of Foreign Affairs People's Republic of China June 2000, trên mạng của Federation of American Scientist: <http://www.fas.org/news/china/2000/china-000600.htm>

Năm 1952 Chính phủ Nhật Bản đã chính thức tuyên bố rằng Nhật Bản từ bỏ tất cả của nó "quyền, tên gọi và yêu sách chủ quyền đối với Đài Loan, đảo Bành Hồ cũng như các quần đảo Nam Sa và Tây Sa", do đó chính thức trả lại quần đảo Nam Sa cho Trung Quốc. Tất cả các nước đều thấy rõ đây là một phần của nền lịch sử.

Như một vấn đề của thực tế, Hoa Kỳ công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Nam Sa trong một loạt các hội nghị quốc tế và thông lệ quốc tế sau đó.

Phần trích dẫn trên có nhiều tuyên bố sai so với sự thật. Hoàn toàn sai khi tuyên bố rằng Tuyên bố Cairo và Potsdam đã quyết định rằng quần đảo Hoàng Sa (Tây Sa) và Trường Sa (Nam Sa) được trả lại Trung Quốc. Cũng hoàn toàn sai khi nói rằng Mỹ công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Nam Sa. Đúng là Nhật Bản đã được yêu cầu phải từ bỏ tất cả các vùng đất mà họ đã chiếm đóng nhưng không có lệnh nào yêu cầu Nhật Bản trả Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc. Trên thực tế, đề nghị của Liên Xô về việc này đã bị bác bỏ.⁶ (Các phân tích và tài liệu tham khảo với các sự kiện năm 1952 được liệt kê trong bảng phụ lục về biên niên sử các sự kiện liên quan đến biển ĐNA đã được kèm trong bài viết, và sẽ không được lặp lại ở đây).

Mỹ đứng ngoài tranh chấp?

Tuy nhiên, một điều quan trọng cần phải được chỉ ra ở đây là Hoa Kỳ đã không thể hiện bất kỳ mối quan tâm nào đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa kể từ năm 1950⁷ và gần đây đã nhiều lần tuyên bố:

“Hoa Kỳ luôn khẳng định chính sách cơ bản của chúng tôi liên quan đến yêu sách chủ quyền gây tranh cãi ở Biển Nam Trung Hoa (Biển Đông), gần đây nhất tại Đối thoại Shangri-La 2009, nơi Bộ trưởng Gates nói rằng Hoa Kỳ không đứng về bên nào trong tranh chấp chủ quyền và ủng hộ một giải pháp hòa bình để đảm bảo quyền tự do hàng hải”⁸

“Hoa Kỳ tiếp tục theo đuổi chính sách không đứng về bên nào trong tranh chấp yêu sách chủ quyền hợp pháp ở Biển Nam Trung Hoa. Nói cách khác, chúng tôi không đứng về bên nào trong tuyên bố về chủ quyền đối với các đảo cũng như các

⁶ Hội nghị phủ quyết với 48 phiếu chống và 3 phiếu thuận đề nghị của Liên Xô với 13 chỗ bỏ sung, 1 trong những điều bỏ sung là Nhật phải trao trả Hoàng Sa và Trường Sa (Paracels and the Spratlys) cho Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc. Coi James William Morley, *The Soviet-Japanese Peace Declaration*, Political Science Quarterly, Summer 1957.

⁷ Stein Tonnesson, *The South China Sea in the Age of European Decline*, *Modern Asian Studies*, vol. 40, no. 1, 2006, p. 47.

⁸ Điều trần của Phụ tá Thứ trưởng Quốc phòng (Deputy Assistant Secretary of Defense) Robert Scher trước Tiểu ban Đông Á và Thái Bình Dương, Ban Ngoại giao, Thượng viện Mỹ, 15 tháng 6 năm 2007.

dải đất khác ở Biển Nam Trung Hoa, hoặc là miền biển (như vùng lãnh hải) có hiệu lực dựa trên cơ sở vùng đất lãnh thổ. Tuy nhiên, Hoa Kỳ quan ngại về các yêu sách chủ quyền đối với “vùng lãnh hải” hoặc bất kỳ vùng biển nào không dựa trên cơ sở vùng đất lãnh thổ. Những tuyên bố về vùng biển như vậy không phù hợp với luật quốc tế, như đã được phản ánh trong Công ước Luật Biển của LHQ”⁹

Gặm nhấm chờ thời của Trung Quốc

Chính sách gặm nhấm của Trung Quốc đã được tính toán cẩn thận và căn thời điểm để tránh càng nhiều càng tốt bất kỳ phản ứng đáng kể nào của thế giới.

Năm 1974, Trung Quốc sử dụng vũ lực để chiếm cụm đảo Nguyệt Thiềm (Crescent) ở quần đảo Hoàng Sa lúc bấy giờ do quân đội miền Nam Việt Nam quản lý ngay sau khi quân đội Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam theo Hiệp định Paris 1972 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Việc này diễn ra đúng vào thời điểm miền Bắc Việt Nam, đồng minh của Trung Quốc đang phải tập trung nỗ lực vào cuộc chiến.

Năm 1988, Trung Quốc một lần nữa hành động, sử dụng vũ lực chiếm đảo Gạc Ma (Johnson South Reef) thuộc quần đảo Trường Sa vốn thuộc Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nhằm đặt chân lên quần đảo Trường Sa. Việc này được thực hiện vào thời điểm hải quân Liên Xô ở Vịnh Cam Ranh, Việt Nam gần như không còn hoạt động do tình hình hỗn loạn ở Liên bang Xô Viết và đó cũng là lúc Việt Nam bị cô lập với quốc tế do vấn đề Campuchia.

Việc giành quyền kiểm soát một cách lén lút của Trung Quốc đối với đảo Vành Khăn ở Trường Sa từ tay Philippines không được phát hiện cho đến năm 1994 và 1995, và nó đã được tính toán xảy ra đúng vào thời điểm Hoa Kỳ đã được chính phủ Philippines yêu cầu đóng cửa căn cứ quân sự ở nước này.

Tuy nhiên, có một việc nằm ngoài kế hoạch của Trung Quốc là vào thời điểm này, Trung Quốc đang đối mặt với sự tẩy chay của cộng đồng quốc tế do việc đàn áp bạo lực tại quảng trường Thiên An Môn năm 1989. Thế nhưng, đó cũng có thể là hành động được Trung Quốc tính toán trước, như là một phép thử cần thiết về phản ứng đối với Trung Quốc một khi nước này có hành động đối với đồng minh thân cận của Mỹ.

Yêu sách chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo này chỉ là một bước đi ban đầu để tiến đến mục tiêu tham vọng hơn nhiều là kiểm soát toàn bộ Biển ĐNA. Trung Quốc đã

⁹ Điều trần của Phụ tá Thứ trưởng Ngoại giao Scot Marciel trước Tiểu ban Đông Á và Thái Bình Dương, Ban Ngoại giao, Thượng viện Mỹ, 15 tháng 6 năm 2007.

xuất bản bản đồ 9 đoạn hình chữ U hầu như bao trọn vùng nước đại dương thuộc biển ĐNA như lãnh thổ của Trung Quốc. Tuy nhiên, Trung Quốc chưa bao giờ đưa ra một tuyên bố rõ ràng và cung cấp các luận chứng cho tuyên bố của mình.¹⁰

Từ chờ thời đến biểu dương sức mạnh quân sự

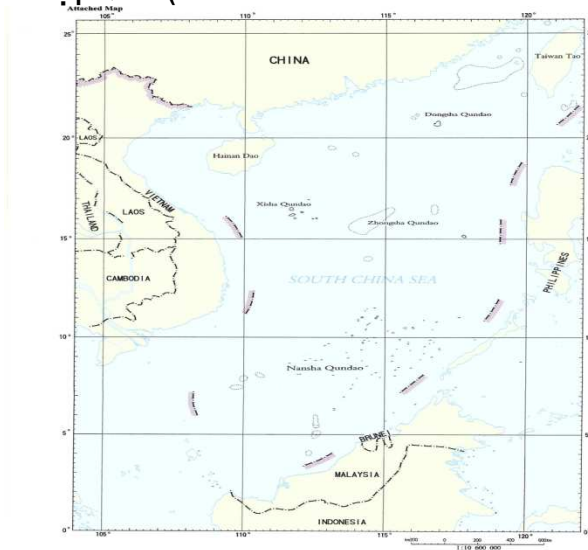
Tuy nhiên, năm 2009, phản ứng trước việc Malaysia và Việt Nam đăng kí chung về thêm lục địa lên Ủy ban về ranh giới ngoài thêm lục địa của LHQ ngày 6/5/2009, Trung Quốc cũng đã trình lên Ủy ban này tuyên bố về vùng nước rộng lớn bao quanh “đường ranh giới” 9 đoạn mà Trung Quốc vẫn chưa xác định rõ trên bản đồ.

Tuyên bố ngày 7/5/2009 viết, “*Trung Quốc có chủ quyền không thể chối cãi đối với các đảo ở biển Nam Hải và các vùng nước lân cận, và được hưởng các quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và các tầng đất dưới bề mặt vùng biển đó (xem đính kèm)*”.

Vùng nước liên quan của Trung Quốc trên thực tế là “*những tuyên bố về vùng lãnh hải hoặc bất kỳ vùng biển nào không dựa trên cơ sở vùng đất lãnh thổ*”, mối quan ngại không chỉ của Mỹ mà tất cả các nước ở khu vực châu Á – TBD. Bản đồ kèm theo (bản đồ số 1 dưới đây) là đường chữ U chín đoạn xác định lãnh thổ trên biển của Trung Quốc. Bản đồ số 2 tương tự như bản đồ số 1 được sử dụng để thể hiện không chỉ đòi hỏi của Trung Quốc mà còn mở rộng yêu sách chủ quyền của Trung Quốc vào khu vực 200 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế của hầu hết các nước ở khu vực ĐNA, bao gồm Brunei, Malaysia, Indonesia, Philippines và Việt Nam.

¹⁰ Coi Peter Kien-Hong Yu, “The Chinese (Broken) U-shaped line in the South China Sea: Points, Lines and Zones”, *Current Southeast Asia*, vol 25, no. 3, 2003. p. 407. Về đường chữ U có 9 điểm gãy do Bai Meichu, một viên chức của Cộng Hòa Dân quốc TQ (bây giờ là Đài Loan) tự nghĩ ra năm 1947, Yu viết: “Rất có thể là anh ta bị thúc đẩy bởi bản năng chiếm hữu từ đáy lòng như ngàn ngữ đã nói, ý tưởng đã là 9 phần mười của luật). Thật vậy, Bai thấy Pháp chiếm hữu (từ tháng 7 năm 1933 6 đảo ở Nam Sa (hay Spratly) và đã nói hay có thể coi là tự cảm thấy bằng cách nào đây phải bảo vệ chủ quyền của Trung Quốc.”

Bản đồ 1: Lãnh hải trong khu đường gạch chữ U Trung Quốc nộp cho Ủy ban Giới hạn Thềm Lục địa của Liên Hợp Quốc (UN's commission on the Limits of the Continental Shelf)



Bản đồ 2: Nguồn: UNCLOS và CIA, trên BBC News:
http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2009/06/090602_viet_malay_claim.shtml



Tuyên bố của Trung Quốc đã làm thành viên của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) lo ngại hai điểm. Trước tiên, quyền của các nước ASEAN đối với các khu dầu mỏ, quyền đánh bắt cá và khai thác tài nguyên dưới lòng đất khác sẽ bị hạn chế nghiêm trọng. Ví dụ, Việt Nam và Exxon Mobile hợp tác khai thác dầu khí ở giếng dầu Rồng Xanh (Blue Dragon) và bờ đá Vanguard nằm trong thềm lục địa Việt Nam, nhưng đồng thời cũng nằm trong đường ranh giới chữ U của Trung Quốc. Hai là, như đã thể hiện rõ ở bản đồ 2, biển ĐNA sẽ là một hồ nước không thể chối cãi của Trung Quốc nếu đường ranh giới chữ U của Trung Quốc được chấp nhận. Chấp thuận yêu sách của Trung Quốc

về quyền cấm tàu và máy bay quân sự nước ngoài đi qua vùng đặc quyền kinh tế của Trung Quốc là chấp nhận rằng Trung Quốc có được quyền lực quân sự hiếm có để kiểm soát Biển ĐNA.

Và đằng sau đề nghị hợp tác

Để che giấu mối đe dọa đó, Trung Quốc kêu gọi hợp tác trong việc khai thác chung các nguồn tài nguyên. Lần đầu tiên Trung Quốc đưa ra đề nghị với Philippines mà sau đó Việt Nam cùng tham gia Thỏa thuận thăm dò địa chấn hải dương chung ở một số khu vực của biển Nam Trung Hoa, gọi tắt là JMSU 7/2005. Thỏa thuận ba bên này giữa Philippines, Trung Quốc và Việt Nam nhằm thăm dò trữ lượng dầu và khí ở Biển Nam Trung Hoa đã hết hiệu lực vào tháng 7/2007 và không được ký lại khi Chính phủ Philippines phải đối mặt với sự phản đối gay gắt từ phía Nghị viện và báo chí nước này.¹¹

Tham vọng kiểm soát biển Đông Nam Á

Với mục tiêu đảm bảo cho tham vọng kiểm soát biển ĐNA của Trung Quốc, Hải quân Trung Quốc đã xây dựng căn cứ tàu ngầm tại đảo Hải Nam, có khả năng đáng kể trong việc gài mìn trong biển, chương trình chống tên lửa đạn đạo, và phát triển và đầu tư công nghệ quân sự được thiết kế để thách thức hải quân Mỹ tiếp cận vào vùng biển Đông Á, và kế hoạch xây dựng các tàu sân bay.^{12, 13}

Chiến lược được Trung Quốc đưa ra rõ ràng nhằm bao quanh biển ĐNA như vùng lãnh thổ của Trung Quốc và ngăn chặn những lực lượng bên ngoài xâm nhập vào vùng nước được nước này yêu sách chủ quyền. Đồng thời, mục tiêu của chiến lược này là ngăn cấm các quốc gia như Việt Nam đánh bắt cá trong vùng hình chữ U, và trên thực tế Trung Quốc đã triển khai thực hiện từ tháng 5/2009. Đây là hành động chuẩn bị cơ sở cho việc khai thác tài nguyên tích cực trong đường ranh giới chữ U với sự bảo vệ của hải quân Trung Quốc.

Cách diễn giải “độc đáo” luật biển quốc tế của Trung Quốc liên quan đến chính quyền của quốc gia ven biển nhằm hạn chế hoặc ngăn cấm các hoạt động quân sự nước ngoài ở

¹¹ Coi Jess Diaz , DFA bucks House bill on RP Spratly claim, *Philippine Star*, 13 Tháng 3 năm 2008

¹² Coi báo cáo toàn diện về tăng cường quân sự của Trung Quốc của Richard Fisher, Jr. *The Implications of China's Naval Modernization for the United States*, Testimony before the U.S. –China Economic and Security Review Commission, 11 tháng 6 năm 2009.
http://www.strategycenter.net/research/pubID.199/pub_detail.asp.

¹³ Điều này được Keating, Đô đốc Hải quân Mỹ xác nhận, coi “Asia-Pacific U.S. Military Overview”, <http://2002-2009-fpc.state.gov/113312.htm>.

vùng đặc quyền kinh tế là một phần trong kế hoạch nhắm tới của Trung Quốc là thực hiện độc quyền kiểm soát quân sự của Trung Quốc tại không gian biển bên trong đường chữ U. Sự kiểm soát này tương tự như sự kiểm soát để thực hiện chủ quyền đối với lãnh hải Trung Quốc”¹⁴

Rõ ràng hơn, Đô đốc Timothy Keating, Tư lệnh Hạm đội Thái Bình Dương của Hoa Kỳ đã nói về cuộc gặp gỡ Đô đốc Trung Quốc năm 2009 như sau::

*" ... khi chúng tôi – Trung Quốc xây dựng tàu sân bay, liệu chúng ta có thể đưa ra một thỏa thuận: Hoa Kỳ sẽ ở phía đông của Hawaii, chúng tôi sẽ ở lại phía tây của Hawaii và chúng tôi có thể giúp Mỹ tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc di chuyển tới tất cả các đường ở phía tây Thái Bình Dương. Các bạn sẽ cho chúng tôi biết điều gì đang diễn ra và các bạn đang ở đâu, và chúng tôi sẽ thông tin về những gì đang xảy ra và vị trí của chúng tôi. Tất cả mọi thứ sẽ thật tuyệt. Tôi đã từ chối lời đề nghị của ông ta."*¹⁵

Thật khó để hình dung Trung Quốc, quốc gia đã phải chịu nhiều đau khổ từ chủ nghĩa đế quốc Nhật và phương Tây có thể sử dụng cách tiếp cận tương tự để đe dọa các quốc gia khác như cách Trung Quốc đã làm trước khi phương Tây đến châu Á.

Sự khẳng định được lặp lại nhiều lần của Trung Quốc rằng Trung Quốc có chủ quyền “không thể thương lượng” – “non-negotiable”¹⁶ và “không thể tranh cãi”¹⁷ đối với các quần đảo ở biển ĐNA không nhất quán với lời kêu gọi của Trung Quốc về việc khai thác chung ở vùng biển ĐNA với các bên tuyên bố khác, trừ khi điều Trung Quốc thực sự muốn là khu vực khai thác chung là nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của các quốc gia ĐNA, nơi mà vùng đặc quyền kinh tế của các nước này chồng lấn với đường ranh giới chữ U do Trung Quốc tuyên bố. Đường ranh giới chữ U không dựa trên cơ sở lịch sử cũng như pháp lý nào.

¹⁴ Điều trần của Phó Giáo sư Peter Dutton, Viện China Maritime Studies Institute, U.S. Naval War College trước Tiểu ban Đông Á và Thái Bình Dương, Ban Ngoại giao, Thượng viện Mỹ, 15 tháng 7 năm 2009.

¹⁵ Coi Đô đốc Keating ở trên.

¹⁶ Tháng 7 năm 1977, Bộ trưởng Ngoại giao TQ Huang Hua xác định lại rằng chủ quyền TQ ở Biển Nam Trung Hoa là điều “không thể thương lượng”: “cương vực TQ kéo dài tới tận bãi cạn James Shoals, gần Borneo của Mã lai...Tôi nhớ là khi còn nhỏ đi học, tôi đã đọc về những đảo này trong sách địa lý. Lúc đó, tôi chưa bao giờ nghe thấy ai nói là nó không thuộc TQ...Người Việt cho rằng họ có chủ quyền ở đó. Cứ để họ nói kiểu đó. Nhiều lần họ đề nghị ta thương thuyết nhưng ta luôn luôn từ chối...Về chủ quyền những hòn đảo, chúng ta có bằng chứng lịch sử có thể kiểm tra. Không cần gì thương thuyết vì chúng thuộc TQ.” (*Beijing Review*, 22 tháng 7 năm 1977).

¹⁷ Coi *The Issue of South China Sea, đđ*; và “China reiterates sovereignty in South China Sea”, *China Daily*, 30 tháng giêng năm 2010 trên http://www.chinadaily.com.cn/china/2009-02/03/content_7442878.htm

Bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề chính liên quan đến nội dung khái quát trên, nhằm đánh giá các yêu sách chủ quyền trên cơ sở các văn bản lịch sử và luật pháp quốc tế. Không có tài liệu lịch sử mới nào mới được giới thiệu trong bản nghiên cứu này. Tuy nhiên, một sự nghiên cứu kỹ lưỡng hơn đối với các văn bản có sẵn hiện nay có thể cung cấp những sự diễn giải mới mẻ.

Cùng với việc nghiên cứu kỹ lưỡng luật pháp quốc tế, việc kiểm tra lại các văn bản lịch sử hi vọng sẽ mở ra những cuộc đàm phán nhiều bên một cách hợp lý hoặc đưa tới phân xử quốc tế dựa trên cơ sở thực tiễn, hơn là những hành động mang đậm chủ nghĩa dân tộc. Ít nhất, với các nước thành viên ASEAN, những quốc gia sẵn sàng đàm phán và những người không có động lực trong việc kiểm soát biển ĐNA, việc xem lại thực tế có liên quan hi vọng sẽ giúp dẫn tới một giải pháp công bằng và hợp lý.

Mục tiêu của bài viết

Bài viết này dựa trên các công trình nghiên cứu quan trọng, các tác phẩm được chấp nhận rộng rãi về lịch sử của một số tác giả bao gồm: nghiên cứu về khai thác và thương mại trên biển của Trung Quốc, của tác giả Marwyn S. Samuels mang tên *Contest for the South China Sea*¹⁸ vai trò của các cường quốc phương tây ở biển ĐNA trong đầu thế kỉ 20, Stein Tonnesson mang tên *The Age of European Decline*,¹⁹ Tạp chí *Tạp San Sử Địa*²⁰ (1974) bao gồm nhiều thông tin giá trị và các văn bản tiếng Việt viết bằng tiếng Hán và đã được dịch ra tiếng Việt.

Bài viết cũng sử dụng các nghiên cứu gần đây như Luận án Tiến sĩ của Nguyễn Nhã ở Việt Nam²¹, bản dịch các phần liên quan trong Thanh Sử Cảo (*Qing Shi Gao*, (清史稿, Lịch sử vương triều Thanh), và các bản đọc, dịch của Hồ Bách Thảo về Đại Thanh Nhất thống Toàn đồ (*Da Qing Yi Tong Quan Tu* (大清一統全圖), bản đồ đầy đủ của vương

¹⁸ Marwyn S. Samuels, *Contest for the South China Sea*, 1982, Methuan: New York and London.

¹⁹ Stein Tonnesson, “The South China Sea in the Age of European Decline”, *Modern Asian Studies*, vol. 40, no. 1, 2006.

²⁰ *Tạp San Sử địa*, số 27 and 28, Sài Gòn, 1974.

²¹ Nguyễn Nhã, *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia tp Hồ Chí Minh, trên <http://www.thongluan.org/vn/modules.php?name=News&file=article&sid=2468>.

triều Thanh)²² cũng như các bản dịch mới của ông từ các văn bản chính thức bằng tiếng Hán của Việt Nam trong thời chúa và vua Nguyễn ở thế kỉ 18.

Cùng với nó là các nghiên cứu quan trọng về luật quốc tế: Chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa - *Sovereignty over the Paracel and Spratly Islands*²³ của Monique Chemillier-Gendreau và lý luận pháp lý cụ thể của Từ Đặng Minh Thu cũng được tham chiếu.²⁴

Một số tranh cãi pháp và diễn giải pháp lý cũng đã được viện dẫn từ bài viết thông minh và công bằng của Brice Clagett, “*Competing Claims of Vietnam and China in the Vanguard Bank and the Blue Dragon Areas of the South China Sea.*”²⁵

Chỉ một số vấn đề được thảo luận trong phần chính, tuy nhiên, những phần còn lại không phải ít quan trọng hơn, đã được đưa vào trong biên niên biểu các sự kiện liên quan đến lịch sử và xung đột ở Biển ĐNA với nhận xét và/hoặc kết luận được đưa ra bởi các nhà nghiên cứu khác.

Biên niên biểu được kèm trong phụ lục ở cuối bài viết bao gồm không chỉ các sự kiện, thời gian quan trọng có liên quan đến tranh chấp ở Biển ĐNA được sưu tầm bởi các nghiên cứu đã nêu trên mà còn kèm theo các nhận xét và giải thích. Trong mỗi phần của bài viết, những nhận định chung sẽ được đưa ra trước khi phân tích cụ thể để chứng minh, nhờ đó người đọc sẽ có thể theo dõi một cách dễ dàng hơn.

Phần II

Xem xét lại những yêu sách dựa trên “chủ quyền lịch sử”

²² Hồ Bạch Thảo, “Tây Sa [Hoàng Sa], Nam Sa [Trường Sa] có được nói đến như là đất Trung Quốc trong Thanh Sử Cảo và Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ không?” *Thời Đại Mới*, (online journal published from USA), no. 18, March 2010. <http://www.tapchithoidai.org/>.

²³ Monique Chemillier-Gendreau, *Sovereignty over the Paracel and Spratly Islands*, Kluwer Law International, 2000.

²⁴ Từ Đặng Minh Thu, “Chủ Quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa”, *Thời Đại Mới*, (Báo mạng ở Mỹ, số 11, tháng 7 năm 2007).

²⁵ Brice M. Clagett, “Competing Claims of Vietnam and China in the Vanguard Bank and the Blue Dragon Areas of the South China Sea” *Journal Oil and Gas Law & Taxation Review*, vol. 13, issue 10 tháng 10 năm 1995 và vol. 13, issue 11 tháng 11 năm 1995.

A. Những yêu sách của Trung Quốc

Trung Quốc đưa ra hai yêu sách riêng biệt và không liên quan với nhau: Yêu sách về chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, và yêu sách về các vùng nước trong đường ranh giới 9 đoạn hình chữ U tại Biển ĐNA như là vùng nội thủy. Như vậy Trung Quốc đã yêu sách chủ quyền không chỉ tất cả các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong biển ĐNA cùng với các vùng liên quan như vùng nước lân cận, đáy biển và các tài sản thuộc các tầng đất mà còn yêu sách toàn bộ biển cùng với đáy và các tài sản thuộc tầng đất trong đường hình chữ U đã được trình lên Liên Hợp Quốc năm 2009 như đã được đề cập tới trong phần bối cảnh.

Yêu sách đầu tiên về các hòn đảo và các khu vực lân cận, vùng nước dựa trên đất liền ít nhất cũng tương thích với luật quốc tế.

Yêu sách thứ hai về chủ quyền đối với vùng biển không bắt nguồn từ đặc tính của đất liền có chủ quyền là không phù hợp với luật pháp quốc tế và không được hỗ trợ bởi các tài liệu lịch sử hay bởi bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, hoặc tự nguyện hoặc hoàn toàn đồng ý.

Yêu sách thứ hai về vùng nước trong đường hình chữ U chỉ hợp lý nếu biển ĐNA luôn được thế giới coi là vùng nước lịch sử của Trung Quốc và nếu Trung Quốc luôn có đủ khả năng kiểm soát nó và đã thuyết phục các quốc gia khác theo cách này hay cách khác chấp nhận sự kiểm soát của Trung Quốc từ trước đến nay. Nhưng Trung Quốc chưa bao giờ kiểm soát biển ĐNA và không ai chấp nhận điều này vì rõ ràng là các quốc gia khác luôn luôn có quyền tự do đi lại ở đây mà không phải xin phép ai.

Yêu sách thứ hai cũng không phù hợp với Công ước luật biển của Liên Hiệp Quốc. Công ước Luật biển không chấp nhận khái niệm “*vùng biển lịch sử*”. Tuyên bố thứ hai cũng ngược với *Tuyên bố về Lãnh hải* của Trung Quốc năm 1958 (*Declaration on China's Territorial Sea* ò 1958) và *Luật năm 1992 về Lãnh hải và Vùng Tiếp giáp* (China's 1992 *Law on the Territorial Sea and the Contiguous Zone*), trong đó đề cập tới vùng biển cả như một thứ để chia tách các hòn đảo, ví dụ như quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, khỏi đất liền và các đảo ven bờ. Điều 1 của *Tuyên bố về vùng Lãnh hải* của Trung Quốc viết như sau:

Bề rộng của lãnh hải của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc là mười hai hải lý. Điều khoản này áp dụng cho tất cả các vùng lãnh thổ của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, bao gồm cả Trung Quốc đại lục và các hòn đảo ven biển của nó, cũng như Đài Loan và các đảo lân cận của Đài Loan, quần đảo Bình Hồ, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, Nam Sa (Trường Sa),

*và tất cả các hòn đảo khác thuộc Trung Quốc nằm cách đất liền và các đảo ven biển của Trung Quốc bởi các vùng biển cả.*²⁶

Văn bản này tuyên bố rằng có vùng biển cả nằm giữa đại lục cùng vùng cao nguyên ven biển của đại lục và tất cả các hòn đảo khác. Vùng biển cả mà tuyên bố này đề cập tới không còn tồn tại khi TQ công bố đường chữ U.

*Luật năm 1992 về Lãnh hải và các Vùng Tiếp giáp của Trung Quốc đã làm cho yêu sách chủ quyền về “các vùng nước lịch sử” trở nên vô lý, thiếu nhất quán . Giống như Tuyên bố về Lãnh hải năm 1958, luật năm 1992 chỉ đưa ra tuyên bố lãnh hải 12 hải lý bao quanh đất liền mà nó yêu sách chủ quyền, cộng với vùng tiếp giáp 12 hải lý cho các mục đích hải quan và các mục đích tương tự như vậy. Luật này không nêu ra “vùng biển lịch sử” hoặc bất kỳ cơ sở nào cho các quyền về biển khác hơn là các vịnh đại biển thuộc về đất liền. Ông Brice M. Clagett viết như sau*²⁷

“Không có ví dụ nào tồn tại trong luật pháp quốc tế hiện đại mà một nước đưa ra yêu sách chủ quyền – càng không có ví dụ nào mà nước đưa ra tuyên bố như vậy lại được các nước khác hay cộng đồng quốc tế cho phép hoặc công nhận - để nhằm mở rộng lãnh hải (và/hoặc đáy biển) vịn vào có cơ sở hữu “lịch sử”. Thậm chí, nếu Trung Quốc có thể chỉ ra rằng từ thời xa xưa khi ngư dân Trung Quốc đánh bắt độc quyền ở các khu vực này thì Trung Quốc cũng không thể thiết lập sở hữu “lịch sử” đối với biển và/hay đáy biển.

“No instance exists in modern international law in which a state has made a claim - much less in which a state has had such a claim allowed or recognized by other states or by the international community - to broad expanses of maritime space (and/or its seabed) on the basis of an alleged "historic" title. Even if China could show that from time immemorial its citizens exclusively had navigated and fished in the entire South China Sea, such a showing would not even begin to establish a "historic" title to the sea and/or seabed.”

Bằng việc yêu sách chủ quyền đối với vùng nước, vùng nước mà không suất phát từ đất liền và không tương xứng với luật quốc tế, Trung Quốc có thể sử dụng điều này như một lý do để ép các nước khác phải chấp nhận yêu cầu của họ. Mối đe dọa tiềm ẩn này đã tạo ra việc đẩy mạnh chạy đua xây dựng quốc phòng ở khu vực Đông Nam Á và có thể dẫn đến hậu quả khó lường khi tuyên bố của Trung Quốc không hợp pháp và bị phản đối về mặt đạo đức ở cấp độ quốc tế.

²⁶ Brice M. Clagett, đd. issue 11.

²⁷ Luận điểm về vùng nước lịch sử, và sự thiếu nhất quán giữa tuyên bố của TQ về đường chữ U và chính Luật biển TQ cũng như Luật Biển LHQ có thể xem Brice M. Clagett, issue 11, đd .

1. Bằng chứng phải là chính sử, tài liệu chính thức của nhà nước trung ương

Việc Trung Quốc tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là dựa trên các tài liệu mà kẻ du hành và các nhà thám hiểm viết ra và dĩ nhiên, theo công pháp quốc tế, không phải là các tài liệu chính thức của chính phủ có thể dựa vào để chứng minh chủ quyền và sự kiểm soát chính thức của Trung Quốc ở các quần đảo này. Các bản đồ cổ mà các học giả Trung Quốc sử dụng cũng không phải là bản đồ chính thức. Thực tế, chúng là những bản đồ vẽ về thế giới, cái mà, dĩ nhiên, sẽ bao hàm cả Biển ĐNA cũng như các nước bị Trung Quốc coi là chư hầu và các nước nằm dưới sự cai trị của Trung Quốc. Những nơi có tên trong những bản đồ ấy không phải là lãnh thổ của Trung Quốc.

Trung Quốc chưa bao giờ coi quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là lãnh thổ của mình. Thậm chí cuối thế kỷ 19, Trung Quốc vẫn không coi Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Trung Quốc. Điều này được đánh dấu bởi các sự kiện liên quan đến hai tàu La Bellona và Imeji Maru. Hai tàu này bị chìm gần quần đảo Paracels (Hoàng Sa), một tàu chìm năm 1895 và tàu còn lại chìm năm 1896. Các ngư dân từ đảo Hải Nam, Trung Quốc đã nhặt được đồng từ xác tàu vỡ đem bán lại cho các hãng tàu. Công ty bảo hiểm của hai con tàu này đã phản đối chính phủ Trung Quốc, đòi Trung Quốc phải chịu trách nhiệm. Khâm sai Quảng Đông trả lời Công sứ Anh tại Bắc Kinh rằng "*Paracels là những hòn đảo vô chủ (nguyên văn: bỏ không) chẳng thuộc Trung Quốc cũng như chẳng thuộc An Nam, về mặt hành chính chúng không nằm trong địa phận của quận huyện nào ở Hải Nam và cũng không có cơ quan đặc trách nào lo việc cảnh sát ở đó cả.*"²⁸. Sự kiện này tuy nhỏ nhưng cũng có thể giúp khẳng định là Trung Quốc không coi quần đảo này thuộc họ vào lúc đó.

Chúng ta hãy xem Trung Quốc chứng minh và bảo vệ tuyên bố của họ như thế nào. Như đã được phản ánh trong quan điểm của Bộ Ngoại giao Trung Quốc và trong **Tuyên bố năm 2000**,²⁹ Trung Quốc viết như sau:

Vấn đề (1) về phát hiện: Người Trung Quốc là người đầu tiên phát hiện ra quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

²⁸ *Eveil economique de l'Indochine*, no. 741, trích từ (phụ lục 5 trong sách của Monique Chemillier-Gendreau). Câu này nguyên ủy từ lá thư ngày 20.3..1930 của Toàn quyền Đông Dương (Pasquier) gửi Bộ trưởng Bộ thuộc địa.

²⁹ *The Issue of South China Sea*, Ministry of Foreign Affairs People's Republic of China June 2000. Posted on the website of Federation of American Scientist: <http://www.fas.org/news/china/2000/china-000600.htm>.

Sự phát hiện sớm nhất của người Trung Quốc về quần đảo Nam Sa (Trường Sa) có thể truy nguyên ngược về nhà Hán. Yang Fu thời Đông Hán (năm 23- 220 sau công nguyên) nói về quần đảo Trường Sa trong cuốn sách của ông ta với tựa đề Dị vật Chí (Yiwu Zhi), đọc là: Zhanghai Qitou, shui quian er duo cishi” (“Có các đảo nhỏ, cồn cát, bãi đá và các rạn san hô ở biển Nam Trung Hoa, vùng nước ở đây không sâu và đầy các đá hoặc sỏi có từ tích.”³⁰

Vấn đề (2) về ghi chú trong bản đồ: Trung Quốc cho rằng “Changsa” có nghĩa là Paracels (tên Việt là Hoàng Sa và “Shitang” (Thạch đường) có nghĩa là Trường Sa và rằng chúng đã được ghi lại trong *Bản đồ toàn lãnh thổ và Địa lý, thủ phủ thuộc các triều đại trước* đã được in thời nhà Minh, và *Bản đồ lộ trình* cũng được in thời Minh, nhuận sắc và sử dụng thời Thanh, được sử dụng như “*một hướng dẫn về phương hướng cho ngư dân Trung Quốc trong các chuyến đi của họ tới quần đảo Tây Sa và Nam Sa*”. Ở các bản đồ này, có thể tìm thấy từ “Thạch đường” thay cho từ Nam Sa được sử dụng ngày nay. [Chú thích của tác giả: Các danh từ riêng về bản đồ ở trên viết bằng tiếng Anh, không có nguồn gốc tiếng Hán, nên không rõ tên và nguồn gốc thật của chúng.]

Vấn đề (3) về hoạt động của dân chúng: Trung Quốc là nước đầu tiên phát triển quần đảo Trường Sa: “*Hướng dẫn tới biển Nam Trung Hoa năm 1868 có ghi nhận các hoạt động của ngư dân Trung Quốc tại trong vùng biển Nam Sa.* . [Chú thích của tác giả: Các danh từ riêng về bản đồ ở trên viết bằng tiếng Anh, không có nguồn gốc tiếng Hán, nên không rõ tên và nguồn gốc thật của chúng.]

Vấn đề (4) về thực hiện chủ quyền nhà nước: Trung Quốc là nước đầu tiên thực hiện thẩm quyền ở quần đảo Nam Sa. Điều này được thực hiện từ thời nhà Nguyên. Trong thời Nhà Thanh, Trường Sa được đánh dấu như là lãnh thổ của Trung Quốc trong nhiều bản đồ như:

“Bản đồ về phân chia hành chính của toàn Trung Quốc trong bản đồ vẽ 1724 các tỉnh của vương triều nhà Thanh. Bản đồ phân chia hành chính của toàn Trung Quốc trong bản đồ vẽ năm 1755 các tỉnh vương triều nhà Thanh, Bản đồ 1767 Toàn Trung Quốc của Đại Thanh trong mười ngàn năm, và Bản đồ định vị vẽ năm 1810 Toàn Trung Quốc của Đại Thanh trong 10 nghìn năm, và Bản đồ vẽ 1817 Toàn Trung Quốc của Đại đế Thanh trong 10 nghìn năm...” .[Chú thích của

³⁰ Những tài liệu này không còn trên mạng của Bộ Ngoại giao Trung Quốc mà địa chỉ đã được ghi trong bài của Jian Ming Shen, “China’s sovereignty over the South China Islands: a historical perspective”, *Chinese Journal of International Law*, vol. 1, no. 1, trang 95, ở chú thích 6, là: <http://www.fmprc.gov.cn/eng/5997.html>. Tuy nhiên những tài liệu này vẫn còn trên mạng của Liên đoàn các nhà khoa học: <http://www.fas.org/news/china/2000/china-000600.htm>.

tác giả: Các danh từ riêng về bản đồ ở trên viết bằng tiếng Anh, không có nguồn gốc tiếng Hán, nên không rõ tên và nguồn gốc thật của chúng.]

Về vấn đề (1) về việc phát hiện, có thể đúng là Trung Quốc là nước đầu tiên viết về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bởi vì Trung Quốc đã phát triển hệ thống chữ viết vào thời gian đó. Tuy nhiên, có thể không đúng nếu như cho rằng người Trung Quốc là người đầu tiên phát hiện ra những quần đảo này. Rất có thể những người rất giỏi đi biển của Vương quốc Chăm ở miền Trung Việt Nam hiện nay đã phát hiện ra chúng từ lâu trước người Trung Quốc, nhưng những người này lúc đó chưa có chữ viết nên không thể viết ra được.

Cần có sự phân biệt rõ ràng về mặt khái niệm giữa nhận thức về mặt địa lí và sự khám phá. Hiệu quả về mặt pháp lý của chúng cơ bản khác nhau.

Thực tế trong trường hợp này không có tài liệu nào, ngoài việc cho phép chúng ta nhận biết về mặt địa lí các đảo hay biết tới những chuyến đi riêng lẻ của một số ngư dân, có thể cho phép chúng ta kết luận rằng Chính phủ Việt Nam hay Trung Quốc đã thực hiện các hành động, có thể coi là thực thi quyền sở hữu dù chỉ là một cách tượng trưng trước thế kỉ 18, trước khi Hoàng đế Gia Long của Việt Nam thực hiện quyền lực ở Hoàng Sa.³¹ (Ý nghĩa của Hoàng Sa sẽ được thảo luận trong phần tuyên bố của Việt Nam). Tất nhiên đã có sự có mặt của dân quân chúa Nguyễn gửi ra đảo từ những năm 1760 và được ghi trong Phủ Biên Tạp lục của Lê Quý Đôn, nhưng việc Đàng Trong của chúa Nguyễn có phải là một quốc gia độc lập không là vấn đề có thể tranh cãi.

Hơn nữa, trên cơ sở tiền lệ trong luật quốc tế, yêu sách chủ quyền dựa trên một vùng đất vô chủ (**terra nullius**) chỉ là sở hữu chưa hoàn chỉnh và mới là bước đầu/phôi thai; nó cần được chuyển thành một sở hữu thực tế thông qua việc thực thi quyền lực liên tục: sở hữu hiện thực, liên tục, không bị gián đoạn, của bên yêu sách chủ quyền trước khi yêu sách chủ quyền đó có hiệu lực. Bà Monique Chemillier Gendreau đã viết về học thuyết đã được phát triển giữa thế kỷ trước và đã được khẳng định trong các hành xử thực tế về ngoại giao và tiền lệ phân xử³² qua quan điểm pháp lý quốc tế như sau:

“Phát hiện đi kèm với sự khẳng định công khai về chủ quyền tạo ra, không hơn không kém, quyền sở hữu tạm, chưa hoàn chỉnh, có khả năng loại bỏ các nước thứ 3 khỏi lãnh thổ nơi quyền này áp dụng, trong một thời gian cần thiết cho sự phát triển của quyền sở hữu thông qua việc chiếm giữ, nhưng không phải vô hạn định,

³¹ Monique Chemillier-Gendreau, *đd*, trang 57.

³² Án lệ Aves Islands case. Award of 30 June 1865 between the Netherlands and Venezuela, A. de la Pradelle and N. Politis, *Historical Note, Recueil des Arbitrages Internationaux*, vol. II, pp. 417-418. Cũng nên coi Beatrice Orent and Patricia Reinsch, 'Sovereignty over Islands in the Pacific', *American Journal of International Law*, 1941, trang. 443.

mà đủ thời gian để người sở hữu có thể bổ sung bằng việc chiếm hữu thực sự, việc phát hiện không thể thay thế cho việc chiếm hữu thực sự.”

*“Discovery accompanied by a public affirmation of sovereignty creates **no more than an inchoate title** capable of removing third States from the territory to which it applies, during the time necessary for its development through occupation, but not indefinitely, as it is enough to enable its possessor to supplement it by actual occupation, that cannot be a substitute for it.”³³*

“...tuyên bố về chủ quyền không chỉ dựa trên một vài hành động hay sở hữu cụ thể như một hiệp ước nhượng lại mà còn dựa trên sự triển khai liên tục về quyền lực, liên quan đến hai yếu tố mà mỗi yếu tố ấy phải được thể hiện rõ sự tồn tại thực tế của: ý định và ý chí thực hiện chủ quyền, và một số hành động thực hiện cụ thể và hay triển khai phô trương quyền lực này.”

*“...a claim to sovereignty based not upon some particular act or title such as a treaty of cession but merely upon **continued display of authority**, involves two elements each of which must be shown to exist: **the intention and will to act as sovereign, and some actual exercise or display of such authority.**”³⁴*

“Đối với yêu cầu giành chủ quyền thông qua việc cư trú, hành động chiếm hữu chủ động, liên tục, và không gián đoạn là đòi hỏi của các đạo luật từ thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19 - một nguyên tắc luật mãi cho đến năm 1885 mới được công nhận tại Hội nghị Berlin. Những tuyên bố của hội nghị này không có giá trị hồi tố.”

*“For to require of the acquisition of sovereignty by **occupation an active taking of possession, uninterrupted and permanent**, is to apply to acts dating from the 18th century and the early 19th century a principle of law not proclaimed until 1885 by the Berlin Conference; the declarations of that Conference cannot have retroactive effect.”³⁵*

Trung Quốc đáng lẽ có thể đã đạt được sở hữu tạm, không đầy đủ nhưng đã không đưa ra tuyên bố yêu sách chính thức về chủ quyền trong suốt hơn 1 ngàn năm. Sau này TQ tuyên bố chính thức thì lại đến sau khi Việt Nam đã tuyên bố chính thức và đã hoạt động ở trên những quần đảo Hoàng Sa trong một thời gian dài mà không có sự phản đối của bất cứ nước nào. Điều này sẽ được bàn cụ thể thêm ở phần sau.

Các vấn đề (2), (3), và (4) về việc thực thi quyền sở hữu (ghi trên bản đồ, và sự hiện diện của người Trung Quốc), Trung Quốc và tất cả các học giả của họ đều dựa trên bản đồ phổ thông, do tư nhân thực hiện hoặc tài liệu du lịch, không phải tài liệu quốc gia chính thức,

³³ Monique Chemillier-Gendreau, *đd*, trang 51.

³⁴ Permanent Court of International Justice, Advisory Opinion regarding Eastern Greenland, *ICJ Reports* 1933, p. 45 (territory disputed between Denmark and Norway), quoted from Monique Chemillier-Gendreau, *ibid.*, p. 50.

³⁵ Monique Chemillier-Gendreau, *ibid.*, p. 52.

để chứng minh cho yêu sách chủ quyền của họ hoặc là cố tình phân tích sai. Tuy nhiên, theo thực tiễn luật quốc tế hiện nay, chỉ những yêu sách được đưa ra bởi nhà nước và được phản ánh bằng các hành động của chính quyền trung ương mới có thể có hiệu lực pháp lý (Vấn đề này sẽ được bàn thêm sau này).

Không thể xác định các văn bản nêu trong *Tuyên bố 2000* của Bộ Ngoại giao Trung Quốc vốn không được viết bằng tiếng Trung và không có tài liệu tham khảo. *Bản đồ Lộ trình* đề cập dường như chỉ là một tài liệu hướng dẫn chỉ đường cho các ngư dân. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải kiểm tra một số tài liệu được các học giả Trung Quốc đề cập và sử dụng như là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Một trong những văn bản quan trọng mà các học giả Trung Quốc viện dẫn là *Mộng Lương Lục* (Meng Liang Lu 梦梁录, Ghi chép giấc mơ về thủ đô) do Ngô Tự Mục (Wu Zimu 吴自牧) viết năm 1275. Nó miêu tả Hoàng Sa theo cách mà bây giờ chúng ta biết, gần tuyến đường vận chuyển từ Trung Quốc tới phương Nam, đi dọc theo bờ biển của Việt Nam:

“Sau khi đi được 70 chang, họ đi vào Thất Châu Dương (Ch’i- Chou Yang) (biển 7 đảo) và tiến xa hơn tới biển K’n-lun (tức Poulo Condore), Sha-mo, She-lung, và Tao-chi, (họ đã gặp) những con sóng lớn cao tới thiên đàng. Hơn nữa, gần với các đảo và đá, biển rất nông và tàu của họ có khả năng bị đập tan. Họ hoàn toàn phụ thuộc vào kim chỉ nam, và chỉ cần lệch hướng một chút, họ sẽ trở thành mồi cho cá. Những người đi biển từ thời cổ xưa đã phải kêu lên rằng: “Đi ra, sợ Thất Châu, trở về sợ Côn Đảo.”³⁶

Thất Châu Dương, Ch’i-Chou Yang (七洲洋, Qi Zhou Yang, trong tiếng phiên âm mới thay vì kiểu Wade-Giles, là tên Trung Quốc gọi biển từ phía Hồng Kông đi theo phía đông và xuống phía nam đảo Hải Nam, tới khoảng miền trung Việt Nam và K’un-lun là Poulo Condore hay tên của hòn đảo Côn Đảo hiện nay đang nằm ngoài khơi bờ biển miền Nam Việt Nam. Những chuyến đi biển được mô tả ở đây, nếu là nhằm phục vụ mục đích thương mại, chắc chắn là không thể qua Trường Sa bởi chúng rất xa tuyến đường vận chuyển gần bờ biển Việt Nam.

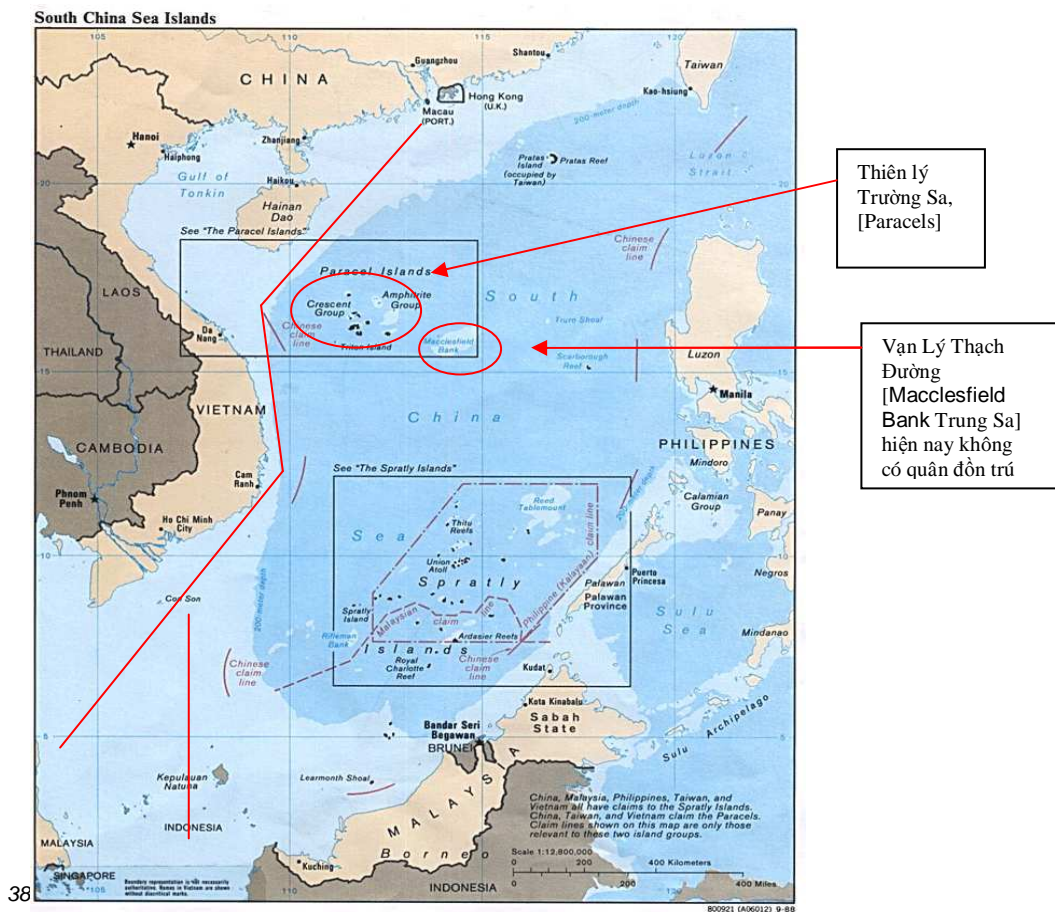
Marwyn S. Samuels khi xem xét tài liệu về đô đốc và cũng là nhà thám hiểm nổi tiếng đầu nhà Minh là Trịnh Hòa (Zheng He 郑和 hay phiên theo Wade-Giles của Samuels là Cheng Ho) (1371-1433) - người đã từng vượt biển ĐNA với 3 nghìn con tàu và hơn 20.000 lính – cho rằng hầu hết các báo cáo chính thức và những ghi chép/hồ sơ về các

³⁶ Marwyn S. Samuels, *đd*, trang 17.

chuyến đi đã bị mất hoặc bị phá hủy do chính sách chống hàng hải sau này của nhà Minh. Những bản tường thuật còn sót lại viết bởi Mã Hoan (Ma Huan 馬歡) năm 1435 và được đặt tên là *Doanh Nhai Thắng Lãm* (瀛涯胜览 *Ying gai sheng lan*, Triumphant Vision of the Ocean Shores) chỉ nhắc lại những gì đã từng được viết bởi Ngô Tự Mục (Wu Zimu).³⁷ Những tài liệu này không phải là chính sử.

Vị trí của tuyến đường vận chuyển thường xuyên cho phép ta kết luận là người đi tàu thuyền có thể thấy Paracels (Hàng Sa) và Macclesfield Bank (Trung Sa theo tên TQ gọi). Coi bản đồ Biển ĐNA ở dưới.

Bản đồ 3. Biển ĐNA và vị trí đường hàng hải và địa danh thời cổ



Samuels kết luận:

³⁷ Samuels, đd, trang 21.

³⁸ Samuels, đd, trang 23.

“.. Cần phải lưu ý rằng cho tới nay không có các nguồn trích dẫn nào đề cập đến Trường Sa. Chắc chắn rằng, các tài liệu tham khảo mang tính chất mơ hồ chung chung liên quan đến Vạn lý Thạch Đường có thể bao gồm các rạn san hô, đá, những bờ cát và các đảo nhỏ của biển Nam Trung Hoa. Tuy nhiên, giả định rằng Thất Châu Dương chính là vùng biển ngay vùng đông nam đảo Hải Nam, điều xác định dễ chấp nhận hơn là vạn lý thạch đường ở vị trí quần đảo Paracels (Hoàng Sa) và Macclesfield Bank (Trung Sa).”

Trịnh Hòa đã có thể cấm cờ Trung Quốc trên toàn bộ biển ĐNA và biến nó trở thành một cái hồ của Trung Quốc, nhưng ông ta đã không bao giờ làm như vậy, và cũng không có lý do hay chứng cứ rõ ràng là ông ta đã đi qua khu Trường Sa qua điều Ngô Tự Mục viết đã dẫn ở trên và qua điều Samuels diễn giải. Các nhà chức trách Trung Quốc chưa từng để mắt tới biển ĐNA mãi cho đến năm 1902 khi phái Lý Chuẩn ra đó xem xét lần thứ nhất và năm 1909 ra đó dựng cờ chủ quyền.³⁹ Ngay cả khi Trung Quốc chú ý tới biển ĐNA, họ quan tâm nhiều hơn tới các vùng đất có thể chiếm đóng hơn là vùng biển chỉ có những hòn đảo nhỏ bé và ít tài nguyên được thấy vào lúc đó, chẳng hạn lúc đầu chỉ đề ý đến đảo Phú Lâm (Woody Islet) trong quần đảo Paracels (Hoàng Sa).

Rất ngạc nhiên là nhiều học giả Trung Quốc đã sử dụng những cuốn sách du lịch viết bởi hay viết lại sau khi nghe thủy thủ và các nhà thám hiểm Trung Quốc nói⁴⁰ hoặc những tấm bản đồ về vùng đất bên ngoài cương vực Trung quốc (trong các bản đồ thế giới theo con mắt hạn hẹp của người Trung Quốc lúc đó) để chứng minh rằng biển ĐNA là một cái hồ của Trung Quốc và để khẳng định những vị trí được đề cập tới như, “*changsha, Trường Sa*” cho quần đảo Paracels (Hoàng Sa) và “*shitang, Thạch Đường*” cho quần đảo Spratlys (Trường Sa) là thuộc lãnh thổ của Trung Quốc.⁴¹

³⁹ Samuels, dd, trang 53.

⁴⁰ Cui Teh-Kuang Chang, “China's claim of sovereignty over Spratly and Paracel Islands: A historical and legal perspective”, *Case Western Reserve Journal of International Law*; Summer 91, Vol. 23 Issue 3.

Các sách mà ông ta đề cập tới trong bài là sách của người du lịch và thám hiểm gồm: “*Mộng Lương lục/ Meng Liang Lu (Record of a Day-Dreamer)* thời nhà Tống, *Đảo Di chí lược/ Dao Yi Zhi Lu (Beef Account of the Islands)* thời nhà Nguyên, *Đông Tây dương khảo/ Dong Xi Yang Kao (Studies on the Oceans East and West)* và *Thuận phong tương tống/ Shun Feng Xiang Song (Fair Winds for Escort)* thời nhà Minh, *Chỉ nam chính pháp/ Zhi Nan Zheng Fa (Compass Directions)* và *Hải Quốc văn kiến lục/ Hai Guo Wen Jian Lu (Records of Things Seen and Heard About the Coastal Regions)* thời nhà Thanh (Qing dynasty) và *Canh lộ bạc [bộ] / Geng Lu Bu (Manuals of Sea Routes)* cho dân chài của nhiều thế hệ.”

⁴¹ Tiêu biểu ta có thể đọc Jian Ming Shen, (1) “Territorial aspects of the growth of South China Sea disputes” trong sách *Security Flashpoints: Oil Island, Sea Access and Military Confrontation* do Myron H. Norquist và John Norton Moore chủ biên, The Hague, Boston: Nijhoff, 1988. (2) Cùng tác giả, “China's sovereignty over the South China Islands: a historical perspective”, *Chinese Journal of International Law*, vol. 1, no. 1, 2002.

Những vùng đất bên ngoài ở phía Đông Trung Quốc thường được gắn với **di** (Yi, 夷 chỉ những người man di ở phía Đông), **chư phiên** (zhufan, 諸番 chỉ tất cả những người man di hay người nước ngoài) hoặc lịch sự hơn là **thiên hạ** (tianxia, 天下) có nghĩa là thế giới. Những tấm bản đồ của các triều đại (ví dụ, 清本圖 –Qing ben tu, Thanh bản đồ, bản đồ trên cơ sở nhà Thanh, bao gồm cả các nước được đặt dưới sự thống trị của Trung Quốc hoặc được coi là chư hầu.

Ví dụ, tác giả Jian Ming Shen, người đã tự nhận là có ảnh hưởng đến việc viết *Tuyên bố năm 2000* của Bộ Ngoại giao Trung Quốc (nói đến ở trên), đã trích lời giáo sư Wu Fengbin của Đại học Hạ Môn, người đã dùng các bản đồ hay những cuốn sách sau như là chứng cứ: Thanh giáo quảng bị đồ (*Shengjiao Guang beitu*, 聲教廣被圖, Map of the Vast Reach of [China's Moral] Teaching, 1330), Du địa đồ (*Yudi Tu*, 與地圖, Terrestrial Map-bản đồ vùng đất thêm vào, 1311-1320), Đông nam hải di đồ (*Dongnan Hai Yi Tu*, 東南海夷圖, Map of Barbarians in the Southeast Sea-bản đồ của người man di ở Biển Đông Nam Á), Tây nam hải di đồ, *Xinan Hai Yi Tu*, 西南海夷圖, Map of the barbarians in the Southwest Sea-bản đồ của người man di ở Biển Tây Nam Á). Ít nhất một số bản đồ này với chữ **Yi** (man di) là nói về người nước ngoài, bản đồ phát triển ảnh hưởng của đạo đức Trung Quốc hoặc về vùng đất thêm cũng là bản đồ nói về các nước ngoài cương vực Trung Quốc. Và tất cả những bản đồ nói đến ở trên được dùng làm chứng cứ là do cá nhân vẽ, không thuộc chính sử.

Dạng bản đồ này được miêu tả khá kỹ lưỡng trên Wikipedia ⁴², có kết hợp một số công trình nghiên cứu quan trọng về các bản đồ Trung Quốc, có sự đóng góp quan trọng của giáo sư Richard J. Smith của Đại học Rice. ⁴³ Tấm bản đồ *Thanh giáo quảng bị đồ* (*Shengjiao Guang beitu*) mà giáo sư Wu Fengbin (đã mất) đề cập đến là nguồn gốc của những tấm bản đồ khác về “thế giới” nhìn dưới quan điểm của một học giả Trung Quốc, không phải là một tấm bản đồ chính thức. Theo Giáo sư R.J. Smith, bản đồ này do Lý Trạch Dân (Li Zemin) vẽ năm 1330 dưới thời nhà Nguyên. *Dự địa đồ* (Yudi Tu) là do một nhà sư Đạo giáo tên là Châu Tư Bản (Zhu Siben, (朱思本) vẽ trong khoảng thời gian từ 1311-1320, dựa trên cơ sở chuyên khảo địa lý Trung Quốc có tên *Cửu Vực Chí*

⁴² http://en.wikipedia.org/wiki/Chinese_geography.

⁴³ Có thể đọc những bài sau của Giáo sư Richard J. Smith về truyền thống vẽ bản đồ Trung Quốc, (1) Mapping China's World: Cultural Cartography in Late Imperial Times, 2006, <http://www.ruf.rice.edu/~asia/CartographyPaper.html>; (2) Mapping China's World: Cultural Cartography in Late Imperial Times, 2009, <http://www.kunstpedia.com/articles/532/1/Mapping-Chinas-World--Cultural-Cartography-in-Late-Imperial-Times/Page1.html>

(Jiuyu Zhi, 九域志) của ông năm 1297, nhưng cũng đã bị thất lạc. *Đông nam hải di đồ* (Dongnan Hai Yi Tu) và *Tây Nam hải di đồ* (Xinan Hai Yi Tu) được xem là bản sao của một nửa phía Nam của *Thanh giáo quang bị đồ* (*Shengjiao Guang beitu*) do La Hôn Tiên (Luo Hongxian, 羅洪先) vẽ năm 1555 nhưng tên của hầu hết những địa điểm này ngoại trừ khu vực duyên hải và các đảo đã bị lược bớt/không được nhắc đến.

Tất cả những tám bản đồ này xuất phát từ cùng một nguồn và là những tám bản đồ của thế giới, từ “Yi” (夷) nói lên tất cả và hé lộ rằng không có gì là ngạc nhiên nếu như “changsa” chính là ‘Hoàng Sa’ và ‘shitang’ là “Trường Sa.” Nó chỉ nói lên đó là địa danh nằm ngoài cương vực nước Trung Quốc.

Monique Chemillier-Gendreau đã tóm lược đánh giá cô đọng của bà về một danh sách dài những văn bản của Trung Quốc mà các học giả nước này đã viện dẫn là ‘không có giá trị làm bằng chứng’, như sau:

Trong một số tài liệu của Trung Quốc, trích dẫn từ các công trình nghiên cứu địa lý được dùng hỗ trợ cho yêu sách của Trung Quốc đối với các hòn đảo. Và những hòn đảo này thực sự đã được đề cập và mô tả mặc dù đó là những công trình nghiên cứu các quốc gia khác chứ không phải mô tả Trung Quốc, chúng không có giá trị làm bằng chứng. Giống như tất cả các nhà địa lý học tìm kiếm các dữ liệu phổ quát, các nhà địa lý Trung Quốc và những người chép biên niên sử tập trung vào miêu tả tỉ mỉ các vùng lãnh thổ, mà không nhất thiết đặt dưới chủ quyền của Trung Quốc.⁴⁴

2. Chứng cứ hành xử chiếm đóng thường trực, dài lâu trước Việt Nam?

Rốt ráo, yêu sách chủ quyền là một vấn đề trong quan hệ luật pháp giữa các quốc gia dựa trên nguyên tắc “*chiếm giữ, để tạo được yêu sách chủ quyền lãnh thổ, phải có hiệu lực, đó là, thực hiện một số bảo đảm nhất định đối với các quốc gia khác và công dân của họ.*”⁴⁵ Trung quốc đã không đáp ứng được điều kiện pháp lý này, tức là khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa trước khi Gia Long, Hoàng đế Việt Nam làm điều này. Những tài liệu chính thức của Trung Quốc soạn bởi các sử gia hoàng gia dưới triều Minh và triều Thanh chưa từng đề cập tới quần đảo Hoàng sa và Trường Sa là những vùng lãnh thổ của Trung Quốc.

⁴⁴ Monique Chemillier-Gendreau, đd, trang 59.

⁴⁵Trích từ Beatrice Orent and Patricia Reinsch, 'Sovereignty over Islands in the Pacific' (1941) *American Journal of International Law*, trang. 443.. Trích dân này là lấy từ Chemillier-Gendreau, đd, trang. 53.

Hồ Bạch Thảo lập luận rằng Đài Loan, một hòn đảo rất lớn và rất gần với Trung Quốc đại lục mà nhà Minh không thu tóm vào thành một bộ phận lãnh thổ Trung Quốc thì khó cho rằng họ xem Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Trung Quốc. Những cư dân đầu tiên trên đảo Đài Loan là người Austronesian, và năm 1624 bị Hà Lan chiếm làm thuộc địa năm 1624. Chỉ sau đó, Đài Loan mới tiếp nhận một dòng người Hán Trung Quốc từ khu vực tỉnh Phúc Kiến và Quảng Đông. Với dân số Trung Quốc lớn, năm 1662, Zheng Cheng-gong, (鄭成功, Trịnh Thành Công), một người trung thành với nhà Minh, đã đánh bại người Hà Lan và thành lập một cơ sở hoạt động trên hòn đảo này. Lực lượng của Zheng sau đó đã đánh bại triều Thanh năm 1683. Hồ Bạch Thảo xem xét *Minh Sử* (Ming Shi, lịch sử triều Minh, 明史)⁴⁶ trong bài viết của ông. Đây là bộ lịch sử chính thức về triều Minh nhưng được chuẩn bị ở thời nhà Thanh, trong đó có viết về nước ngoài Trung Quốc từ quyển (卷) 320 tới quyển 325. Đài Loan được gọi là Kê Lung Sơn (Ji Long Shan, (雞籠山) được nhắc trong quyển 323, chuyện số 211 (列傳第Liezhuan Di 211), ngoại quốc số 4 (外國四, waiguo 4). Như vậy Đài Loan được coi là nước ngoài.

Hãy xem ghi chép của vương triều nhà Thanh, cuốn *Khâm định Đại Thanh Nhất Thống Chí* (*Qinding Da Thanh Yi Tong Zhi*, (钦定大清一统志).⁴⁷ Theo quyển số 1, sách đã được thực hiện theo yêu cầu của Vua Càn Long (乾隆) trong năm cầm quyền thứ 8 (1743) và gồm 424 quyển. Cuốn *Khâm định Đại Thanh Nhất Thống Chí* là tư liệu hoàng gia và do đó, phản ánh thực tế những vùng đất có chủ quyền của Trung Quốc. Nghiên cứu các văn bản này, Nguyễn Quang Ngọc⁴⁸ không tìm thấy bất kỳ tham khảo nào về bất kỳ cái tên nào tương ứng với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như Vạn lý Thạch Đường (Wanli Shitang, 萬里石塘千里長沙) , hay Thiên lý Trường Sa (Qianli Changsha, 千里長沙). Với những tài liệu sẵn có trên mạng như thế này của Trung Quốc, ta có thể dễ dàng kiểm chứng kết luận này.

Hồ Bạch Thảo⁴⁶ cũng xem xét cuốn *Thanh Sử Cảo* (Qing Shi Gao, 清史稿, Lịch sử vương triều nhà Thanh),⁴⁷ tương tự như những cuốn sách về các vương triều khác của Trung Quốc, mất gần 10 năm soạn thảo thời Trung Hoa Dân Quốc và dựa vào các văn bản chính thức. *Thanh Sử Cảo* gồm 536 quyển. Chỉ riêng về địa lý, bộ này gồm 28

⁴⁶ Hồ Bạch Thảo, “Lãnh hải Trung Quốc dưới thời nhà Minh,” *Diễn Đàn* (an online Vietnamese journal published in France, <http://www.diendan.org/phe-binh-nghien-cuu/lanh-hai-trung-quoc-duoi-thoi-nha-minh/?searchterm=h%E1%BB%93%20b%E1%BA%A1ch%20th%E1%BA%A3o>)

⁴⁷ China-America Digital Academic Library, <http://www.archive.org/details/06059660.cn>

⁴⁸ Nguyễn Quang Ngọc, Các quần đảo giữa Biển Đông: lịch sử một thật thế kỷ chuyển đổi, Unpublished paper presented in a conference organized by the Học Viện Ngoại giao Việt Nam (Vietnam Institute of Foreign Affairs, Hà Nội, 2009.

quyển, tuy nhiên, các tên về Hoàng Sa và Trường Sa như Vạn lý Thạch Đường (Wanli Shitang, 萬里石塘), Thiên lý Trường Sa (Qianli Changsha, 千里長沙) và những tên hiện tại như Tây Sa (Xisha, 西沙) và Nam Sa (Nansha, 南沙) cũng không xuất hiện trong bất kỳ văn bản nào.⁴⁹

Theo *Thanh Sử Cảo*, tỉnh Quảng Đông được chia làm 6 đạo (道), Đảo Hải Nam nằm trong đạo *Quyển Nhai* (Qiong Ya dao 琼崖道). Đạo *Quyển Nhai* bao gồm phủ Quyển Châu (Qiong Zhou fu, 琼州府) và Nhai Châu (Ya Zhou, 崖州). Không hề có chỗ nào cái tên Hoàng Sa và Trường Sa hoặc biển ĐNA được nhắc tới.

Cùng với việc kiểm tra *Thanh Shi Gao*, Hồ Bạch Thảo cũng kiểm tra *Đại Thanh Nhất Thống Toàn Đồ* (*Da Thanh yi tong quan tu*, 大清一統全圖, Bản đồ hoàn chỉnh của nhà Thanh). Đây là một bản đồ rất toàn diện của nhà Thanh và đem so với cuốn *Thanh Sử Cảo*, các vùng đất và tên gọi hoàn toàn trùng khớp. *Đại Thanh Nhất Thống Toàn Đồ* (là bản đồ được thu thập ban đầu bởi London Missionary Society và hiện thuộc Thư viện Quốc gia của Australia. Phiên bản điện tử có thể dễ dàng kiểm chứng.⁵⁰ Ngày xuất bản bản đồ có thể dự tính ở khoảng 1800 – 1899 và tác giả của bản đồ này là khuyết danh.

Tuy nhiên, vì bản đồ này đã chịu ảnh hưởng của công nghệ vẽ bản đồ phương Tây, do đó, nó phải được chuẩn bị trong giai đoạn vương triều Quang Tự (Guang Xu, 光緒) khoảng 1875 - 1908. Bản đồ gồm 20 phần. Phần 1 thể hiện toàn bộ đế chế nhà Thanh, và phần 12 thể hiện tỉnh Quảng Đông. *Đại Thanh Nhất Thống Toàn Đồ* cũng tương thích hoàn toàn với bản đồ Đại Thanh được xuất bản bởi ĐH Oxford năm 1910.⁵¹ Hai bản đồ này được sao chép lại phía dưới. Phần 12 lại đi vào chi tiết địa danh Đảo Hải Nam, cũng được sao chép lại ở dưới.

Cũng tương tự như Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân đã nghiên cứu bản đồ chính thức của Quảng Đông thời nhà Thanh và Trung Hoa Dân Quốc, và cho thấy rằng tỉnh Quảng Đông chấm dứt ở Đảo Hải Nam, và không có các địa danh Tây Sa (Paracels), Nam Sa (Spratlys) hay các địa danh Thiên lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường. Bản đồ tỉnh

⁴⁹ Hồ Bạch Thảo, Tiếp nối rà soát cái gọi là Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa) trong Đại Thanh Nhất Thống Toàn Đồ, *Diễn Đàn*, Dec. 2009. <http://www.diendan.org/phe-binh-nghien-cuu/tiep-noi-chuyen-hoang-sa-va-truong-sa-ra-soat-trong-11-lai-thanh-nhat-thong-toan-111o/?searchterm=h%E1%BB%93%20b%E1%BA%A1ch%20th%E1%BA%A3o>

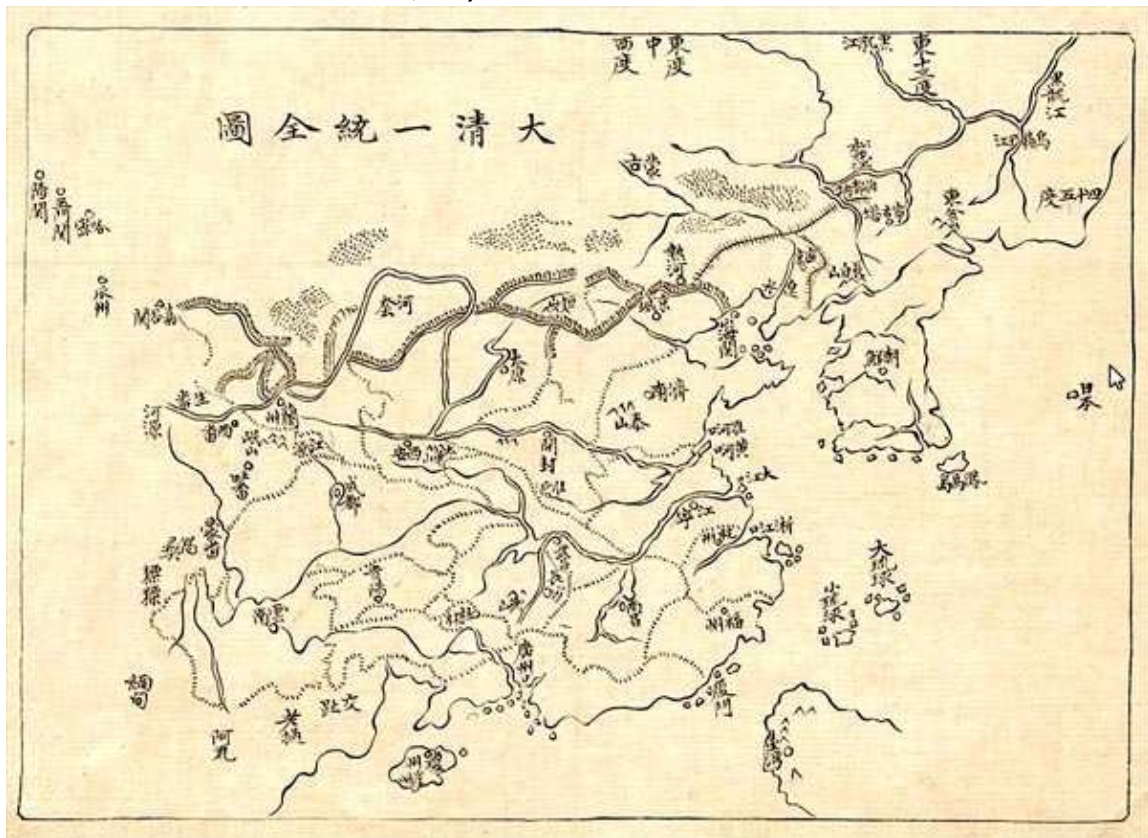
⁵⁰ <http://www.nla.gov.au/cdview/nla.map-lms639&mode=moreinfo>.

⁵¹ http://www.drben.net/files/China/ChinaMaps-ALL/Historic_Maps/Qing_Dynasty-1644-1911/Ancient_Maps_Asia_-_Chinese_Empire_1910-S_op_800x611.jpg

Quảng Đông này được xuất bản trong toàn tập *Quảng Châu lịch sử địa đồ tinh túy* do Phòng Lưu trữ Hồ sơ Lịch sử số 1 thuộc Tổng cục Lưu Trữ Trung ương Trung Quốc phối hợp với Cục Lưu trữ thành phố Quảng Châu công bố năm 2003. Toàn tập tuyển chọn 97 bức, gồm bản đồ thế giới, địa đồ Trung Quốc, tỉnh Quảng Đông, thành phố quần Châu và các phủ huyện do quan chức hành chính, quân sự soạn vẽ in trong triều Thanh và thời Trung Hoa Dân Quốc.⁵²

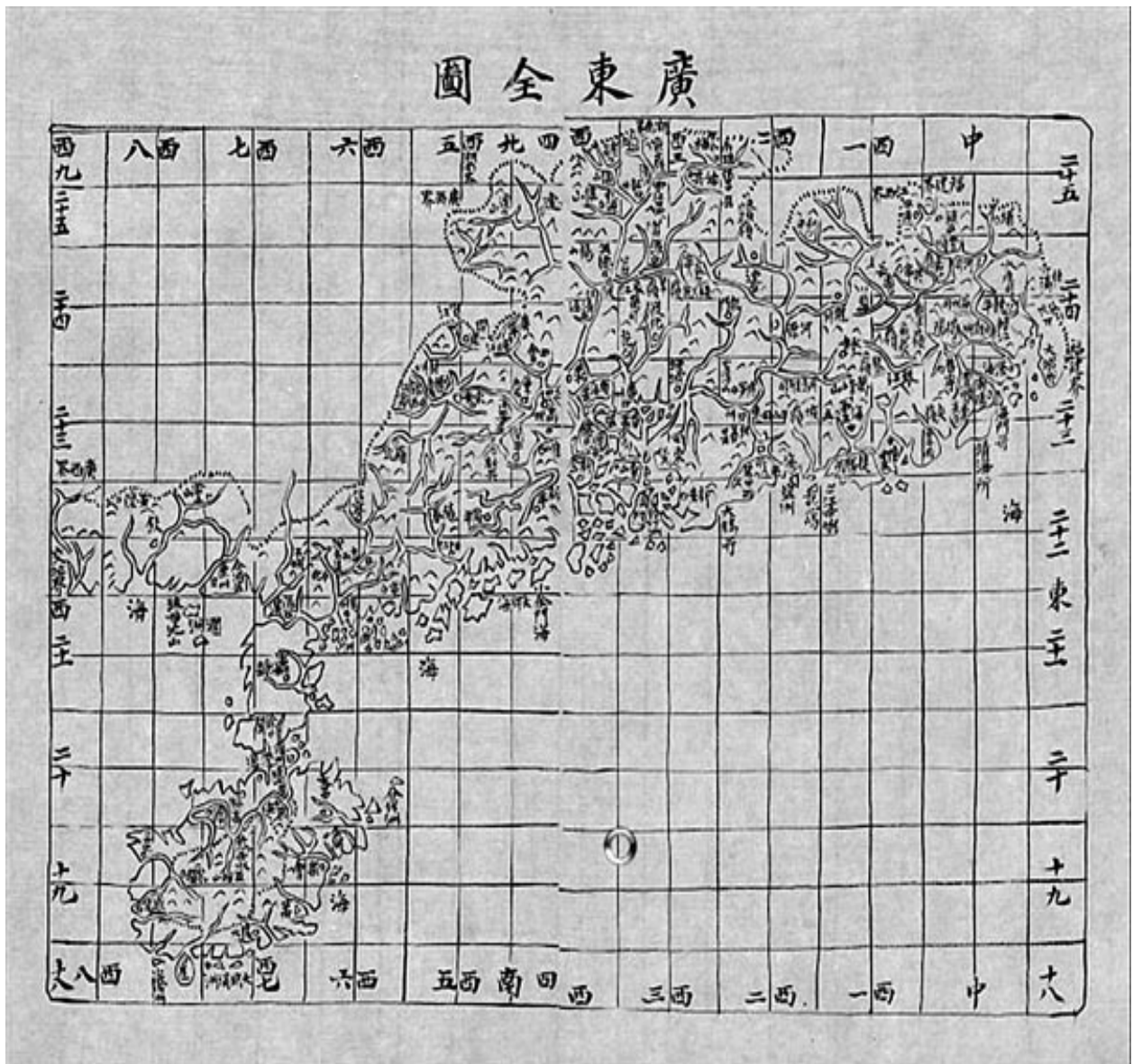
Không nghi ngờ gì rằng nhà Thanh kết thúc năm 1911 không bao giờ tuyên bố chủ quyền với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và biển ĐNA. Các năm 1902 và 1909, chính quyền Quảng Đông có một số hoạt động hướng tới quần đảo Hoàng Sa nhưng không có hành động nào của Chính phủ trung ương phản ánh sự hiện diện của Nhà nước và không có một tuyên bố chính thức nào được đưa ra. (Xem biên niên sử cùng với các tài liệu tham chiếu ở footnote).

Bản đồ 4. Đại Thanh Nhất Thống Toàn Đồ, phần 12. Đảo nhỏ ở phía tay trái là Đảo Hải Nam. Gần đó là Giao Chỉ (Jiao Zhi, 交趾), tên Trung Quốc gọi nước Việt Nam và Lào (Lão Qua, 老撾). Đảo lớn hơn là Đài Loan

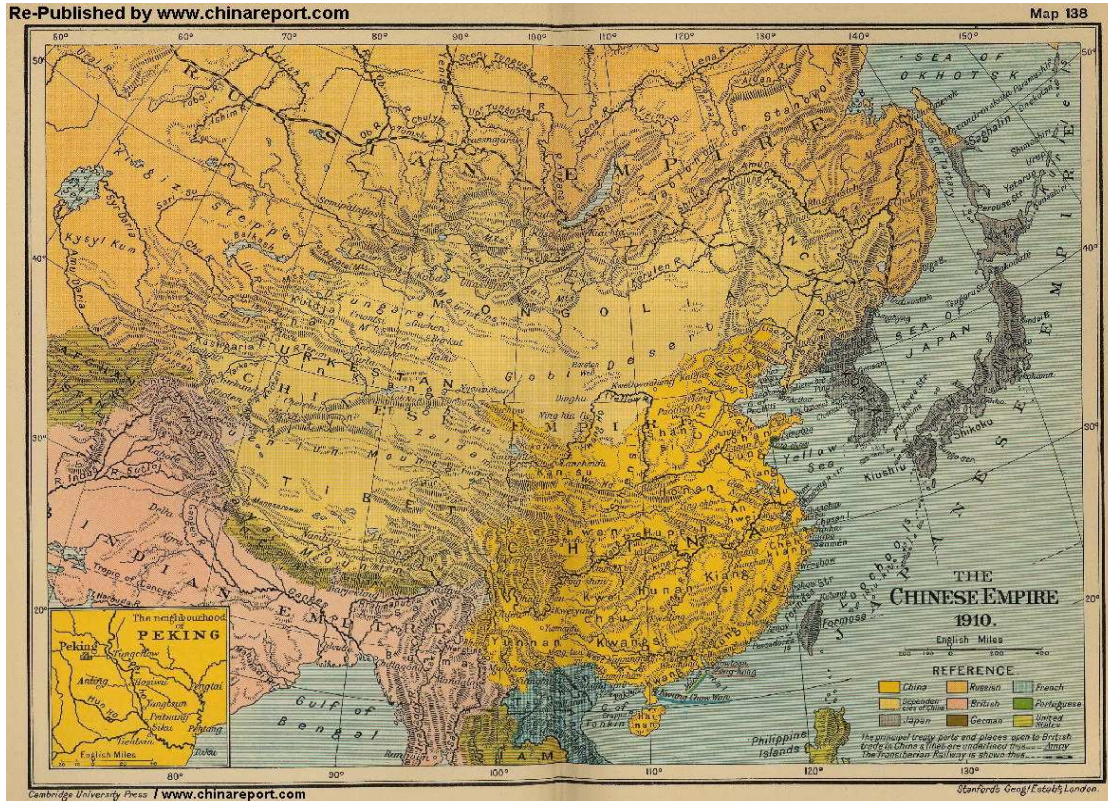


⁵² Phạm Hoàng Quân, *Tia Sáng* ngày 9 tháng 4 năm 2009.

Bản đồ 5. Đại Thanh Nhất Thống Toàn Đồ, phần 12, đi vào chi tiết Đảo Hải Nam. Gần đó là Giao Chỉ (Jiao Zhi, 交趾), tên Trung Quốc gọi nước Việt Nam và Lào (Lão Qua, 老挝). Đảo lớn hơn là Đài Loan



Bản đồ 6. Trung Quốc thời nhà Thanh chấm dứt ở Đảo Hải Nam, Đại Học Cambridge xuất bản năm 1910



B. Yêu sách chủ quyền của Việt Nam

Việt Nam hiện nay coi toàn bộ quần đảo Hoàng Sa gồm cả hai nhóm đảo Trăng Khuyết (Crescent) trong đó có đảo Hoàng Sa, và An Vĩnh (Amphitriet) trong đó có đảo Woody (Phú Lâm) là thuộc Việt Nam. Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố “hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là thuộc chủ quyền của Việt Nam.”⁵³

Tài liệu nội bộ mới nhất của Ban Biên Giới Bộ Ngoại giao cho rằng:

“[H]ai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là các đảo vô chủ cho đến thế kỷ XVII”,
và:

Nhà nước Việt Nam trước kia là người đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu và tiến hành quản lý, khai thác với danh nghĩa Nhà nước đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường

⁵³ http://www.mofa.gov.vn/vi/tt_baochi/pbnfn/ns061228154243?b_start:int=5#Cdp8TkSzRrHx

Sa, là những quần đảo chưa hề thuộc chủ quyền của bất kỳ một quốc gia nào; việc chiếm hữu và thực hiện chủ quyền của Nhà nước Việt Nam từ trước đến nay đối với hai quần đảo là thực sự liên tục và hoà bình phù hợp với luật pháp và thực tiễn quốc tế đương thời và hiện đại.

Quan điểm pháp lý này được coi là dựa trên tài liệu lịch sử, mà ở trên đã trình bày, là trước khi Việt Nam tuyên bố chủ quyền thì Trung Quốc chưa bao giờ coi Paracels (Hoàng Sa) và Spratlys (Trường Sa) cũng như Biển ĐNA là lãnh thổ của họ. Phần này sẽ xem xét yêu sách của Việt Nam dựa chứng cứ lịch sử. Paracels và Spratlys sẽ được xem xét riêng biệt. Để khỏi lẫn lộn Quần đảo Hoàng Sa và đảo Hoàng Sa, tác giả sẽ dùng danh xưng quốc tế.

1. Yêu sách về quần đảo Paracels và chứng cứ lịch sử

Liệu có khi nào Hoàng Sa bao gồm toàn bộ quần đảo Paracels (Hoàng Sa)? Liệu chủ quyền của Việt Nam có được thực hiện rõ ràng và liên tục ở toàn bộ hai quần đảo Hoàng Sa là câu hỏi cần được trả lời.

Những ghi chép lịch sử quan trọng nhất ở Việt Nam là:

1. *Phủ Biên Tạp Lục* (府編雜錄) do Lê Quý Đôn soạn sau năm 1776 và trước khi ông mất năm 1784;
2. *Đại Nam Thực lục Tiền Biên* (大南寔錄先編, *Veritable Records of Pre Đại Nam*)⁵⁴ and *Đại Nam Thực lục Chính Biên* (大南寔錄正編, *Veritable Records of Đại Nam*): Cả hai cuốn xuất bản năm 1848; và
3. *Đại Nam Nhất Thống Chí* (大南一統志, *Complete Geography of Đại Nam*) bắt đầu năm 1865, và kết thúc vào năm 1882 và được in năm 1910;⁵⁵
4. *Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ* (大南一統全圖, *Complete Map of Đại Nam*).⁵⁶

⁵⁴ Đại Nam là tên hiệu nước Việt Nam do vua Minh Mạng đặt năm 1838. Coi Nguyễn Nhã, *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia tp Hồ chí Minh, trên mạng <http://www.thongluan.org/vn/modules.php?name=News&file=article&sid=2468> (đoạn 2.1.1).

⁵⁵ Nguyễn Nhã, *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia tp Hồ chí Minh, trên mạng <http://www.thongluan.org/vn/modules.php?name=News&file=article&sid=2468> (đoạn 2.1.1).

⁵⁶ Võ Long Tê, “Phương diện địa danh học của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, *Tạp San Sử địa*, số 27 and 28, Sài Gòn, 1974, trang. 214.

Đại Nam Nhất Thống Chí sẽ không được thảo luận sâu bởi nó cũng phản ánh những thông tin giống như các bản số (1) và số (2). Cũng có nhiều bản lịch sử cổ khác đề cập đến quần đảo Hoàng Sa (1686), như *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư*⁵⁷, nhưng chúng tôi cũng bỏ qua trong bản nghiên cứu này bởi vì bản đồ Hoàng Sa còn giữ lại và được H. Maspero nghiên cứu và được G. Dumontier vẽ lại với nhiều chi tiết hơn trong *Étude sur un Portulan Annamite du XV siècle* vẫn không rõ nguồn gốc cũng như không phải là bản chính thức quốc gia.⁵⁸ Việc bỏ qua này không phủ nhận về tính thuyết phục và sức mạnh của tuyên bố về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Đại Nam Thực lục Chính biên là bộ sử biên niên của triều Nguyễn, trong giai đoạn 1802 - 1948. Nó bao gồm 560 quyển và được chia làm 2 phần. Phần 1, *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* ghi chép các hoạt động của Chúa Nguyễn trong thời kỳ vương triều nhà Lê, bắt đầu với việc Nguyễn Hoàng được cử để trấn ở Thuận Hóa (1558) cho đến khi gia đình họ Nguyễn thống nhất đất nước và trị vì Đại Nam như là một vương quốc. Phần này gồm 12 quyển được viết muộn hơn bởi nhà Nguyễn dựa vào trí nhớ của những người kế nhiệm.

Phần thứ 2, *Đại Nam Thực Lục Chính biên* ghi chép các sự kiện bắt đầu với sự ra đời của triều vua Nguyễn khi đất nước thống nhất năm 1802 cho đến thời vua Khải Định (1925). Cuốn này bao gồm 7 tập và 548 quyển. Tập dày nhất là tập 2, về thời kỳ vua Minh Mạng với 222 quyển.

Hai phần của *Đại Nam Thực Lục* bắt đầu soạn từ năm 1821 dưới thời vua Minh Mạng. Các cuốn này, theo phong tục, được viết sau khi nhà vua mất do đó sẽ bao gồm các nhận xét cả tích cực và tiêu cực về hoạt động của nhà Vua nhưng phải dựa trên những ghi chép hằng ngày cũng như các quyết định do nhà vua ký với con dấu của vua. Các ghi chép và quyết định hằng ngày được sao làm 3 bản, một được giữ tại Quốc Sử Quán (Quốc Sử Quán, 国史館). Hoàng Sa (黄沙) và Trường Sa (长沙) được nhắc đến trong quyển 52 (1816) dưới thời vua Gia Long và nhắc 4 lần trong quyển 104 (1833), quyển 122 (1834), quyển 154 (1835) và quyển 165 (1835) soạn dưới thời vua Minh Mạng.⁵⁹ Những sự kiện được ghi chép này xem như là hoạt động chính thức của nhà nước.

⁵⁷ *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư* trong *Hồng Đức Bản Đồ* hay *Toàn Tập An Nam Lộ* trong sách *Thiên Hạ Bản Đồ* (Viện Hán Nôm Hà Nội, ký hiệu A2628) do Đỗ Bá Công Đạo viết năm 1686. Coi Nguyễn Nhã, *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa*, đoạn 1.1.1.

⁵⁸ Hoàng Xuân Hãn, Thử đặt 'vấn đề Hoàng Sa', *Tạp San Sử địa*, đd, trang 10.

⁵⁹ Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam (Vietnam Encyclopedia), <http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn/default.aspx?param=362BaWQ9MzM5NTUmZ3JvdXBpZD0ma2luZD1leGFjdCZrZXI3b3JkPSUyMiVjNCU5MCMVMSVjYSVhMEkrTkFNK1RIJWUxJWJiJWlWQytMJWUxJWJiJWE0QytDSCVjMyU4ZE5IK0JJWMzJThhTiUyMg==&page=1>

Phủ Biên Tạp lục – xem trong Hộp 1 – ghi chép là mỗi năm các chúa Nguyễn, ngay từ những năm 1770s đã gửi tàu thuyền và các thủy thủ tới Hoàng Sa (quần đảo Hoàng Sa). Họ có thể ở lại cao nhất là mỗi năm khoảng 6 tháng. Tác giả cuốn sách, Lê Quý Đôn đã chỉ rõ rằng Hoàng Sa gần đảo Hải Nam của Trung Quốc và thậm chí viết trên cơ sở ghi chép của hoàng gia cho hay chuyện các thủy thủ được chúa Nguyễn cử tới Hoàng Sa và thuyền của họ bị trôi dạt vào đảo Hải Nam, họ bị các quan chức Trung Quốc tiếp nhận và trả lại cho Việt Nam.

Vua sai các quan chức Việt Nam viết thư cảm ơn các quan chức Trung Quốc. Không nghi ngờ gì nữa rằng các quan chức Trung Quốc đã nhận thức Hoàng Sa là đảo của Việt Nam. Nếu không, các thủy thủ Việt Nam có thể đã bị bắt giữ và trừng phạt vì đã xâm phạm lãnh thổ Trung Quốc.

Toán thủy quân hoàng gia lên tới 70 người tiếp tục được gửi tới Hoàng Sa thời vua Gia Long và sau đó là thời vua Minh Mạng đã được ghi chép trong Đại Nam Thực lục Chính biên (xem Hộp 2), bao gồm việc xây dựng miếu, trồng cây và vẽ bản đồ các đảo. Các vua Việt Nam rõ ràng Paracels là lãnh thổ của mình và do đó đã cố gắng chi đạo chặt chẽ hoạt động và ghi chép vào chính sử. Mỗi năm các hoàng đế đều cử các biệt đội tới đây. Vua Minh Mạng theo chính sử đã ra lệnh vẽ bản đồ cụm đảo, trồng cây và thậm chí xây dựng miếu (xem box 2). Từ thời nhà Nguyễn ở Đàng Trong cho đến năm 1938 mà chính sử còn viết lại, suốt 70 năm, Paracels thuộc quyền kiểm soát của Việt Nam.

Bài viết này cho in lại sáu đoạn trong cuốn *Đại Nam Thực Lục* đã được dịch ra tiếng Việt. Cũng có 5 đoạn bổ sung trong các văn bản chính thức khác nhưng sẽ không được đính kèm theo tại đây vì lí do đơn giản là chúng không đưa thêm các thông tin bổ sung nào mới so với các văn bản này.

HỘP 1 **Phủ Biên Tạp Lục** (府編雜錄) tác giả Lê Quý Đôn (1726-1784).

Ngô Thời Sĩ đề lời bạt sách *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn có đoạn như sau :

Mùa đông năm Giáp Ngọ [1774], phụng theo ý chỉ cương quyết của Thánh nhân [Trịnh Sâm], tự làm tướng cầm quân, đánh lấy được thành [Phú Xuân], thu lại cõi đất đã bị mất hẳn, lại thống nhất đất nước. Mùa xuân năm Bính Thân [1776] Tướng công Quế Đường [Lê Quý Đôn] ta vâng mệnh làm Hiệp trấn phủ, kiêm coi việc quân. Mùa thu năm ấy khi đã về triều, có đưa sách này cho tôi coi. Trong sách này viết về hai xứ Thuận Hoá và Quảng Nam chép đủ sông, núi, thành ấp, ngạch lính, lệ thuế má, nhân tài, sản vật, cùng là việc họ Nguyễn đời nọ nối đời kia, ...

Phủ biên tạp lục

Quyển thứ 2, trang 51

....

Tại xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, ở ngoài cửa biển lớn có đảo núi tên là cù lao Ré, rộng hơn 30 dặm, xưa có cư dân là phường Tứ Chính khẩn đất, phải đi biển mất 4 canh mới ra tới đó. Phía ngoài đảo này là đảo có tên cũ Đại Trường Sa, có nhiều sản vật biển và hàng hoá tại thuyền, nên lập đội Hoàng Sa để lấy. Phải đi 3 ngày đêm mới tới, xứ này gần Bắc Hải.

Xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi ở gần biển. Ngoài biển phía đông bắc có nhiều đảo núi lớn nhỏ linh tinh có đến hơn 110. Các núi đảo tương cách nhau bởi biển; hoặc một ngày đường, hoặc một vài canh. Trên có khe nước ngọt, giữa đảo có bãi cát vàng dài khoảng hơn 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong nhìn đến đáy, trên đảo tổ yến nhiều vô số; chim có đến hàng ngàn, hàng vạn quây quần xung quanh không tránh người. Trên bờ các vật lạ rất nhiều như ốc hoa văn, có loại gọi là ốc tai tượng to bằng chiếc chiếu, bụng có hạt lớn bằng ngón tay màu đục, không bằng ngọc trai, vỏ có thể tạc ra làm [mộ] bia, lại có thể chế vôi xây nhà; có loại tên là xà cừ có thể làm đồ trang sức, có các loại ốc hương có thể muối [làm thức ăn]; đồi mồi có loại tên là hải ba tục gọi là trắng bông, tuy giống đồi mồi nhưng nhỏ; vỏ mỏng bên ngoài có thể chế làm đồ trang sức, trứng bằng đầu ngón tay có thể dùng để muối ăn. Có loại hải sâm, tục gọi là con đọt đọt, boi lội bên bờ; bắt được chà xát qua vôi, bỏ ruột, rồi phơi khô; lúc ăn ướp với tương cua, ăn cùng với tôm và thịt heo thì tốt. Tàu bè các nước gặp bão bị hư tại đảo này rất nhiều.

Họ Nguyễn lập đội Hoàng Sa gồm 70 người, lấy người xã An Vĩnh luân phiên sung vào. Mỗi năm từ tháng giêng nhận lệnh đi, mang 6 tháng lương thực, dùng 5 chiếc thuyền đánh cá vượt biển 3 ngày 3 đêm thì tới nơi. Tại đó mặc tình bắt cá chim để ăn; nhặt được các đồ trên thuyền gồm các thứ thuộc loại bạc thiệt [kim loại bạc] như ngựa kiếm bạc, hoa bạc, tiền tệ bằng bạc, vòng bạc; đồ bằng đồng, thiếc khối, chì đen, súng, ngà voi, sáp vàng, chăn, đồ sành sứ. Lại lấy vỏ đồi mồi, hải sâm, ốc có hoa văn khá nhiều.

Đến tháng 8 trở về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân [Huế] nạp. Sau khi cân và xét nghiệm phân loại xong, hứa cho riêng bán các vật như ốc hoa văn, hải ba, hải sâm, lãnh bằng trở về. Những đồ vật lấy được nhiều ít không chừng, có khi về người không. [Ta] từng tra sổ bạ của viên Cai đội cũ Thuyền đức hầu, vào năm Nhâm Ngọ [1762] nhặt được 30 hốt bạc, năm Giáp Thân [1764] được 5100 cân thiếc, năm Ất Dậu [1765] được 126 hốt bạc; từ năm Kỷ Sửu [1769] đến năm Quý Ty [1773] trong thời gian 5 năm, được mấy cân đồi mồi, hải sâm; có lúc có thiếc khối, bát sứ cùng 2 khẩu súng đồng mà thôi.

Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, số lượng không định, dùng người thôn Tứ Chính thuộc phủ Bình Thuận hoặc người xã Cảnh Dương. Kể tình nguyện được cấp giấy đi miễn cho thuế sưu, thuế bến

đò. Họ sử dụng thuyền câu nhỏ của tư nhân đến các xứ Bắc Hải, Côn Lôn, cù lao Hà Tiên đánh bắt đồi mồi, hải ba, cá heo, bào ngư, hải sâm ; lệnh cho đội Hoàng Sa quản nhiếp. Bắt quá họ chỉ thu thái được hải sản, còn các loại hàng hoá quan trọng như vàng bạc, ít khi bắt gặp.

Bãi Hoàng Sa gần với Hải Nam, châu Liêm. Người trên thuyền thường gặp người phương Bắc [Trung Quốc] đánh cá ngoài biển, hỏi thăm thì được biết họ là người huyện Văn Xương, Quỳnh Châu. Quan Chính đường sưu tra công văn trong đó kể rằng vào tháng 7 năm Càn Long thứ 18 [1753], 10 người lính thuộc đội Cát Liêm, xã An Bình, huyện Chương Nghĩa (1) đến Vạn Lý Trường Sa 萬里長沙 thu thập các vật, 8 tên lính lên bờ thu thập, chỉ có 2 người lưu lại giữ thuyền. Chợt cuồng phong nổi lên, đẩy thuyền xa đến cảng Thanh Lan 青瀾港 (2)[Trung Quốc], viên quan tại đây điều tra sự thực bèn cho áp giải trở về. Nguyễn Phúc Chu sai Cai bạ Thuận Hoá Thức lượng hầu gửi thư phúc đáp.

HỘP 2.

Đại Nam Thực Lục Chính Biên

Kỷ thứ nhất, quyển 52.

Thê Tổ Cao Hoàng đế [Gia Long] Thực Lục

Năm Bính Tý [1816] Gia Long thứ 15, tháng giêng mùa xuân.

...Mệnh thuỷ quân cùng đội Hoàng Sa dùng thuyền đến Hoàng Sa thăm đo thuỷ trình...

Đại Nam Thực Lục Chính Biên

Kỷ thứ hai, quyển 104.

Thánh Tổ Nhân Hoàng đế [Minh Mệnh] Thực Lục

Năm Quý Tỵ [1833], Minh Mệnh thứ 14, tháng 8 mùa thu...

Nhà vua bảo bộ Công rằng tại biển Quảng Ngãi có một dãy Hoàng Sa, nhìn xa trời nước một màu không phân biệt được nông sâu, từ trước tới nay thương thuyền thường bị hại. Nay nên chuẩn bị thuyền bè, đến năm sau đến đó xây miếu, lập bia và trồng nhiều cây. Chờ mai sau cây mỗi ngày một lớn tốt tươi để dễ nhận biết, ngõ hầu khỏi lầm chỗ cạn; đó là điều lợi vạn năm vậy.

Đại Nam Thực Lục Chính Biên

Kỷ thứ 2, quyển 122.

Thánh Tổ Nhân Hoàng đế [Minh Mệnh] Thực Lục

Năm Giáp Ngọ [1834] Minh Mệnh thứ 15, tháng 3 mùa xuân... Sai Giám thành Đội trưởng Trương Phúc Sĩ cùng 20 thủy quân đáp thuyền đến xứ Hoàng Sa, Quảng Nghĩa vẽ bản đồ rồi về. Nhà vua hỏi về sản vật tại nơi này, Sĩ tâu xứ này bãi cát rộng lớn không có bến bờ, duy có người Thanh thường đi lại đánh cá bắt chim mà thôi ; nhân đem những đồ bắt được như chim chóc, cá, ba ba, ốc, sò dâng lên ; phần lớn là những vật lạ người ta ít khi được thấy. Vua triệu các Thị thần cho xem, cùng thưởng cho những người đi tiền bạc nên có sai biệt.

Đại Nam Thực Lục Chính Biên

Kỷ thứ 2, quyển 154.

Thánh Tổ Nhân Hoàng đế [Minh Mệnh] Thực Lục

Năm Ất Mùi [1835] Minh Mệnh thứ 16, tháng 6 mùa hạ... Xây đền thờ thần tại đảo Hoàng Sa, Quảng Nghĩa. Tại đảo Hoàng Sa, hải phận Quảng Nghĩa có một gò cát trắng, cây cối mọc rậm rạp, giữa có giếng, phía tây nam có cỗ miếu và bia khắc 4 chữ “ Vạn Lý Ba Bình ” (Gò cát trắng chu vi 1070 trượng (1) [4,7 mét x 1070 = 5029 mét], xưa có tên là núi Phật Tự. Phía đông, tây, nam bao bọc nghiêng nghiêng bởi đá san hô ; mặt nước phía bắc tiếp với đá san hô đột nhô lên một gò chu vi 340 trượng [大4,7x 340 = 1598 m], cao 1 trượng 3 xích [4,7 m x 1,3 = 6,11 m], ngang với gò cát, gọi là đá Bàn Than). Năm trước vua định cho xây miếu, lập bia nơi này, nhưng vì gặp sóng gió nên chưa làm được, đến nay sai Cai đội Thủy quân Phạm Văn Nguyên đốc suất lính thợ giám thành cùng phu thuyền 2 tỉnh Quảng Nghĩa, Bình Định chở vật liệu, xây miếu (vị trí cách miếu đá cũ 7 trượng [4,7 m x 7= 32,7 m]), bên trái dựng bia, phía trước có bình phong chắn ngang ; xây suốt tuần, hoàn tất rồi trở về.

Đại Nam Thực Lục Chính Biên

Kỷ thứ 2, quyển 165.

Thánh Tổ Nhân Hoàng đế [Minh Mệnh] Thực Lục

Năm Bính Thân [1836] Minh Mệnh thứ 17, ngày mồng một tháng giêng mùa xuân... Bộ

Công tâu rằng vùng biển Hoàng Sa nước ta rất hiểm yếu, trước đây đã cho vẽ bản đồ, nhưng hình thể rộng rãi, chỉ vẽ được một xứ mà cũng chưa thật rõ ràng, nên hàng năm thường sai phái đi thăm dò khắp để thuộc hải trình.

Xin từ năm nay trở đi mỗi năm vào hạ tuần tháng giêng chọn sai lính thủy cùng giám thành đáp một chiếc thuyền ô đến thượng tuần tháng 2 đến Quảng Ngãi. Rồi do hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định điều mướn dân cùng 4 chiếc thuyền hàng hải đến xứ Hoàng Sa. Đến nơi bắt luận đảo hoặc bãi cát nào đều đo chiều dài, rộng, cao, chu vi; cùng giáp biển 4 phía nông sâu; có hay không đá hoặc bãi cát ngầm, hình thể hiểm hoặc dễ ra sao; ghi rõ cùng vẽ bản đồ. Lại xét ngày khởi hành tại cửa biển nào, ra biển đi theo phương hướng nào đến nơi đó, cứ theo thủy trình kế toán ước lượng bao nhiêu dặm; lại từ xứ đó nhìn thẳng vào bờ biển thì đối diện với tỉnh hạt nào, hướng tà [xiên] giáp với tỉnh hạt nào, ước lượng cách bờ bao nhiêu dặm, nhất nhất ghi rõ, mang về trình tiến.

Nhà vua chấp nhận, sai Thủy quân Suất đội Phạm Hữu Nhật mang binh thuyền đi, cho mang theo 10 chiếc cột gỗ đến nơi dựng lên làm tiêu chí, cột dài 5 xích [5 x 0,47m = 2,35 mét], rộng 5 thốn [0,235 mét], dày 1 thốn [0,047 mét] trên khắc các chữ “ Minh Mệnh thập thất niên, Bính Thân, Thủy quân Chánh Đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tương độ, chí thử lưu chí ” [Năm Bính Thân [1836], Minh Mệnh thứ 17, Thủy quân Chánh Đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh đến Hoàng Sa đo đạc, lưu lời ghi tại đây)

Bổ sung vào các ghi chép chính thức của nhà nước này là các ghi chép của các nhà quan sát phương Tây về việc thực thi chủ quyền quốc gia. Giám mục người Pháp, Jean Louis Taberd viết về việc vua Gia Long cấm cờ Việt Nam tại Hoàng Sa năm 1816 như sau trong cuốn sách *Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutumes*, xuất bản năm 1833:

“Nous n’entrerons pas dans l’énumération des principales îles dépendantes de la Cochinchine; nous ferons seulement observer que depuis de 34 ans l’archipel des Paracels nommé par les Annami-tes Cát Vàng ou Hoàng Sa (sable jaune) véritable labyrinthe de petits îlots de rocs et de bancs de sable justement redoutés des navigateurs a été occupé par les Cochinchinois.

“Nous ignorons s’ils y ont fondé un établissement, mais il est certain que l’empereur Gia Long a tenu à ajouter ce singulier fleuron à couronne, car il jugea à propos d’en aller prendre possession en personne, et ce fut en l’année 1816 qu’il y arbora solennellement le drapeau cochinchinois.”

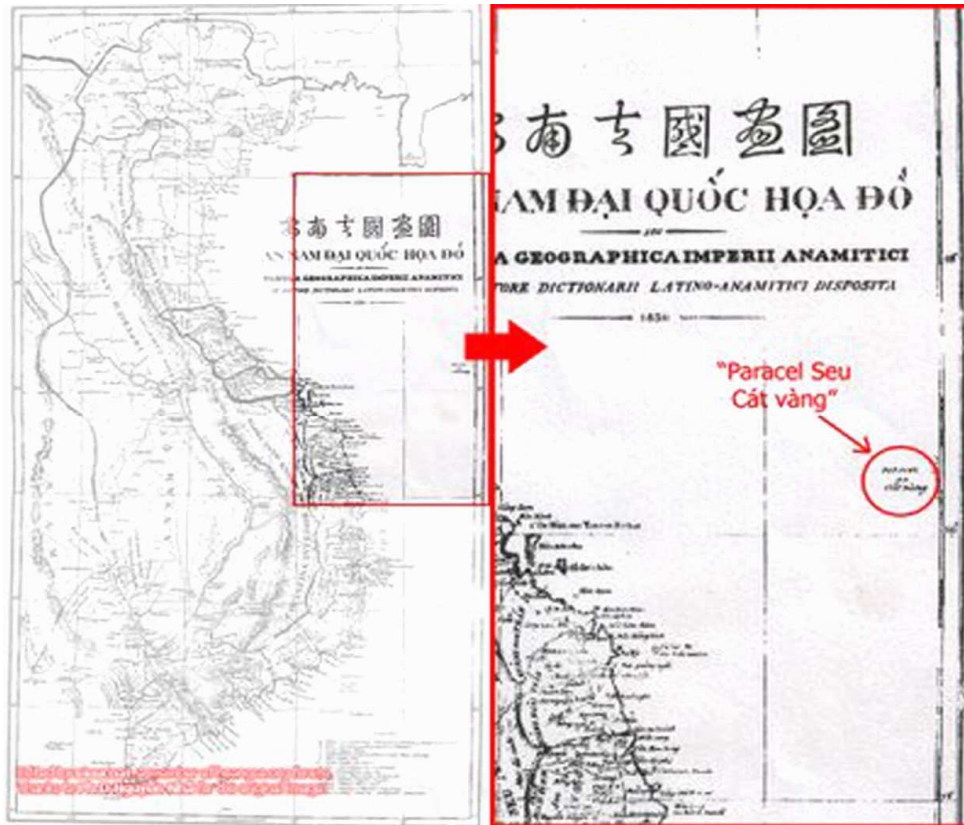
“Chúng tôi sẽ không liệt kê các đảo chính của Cochinchine [Taberd dùng tên Cochinchine tức là Đàng Trong thay vì dùng quốc hiệu chính thức là Việt Nam hay Đại Nam]; chúng tôi sẽ đơn giản lưu ý rằng từ 34 năm nay quần đảo Hoàng Sa được người An Nam gọi là Cát Vàng hay Hoàng Sa, đó là một mê cung thực sự

với các đảo đá nhỏ, của các bãi cát đứng là khiến những người đi biển sợ hãi đã được người Cochinchine chiếm đóng.

Chúng ta không biết họ đã thiết lập cơ sở gì ở đó, nhưng chúng tôi chắc chắn rằng Hoàng đế Gia Long đã cài thêm một bông hoa đặc biệt trên vương miện của ông, bởi ông đánh giá đó là đúng thời điểm để chính ông thực hiện quyền sở hữu quần đảo, và năm 1816, ông đã cắm lá cờ Cochinchine lên đảo này"

Taberd cũng đã vẽ bản đồ với độ chuyên nghiệp cao; đó là *Annam Đại Quốc Họa Đồ* - Tabula Geographica Imperii Ananmitici (Map of Great Annam) bao gồm quần đảo Hoàng Sa và được in trong cuốn Từ điển Việt Nam – Latin.⁶⁰

Bản đồ 7. Annam Đại Quốc Họa Đồ - Tabula Geographica Imperii Ananmitici



Jean Baptiste Chaigneau (1769-1825), một thủy thủ hải quân và là nhà thám hiểm người Pháp còn viết sớm hơn, ít nhất là trước khi mất vào năm 1825 về sự kiện vua Gia Long chiếm hữu Hoàng Sa chỉ vài năm trước đó trong cuốn *Memoire Sur La Cochinchine*,

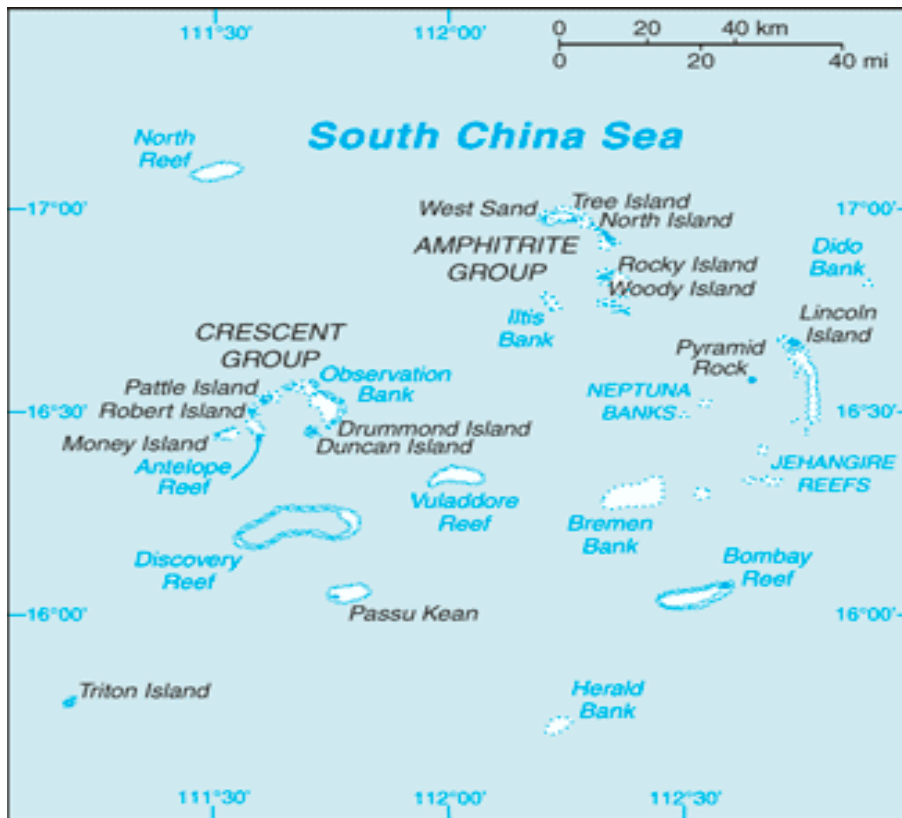
⁶⁰ Bản đồ được in trong J. L Taberd, *Dictionarium Anamitico Latinum*, xuất bản 1838, bởi J. Marshnam, in Serampore (Bengale) và được sao chụp lại trong sách cùng tên, NXB Văn Hòa và Trung Tâm Nghiên cứu Quốc học, 2004, Việt Nam.

nhưng được xuất bản 100 năm sau vào năm 1925 trên *Bulletin Des Amis du Vieux Hue*, no. 2, 4, 6 như sau:

"Topographie: Division physique.- La Cochinchine don't le sou-verain porte aujourd'hui le titre d'Empereur, comprend la Cochinchine proprement dite, le Tonquin..., quelques iles habitées peu éloignées de la côte et l'archipel de Paracels, composé d'ilôts, d'écueils et de ro-Chers inhabités. C'est seulement en 1816, que l'Empereur actuel a pris possession de de cet archipe."

"Địa hình Cochinchine, nơi mà từ đó hoàng đế hiện tại cai trị vương quốc của ông, xứ Cochinchine (Đàng Trong) trước đây và Tonquin (Đàng Ngoài)... và một vài hòn đảo có người ở gần bờ và quần đảo Hoàng Sa gồm nhiều đảo và đá không người ở. Ngày 1816, hoàng đế hiện nay đã thực hiện việc chiếm hữu quần đảo này".

Bản đồ 8. Paracels (Hoàng Sa) với hai cụm Trăng khuyết (Crescent group) và cụm An Vĩnh (Amphitrite group).



Source: CIA Fact Book.

Hoàng Sa trong các văn bản hiện đại của Việt Nam phản ánh toàn bộ quần đảo Paracels bao gồm cụm đảo Trăng khuyết (Crescent group) trong đó có đảo Pattle (tên Việt là

Hoàng Sa) và cụm đảo An Vĩnh (Amphitrite group) trong đó có đảo Woody (tên Việt là Phú Lâm).

Cụm đảo Paracels bao gồm 7 đảo nhỏ và một số dải san hô. 5 đảo nhỏ chính là Pattle (Hoàng Sa), Money (Quang Ảnh), Robert (Hữu Nhật), Quang Hòa (Duncan), Duy Mộng (Drummond) and Triton.

Đảo nhỏ Pattle hay tên tiếng Việt là đảo Hoàng Sa không phải là đảo lớn nhất nhưng về quân sự lại là đảo quan trọng nhất trong cụm đảo Crescent. Nó chỉ có diện tích là 0,3 km² nhỏ hơn nhiều so với đảo Woody ở cụm Amphitrite, đảo có diện tích 2,5km².

Đảo Pattle gần đất liền Việt Nam và rất quan trọng cho quốc phòng của Việt Nam vì vài nguyên nhân. Đảo Hoàng Sa đã được sử dụng như trung tâm hành chính của Pháp và hải quân miền Nam Việt Nam. Trạm khí tượng cũng được Pháp xây dựng vào năm 1938. Đảo này có Miếu Bà.^{61, 62} Ở đảo Woody (Phú Lâm, Trung Quốc gọi là Vĩnh Hưng) Trung Quốc cũng tìm thấy Miếu Bà. Nên Miếu Bà mà vua Minh Mạng ra lệnh xây năm 1835 không biết là xây ở đâu. Do đó thông tin như thế chưa thể giúp cho việc xác định vua chúa Việt Nam có ra lệnh thủy thủ tới nơi nào trong hai đảo quan trọng trên không.

Tác giả bài viết này trong một bài viết trước đây đã cho rằng điểm đến thường xuyên quân nhà Nguyễn tới phải là đảo Pattle (Hoàng Sa) trong khu Crescent (Trăng Khuyết) vì nó gần đường hàng hải mà tàu bè thường qua lại dọc phía tây biển ĐNA, tức là cạnh khu Crescent, và do đó là nơi tàu dễ gặp nạn và là nơi vua chúa Việt Nam ra lệnh thủy thủ hàng năm ra đó thu lượm những phẩm vật có giá trị còn lại từ các tàu đắm, điều đã được viết rất rõ trong Phủ biên tạp lục (xem Hộp 1). Các vật có giá trị bao gồm: "*bạc như ngựa bạc và thanh kiếm, hoa, tiền xu...; bài đồng, các chất liệu chì, súng, ngà voi, vàng hộp, chẵn và gôm và sứ. Họ cũng thu thập được rất nhiều kệ rùa biển, dưa biển (hải sâm), ốc với thiết kế trang trí*". Đảo Tri Tôn cũng nằm trong cụm đảo Crescent được xác định là nơi người ta có thể tìm thấy nhiều Hải sâm và baba⁶³ và sự mô tả này hoàn toàn phù hợp với mô tả trong Đại Nam Thực lục.

Các ghi chép lịch sử còn lại của các chúa Nguyễn và vương triều nhà Nguyễn hoàn toàn không đề cập rõ về hai cụm đảo của quần đảo Hoàng Sa. Không nghi ngờ gì khi các vua Nguyễn đều có nhận thức về toàn bộ quần đảo Hoàng Sa nhưng nếu khu Trăng Khuyết (Crescent) là nơi có nhiều tàu đắm và là nơi có thể thu lượm sản phẩm giá trị từ chúng thì nó phải là nơi mà vua chúa Nguyễn cử thủy binh tới. Ở đây quả thật không có người Hoa

⁶¹ Sơn Hồng Đức, "Thư khảo sát về Quần đảo Hoàng Sa", *Tập San Sử địa*, đd, trang.186.

⁶² Nguyễn Q. Thắng, *Hoàng Sa Trường Sa*, nxb Tri Thức, Sài Gòn 2008, trang 27-31.

⁶³ Sơn Hồng Đức, đd, trang 190.

và người Hoa sau này chỉ tập trung ở Đảo Woody (Phú Lâm). Tại sao thế, phải chăng Phú Lâm là nơi họ tới để khai thác phốt phát, hay là vì cụm đảo Crescent là nơi mà người Hoa ở đảo Hải Nam thừa nhận đó là nơi Việt Nam có chủ quyền? Việc công nhận rõ ràng này đã được chứng minh qua việc trả các thủy thủ Việt Nam trong biệt độ bị cuốn trong bão đến đảo Hải Nam như đã phân tích trong phần trước.

Luật quốc tế cho phép Việt Nam lập luận rằng khi Việt Nam có chủ quyền đối với một phần, Việt Nam có thể tuyên bố chủ quyền với toàn bộ quần đảo. Nhưng việc này chỉ hợp pháp khi phần còn lại là terra nullius, đảo vô chủ vào thời điểm đưa ra tuyên bố.

2. Yêu sách về quần đảo Spratlys (Trường Sa) và chứng cứ lịch sử

Việt Nam khẳng định rằng quần đảo Trường Sa là thuộc Việt Nam. Cũng như vấn đề Paracels, điều cần chứng minh là vua chúa Việt Nam đã thực hiện chủ quyền ở đó một thời gian liên tục mà không ai phản đối. Chứng cứ lịch sử về vấn đề này xem ra không tồn tại.

Chính hai người nước ngoài sống ở Việt Nam thời Gia Long là Giám mục Taberd và nhà thám hiểm Jean Baptiste Chaigneau viết rất rõ về Hoàng Sa và hoạt động của vua Gia Long nhưng đã không nói gì về quần đảo Spratlys (Trường Sa). Ngay cả bản đồ An Nam Đại Quốc Họa Đồ do Giám mục Taberd vẽ cũng chỉ vẽ quần đảo Paracels (Hoàng Sa) mà không có quần đảo Trường Sa (Spratlys). Không thể có sự quên lãng đó đối với Taberd khi mà tấm bản đồ vẽ hoàn toàn chuyên nghiệp, dựa theo nguyên lý vẽ bản đồ tiên tiến của phương tây thời đó.

Còn về phía Việt Nam, gần như không có tài liệu lịch sử nào có thể coi là chứng cứ về chủ quyền Việt Nam ở quần đảo Trường Sa. Có hai tài liệu mà sử gia Việt Nam dùng để chứng minh Trường Sa là của Việt Nam là một danh từ viết trong Phủ Biên Tạp Lục và Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ như bằng chứng. Phần sau sẽ bàn về từng điểm.

Bắc Hải có phải là Trường Sa không?

Điểm trong sách vở (cũng không phải là chính sử) mà một số sử gia Việt Nam dùng để cho rằng Trường Sa là của Việt Nam là đoạn viết trong *Phủ Biên Tạp Lục* thời chúa Nguyễn nói về Đội Bắc Hải (trích lại Hộp 1 ở trên):

Nhà Nguyễn cũng xây dựng biệt đội Bắc Hải, với các nhân sự đa dạng, được tuyển từ làng Tứ Chính, huyện Bình Thuận, hoặc từ làng Cảnh Dương. Những tình nguyện viên được chấp nhận sẽ được miễn các loại thuế và các phí cầu cảng. Họ sử dụng các tàu thuyền đáng cá tư nhân cỡ nhỏ để

Chấp nhận các tình nguyện viên đã được miễn thuế-trong-loại, và các loại thuế trên cầu cảng-hạ cánh. Họ đã sử dụng tàu thuyền đánh cá tư nhân nhỏ để đi du lịch đến Bắc Hải, Côn Lôn [Poulo Condor, hoặc Côn Đảo ngày đảo ngoài Hà Tiên ngày nay] để bắt đồi mồi, cá heo, bào ngư, hải sâm. Biệt đội Bắc Hải được đặt dưới sự giám sát của biệt đội Hoàng Sa vì họ chỉ thu thập hải sản, và rất hiếm khi có được các nguyên liệu quý khác như vàng và bạc.

Ông Võ Long Tê cho rằng đội Bắc Hải là đội đi Trường Sa vì danh từ Bắc Hải chính là nhằm “nhấn mạnh về ý nghĩa hải đảo thân tiên của danh từ này” và để chỉ Trường Sa sau khi dùng “hai cuốn từ điển này qui chiếu vào sách Thập châu kí, đề cập đến Bắc-hải mà chúng ta mới giải thích được danh xưng Bắc hải đội mà nhiệm vụ là khai thác các hải đảo huyền viễn.”⁶⁴ Ông Võ Long Tê có thể đúng về văn chương nhưng không thể dùng điều suy luận trên làm chứng cứ lịch sử là hàng năm chúa Nguyễn đều sai người ra Trường Sa. Đại Nam Thực lục Chính Biên thì không nhắc lại gì đến đội Bắc Hải. Đại Nam Thực lục Chính Biên, đoạn ở trên, có ghi là “đi du lịch đến Bắc Hải”, mà đi du lịch thì không đồng nghĩa với thực hiện chiếm đóng, khẳng định chủ quyền.

Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ có thể dùng làm chứng cứ?

Cũng có người lý luận là danh từ “Hoàng Sa” là dùng gộp để chỉ cả Paracels và Trường Sa.

Một số học giả Việt Nam bao gồm cả những người mà ấn phẩm của họ (như Từ Đăng Minh Thu) được sử dụng cho bài viết này đã sử dụng Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ (大南一統全圖) như là một bằng chứng. Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ⁶⁵ tất nhiên lúc đó chưa tiếp cận được Tạp chí Sử Địa số 27-28, xuất bản ở Sài Gòn năm 1974 để có được thông tin là nguồn gốc bản đồ không rõ ràng.

Thực sự Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ là một bản đồ Việt Nam khá chi tiết, bao gồm tên của hai quần đảo: Hoàng Sa (the Paracles, và Trường Sa (the Spratlys) được gọi là Vạn lý Trường Sa, vẽ ngay cạnh nhau. Giống như các bản đồ cổ khác của Việt Nam và Trung Quốc, người vẽ bản đồ không theo quy tắc của thuật vẽ bản đồ hiện đại. Bản đồ này do đó mang tính biểu trưng nhiều hơn là mô tả chính xác quy mô, nên không thể làm mất ý nghĩa của nó. Với số nhiều đảo vẽ thành hai cụm gần bờ biển miền Trung Việt Nam như

⁶⁴ Võ Long Tê, “Phương diện địa danh học của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, *Tạp San Sử địa*, số 27 and 28, Sài Gòn, 1974, p. 215.

⁶⁵ Từ Đăng Minh Thu, đd, xem bản đồ số 2.

thế nên Từ Đặng Minh Thu cho rằng chúng chính là Hoàng Sa và Trường Sa là hoàn toàn hợp lý.⁶⁶

Tuy nhiên như đã nói nguồn gốc bản đồ này không rõ ràng. Có lúc bản đồ này được cho là do Quốc Sử Quán triều Nguyễn xuất bản theo lệnh vẽ bản đồ của vua Minh Mệnh năm 1836 được ghi trong Tập 2, quyển 165 của *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (coi Hộp 2). Chính sử gia Võ Long Tê người tin rằng vua quan nhà Nguyễn đã gửi người ra Trường Sa (vì danh từ Bắc Hải) cũng nghi ngờ. Ông Võ Long Tê viết:⁶⁷

Hiện nay chúng ta có một họa đồ mệnh danh là " Đại nam nhất thống toàn đồ ", trong đó ghi rõ hai quần đảo riêng với danh xưng Hoàng Sa và Vạn lý Trường sa. Thật ra đây là một bản sao do ông Châu Ngọc Thôi, nguyên Đồng Lý Văn Phòng Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa, hiện là phụ tá tại Phủ Phó Thủ Tướng đặc trách thanh tra các chương trình Phát triển Quốc Gia kiêm liên lạc với quốc hội, sưu tập từ lâu và có nhã ý cho chúng tôi khai dụng (xin xem bản đồ).

Ông P. A. Lapicque đã công bố bản đồ này trong tập " A propos des Iles Paracels " in năm 1929 và ghi chú rằng đó là bản đồ trích từ sách Hoàng Việt Địa Dư Chí in năm Minh Mệnh thứ 14 (tức năm 1834) .(1) Nhiều tác phẩm sử địa khác có lẽ cũng lặp lại nhận định của LaPicque, chẳng hạn như sách Việt Nam Văn Học Toàn Thư II; cổ tích của Hoàng Trọng Miên (1), hay một tác phẩm Anh ngữ mà chúng tôi chưa tìm ra nhan đề, có chú giải: " The Hoàng Việt Địa Dư-Geography of the Annamite-Empire - shows that The Paracels and Spratley Islands have for a long been Vietnamese possession " (2).

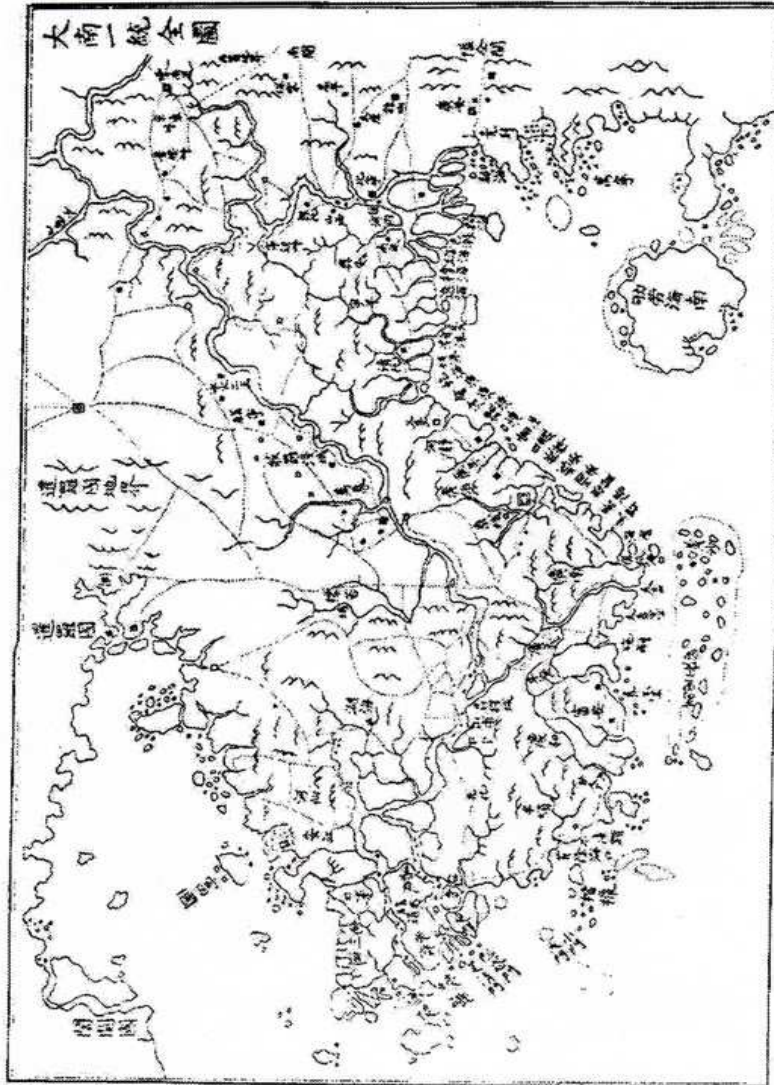
Theo chúng tôi, " Đại Nam nhất thống toàn đồ " không thuộc " Hoàng Việt Địa dư chí " vốn in lần đầu tiên năm 1833 (chứ không phải năm 1834) vì lẽ giản dị, quốc hiệu Đại Nam được vua Minh Mệnh ban hành năm 1838. Sách " Minh mệnh chính yếu " (quyển I, tờ 44a-44b) có trích đăng đạo dụ ban hành quốc hiệu Đại nam vào năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) (3). Nghiên cứu nội dung bản đồ này, chúng ta nhận thấy có những địa danh chứng tỏ bản đồ này thiết lập từ năm cái quốc hiệu đến năm chúng ta mất Nam kỳ lục tỉnh, tức là trong khoảng thời gian mà địa giới phía tây nước ta đặt ở phía tây Cửu long với lý do đất Ai-lao và Cao-miên còn thống thuộc triều đình Huế. Bản đồ này có lẽ là công trình cá nhân hay tập thể của sử thần Quốc sử quán là cơ quan chuyên trách về việc soạn thảo các tài liệu sử địa chính thức của triều Nguyễn trước thời Pháp thuộc.

⁶⁶ Chi tiết về chữ Hán và luận điểm giải thích, có thể đọc Từ Đặng Minh Thu, Chủ Quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa, *Thời Đại Mới*, (online journal published from USA), No. 11, July 2007.

⁶⁷ Võ Long Tê, "Phương diện địa danh học của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa", *Tập San Sử địa*, số 27 and 28, Sài Gòn, 1974 trang. 213-214.

Với bản đồ này chúng ta cũng nhận ra tổng danh Trường sa trong " Toàn tập Thiên nam tứ chí lộ đồ thư " đã trở nên biệt danh Vạn lý Trường sa chỉ thị quần đảo Trường-sa ngày nay, còn đặc danh Hoàng-sa, hậu thân của đặc danh Bãi Cát Vàng chỉ thị cách chuyên biệt quần đảo Hoàng-sa ngày nay.

Bản đồ 9. Đại Nam Nhất Thống Tọa Đồ 大南一統全圖



Dù biết rằng bản đồ này được vẽ sau năm 1838 sau khi vua Minh Mạng ra lệnh vẽ nhưng vì nguồn gốc không rõ ràng, cho nên không thể dùng nó làm chứng cứ lịch sử. Nó có thể phụ giúp làm mạnh các chứng cứ khác nhưng như hiện nay với gần như không có chứng cứ chính thức nào có khả năng khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở Trường Sa.

Lý do kinh tế và cá lợi ích khác để vua chúa nhà Nguyễn kiểm soát Trường Sa?

Có thể nói không có lý do kinh tế nào rõ rệt để vua chúa nhà Nguyễn phải gửi lính ra Trường Sa. Quần đảo này cách xa đường vận chuyển nối liền Trung Quốc, Nhật Bản tới Việt Nam, các quốc gia ĐNA khác, và Ấn Độ Dương. Do đó, có rất ít phẩm vật có giá trị từ các tàu đắm để thu lượm. Tìm kiếm các phẩm vật có giá trị ở Trường Sa cũng không

phải là mục đích thường xuyên của biệt đội hải quân do nhà Nguyễn cử đi, *cuốn Phủ Biên Tạp lục* viết về biệt đội Bắc Hải được cử được đến Bắc Hải có mục đích chính của biệt đội nhà Nguyễn là để bắt đôi mồi, cá heo, bào ngư, hải sâm như sau:

Họ đã sử dụng tàu thuyền đánh cá tư nhân nhỏ để đi du lịch đến Bắc Hải, Côn Lôn [Poulo Condor, hoặc Côn Đảo ngày đảo ngoài Hà Tiên ngày nay] để bắt đôi mồi, cá heo, bào ngư, hải sâm. Biệt đội Bắc Hải được đặt dưới sự giám sát của biệt đội Hoàng Sa vì họ chỉ thu thập hải sản, và rất hiếm khi có được các nguyên liệu quý khác như vàng và bạc.

Trong khi miền Nam Việt Nam không nổi tiếng với bào ngư thì vùng này lại rất nổi tiếng với đôi mồi có giá trị cao và có thể được sử dụng để làm trang sức hoặc các vật trang trí khác. Nhưng những con vật này có thể tìm thấy ở Hà Tiên trong vùng tận cùng của Nam Việt Nam, và ở các đảo gần bờ như Côn Lôn. Do đó, đâu cần phải đi ta tới tận quần đảo Trường Sa. Nơi đó xa hải trình thường xuyên của tàu bè nên không có tàu đắm. Khoảng cách nơi biệt đội đóng xa quần đảo Trường Sa gần 300 hải lý, gần gấp đôi đường đi tới Hoàng Sa. Vậy lý do gì để nhà Nguyễn phải gửi người ra đó thường xuyên?

Ngoài ra, đánh bắt cá trên biển trong thế kỉ 18-19 không có khả năng bảo quản lạnh và chưa đủ phát triển để bảo quản cá. Khai thác phân chim chỉ trở thành một ngành công nghiệp sau cách mạng công nghiệp. Thậm chí trong thời nhà Nguyễn, như đã được ghi trong Phủ Biên Tạp Lục, biệt đội Bắc Hải cũng chỉ là một phân nhóm của biệt đội Hoàng Sa. Khả năng cao là nhà Nguyễn không quá chú ý đến quần đảo Trường Sa bởi vì họ không nhìn thấy giá trị kinh tế. Cho đến khi Pháp sát nhập quần đảo Trường Sa vào lãnh thổ vào năm 1933 (xem trong Biên niên biểu), nó vẫn là **terra nullius** – đất vô chủ.

3. Kết luận về yêu sách của Việt Nam ở Paracels và Spratlys

Liên quan đến quần đảo Hoàng Sa, các dữ kiện được trình bày ở trên cho thấy Việt Nam đã có tuyên bố rõ ràng và thực thi quyền của mình ở Paracels ít nhất suốt 70 năm từ trước 1770 cho tới khi vua Gia Long chính thức khẳng định chủ quyền năm 1816, và tiếp tục cho đến thời Minh Mạng được ghi rõ ràng trong chính sử Việt Nam cho đến 1837. Sau đó không thấy ghi vì có thể là việc kiểm soát Paracels đã trở thành chuyện thường nhật không cần ghi.

Về Trường Sa, không có chứng cứ từ chính sử, và ngay cả ngoài chính sử để chứng tỏ rằng nhà Nguyễn đã hành xử chủ quyền ở đó. Trung Quốc, cũng đã được chứng minh, không có chứng cứ từ chính sử cho thấy các vương triều Trung Quốc đã đến đó khẳng định chủ quyền. Rõ ràng đây là hải đảo vô chủ cho đến khi Pháp tuyên bố chủ quyền.

Trên thực tế, “terra nullius” – đất vô chủ là cơ sở luật pháp cho công dân Philippines tuyên bố chủ quyền với quần đảo Trường Sa năm 1956 và Philippines chính thức tuyên bố chủ quyền vào năm 1971 (xem Biên niên biểu). Yêu sách chủ quyền của Philippines là có thể hiểu được nếu tuyên bố của Pháp bị phủ nhận rằng đó là hành động của chủ nghĩa thực dân. Việc từ bỏ yêu sách chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa dựa trên bằng chứng lịch sử (dù sao cũng vẫn thiếu) sẽ mở ra một giải pháp công bằng và hợp lý với Philippines.

4. Ai đã ở mặt ở Paracels, ở đâu và ý nghĩa của nó?

Thời gian có mặt của Việt Nam ở Paracels như thế kéo dài liên tục ít nhất là 74 năm từ 1774 tới ít nhất là (từ lúc Lê Quý Đôn nói về chuyến đi Hoàng Sa cho tới năm sau khi Minh Mạng ra lệnh vẽ bản đồ), thời gian này được ghi nhận trong chính sử.⁶⁸ Ý chí và hành động nhằm khẳng định chủ quyền được vua Gia Long và vua Minh Mạng đã thể hiện trong văn bản. Các chuyến ra đảo dù chỉ kéo dài nhiều nhất là sáu tháng nhưng liên tục năm này qua năm khác. Và như thế là đủ vì theo Luật gia Chemillier Gendreau luật có thể giải thích linh động theo hoàn cảnh đặc thù;⁶⁹ bà trích quyết định của Tòa án Quốc tế để giải thích vấn đề này trong vụ kiện liên quan đến Western Sahara:⁷⁰

Trong mọi thời đại cần làm cho yêu cầu về hiệu lực phù hợp với hoàn cảnh của nơi chốn và địa lý của vùng lãnh thổ (bất kể mức độ đòi hỏi của pháp lý).

Một yêu sách chủ quyền dựa trên sự biểu lộ liên tục quyền lực liên quan đến hai yếu tố, mỗi yếu tố phải hiện hữu: ý định và ý chí hành động như là người có chủ quyền, và một vài hành xử hay biểu lộ chủ quyền đó...

... in all ages it has been necessary to adapt the requirement of effectiveness (regardless of the legal degree of it required) to the circumstances of the place and the topography of the territory.
... A claim to sovereignty based upon continued display of authority involves two elements, each of which must be shown to exist: the intention and will to act as sovereign, and some actual exercise or display of such authority. (...)

Như vậy theo tiền lệ của Tòa án Quốc tế xử về chủ quyền, việc không có dân thường xuyên ở đó là chấp nhận được vì hoàn cảnh bão tố, chuyên chở khó khăn, khả năng lưu trữ lương thực lâu không có nên không cho phép dân sống thường xuyên ở đó và sau này lý do vua nhà Nguyễn không còn gửi thủy quân ra đó vì chiến tranh với Pháp và sau đó vì

⁶⁸ Bà Chemillier cho rằng năm 1847 thời Thiệu Trị một vị quan làm báo cáo cho vua là cần hoãn các chuyến ra đảo vì thiếu tiền và năm 1867, thời Tự Đức, một số thủy thủ mất mạng trong chuyến đi ra đảo, và được vua phong anh hùng. Bà không đưa nguồn tài liệu về những chuyện này. Coi, Chemillier Gendreau, đđ, Chương II, trang 69.

⁶⁹ Chemillier Gendreau, đđ, trang 53.

⁷⁰ International Court of Justice, Advisory Opinion concerning Western Sahara, *ICJ Reports 1975*, p. 43.

Pháp đã không làm tròn trách nhiệm bảo hộ, mà theo Hiệp ước Pháp Việt, Pháp đáng lẽ Pháp phải thực hiện sớm hơn để phản đối Trung quốc (dù chỉ là chính quyền tỉnh Quảng đông) gửi tàu ra đó năm 1902, và 1909 vì bảo hộ Việt Nam là trách nhiệm của Pháp. Thời gian chính quyền Pháp ở Paris không hành động thì dự luận ở Việt Nam đã lớn tiếng đòi hỏi điều này. Phần dưới sẽ phân tích rõ hơn các vấn đề nêu ở đây.

Cái nhìn của phương tây

Theo nghiên cứu của Stein Tønnesson,⁷¹ trong thời gian cường quốc châu Âu trỗi dậy, cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không thu hút sự quan tâm của cả Anh và Pháp vì chúng rất nhỏ, không có nhiều tài nguyên mà họ có thể khai thác kinh tế vào thời điểm đó. Thêm vào đó, các quần đảo này chứa đựng vô số các mối nguy hiểm rình rập các tàu. Các quần đảo này được phân loại trên biểu đồ đi biển như là “vùng đất nguy hiểm” hoặc “cụm đảo nguy hiểm” cần tránh.

Năm 1877, Anh đã cấp phép cho một nhóm thương nhân cắm cờ của Anh lên quần đảo Trường Sa với mục đích thương mại mà không gây thu hút chú ý hay phản đối của bất kỳ quốc gia nào.

Chỉ đến khi hải quân Nhật Bản tài trợ các hoạt động thương mại để thâm nhập và đe dọa sự thống trị các vùng biển của Châu Âu thì Anh và Pháp mới bắt đầu quan tâm. Và đây là lý do Pháp tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào năm 1933 là để đáp lại mối đe dọa từ Nhật Bản. Chỉ duy nhất Nhật Bản phản đối yêu sách của Pháp. Nếu trước đây năm 1909 Pháp không phản đối thì năm 1933 này Trung Quốc không phản đối. Không phải ai ở Luân đôn cũng hài lòng với tuyên bố của người Pháp nhưng tất cả các cơ quan chính phủ quan trọng của Anh như Văn phòng Thuộc địa, Bộ Tài chính và Thống đốc Hongkong đều cùng phe với Bộ Ngoại giao Pháp ủng hộ tuyên bố yêu sách Pháp. Thậm chí, Anh còn tiến xa hơn khi họ yêu cầu Pháp cho Anh thuê Itu Aba (đảo Ba Bình) đảo lớn nhất ở quần đảo Trường Sa, và ép Pháp thực hiện tuyên bố chủ quyền của mình và chống lại người Nhật.⁷²

Lính thủy nhà Nguyễn hoạt động ở đâu trên quần đảo Paracels?

Câu hỏi được đặt ra là khi chúa Nguyễn và sau này vua Nguyễn tới Paracels, đâu là nơi nhà Nguyễn đặt chân và để ý tới? Có thể nghi ngờ rằng đó là đảo Pattle (đảo Hoàng Sa) trong khu Crescent (Trăng Khuyết) vì nó gần đường hàng hải, lại gần Việt Nam nên có thể là nơi có nhiều tàu đắm. Nhưng nếu như đã tới đảo Woody (Phú Lâm) trong khu

⁷¹ Stein Tønnesson, The South China Sea in the Age of European Decline, *Modern Asian Studies*, vol. 40, no. 1, 2006, trang. 22.

⁷² Stein Tønnesson, đ d, trang 7, footnote 14.

Amphitrite (An Vĩnh) thường xuyên thì đương nhiên là tới Pattle. Phân tích địa hình đảo Woody và so với những gì đã ghi trong Đại Nam Thực Lục thì có thể Woody là đảo chính mà lính nhà Nguyễn tới hàng năm.

Bản đồ 10. đảo Woody (Phú Lâm) và đảo Rocky chụp từ vệ tinh



Đại Nam Thực lục Chính biên (ĐNTLCB), Kỷ thứ 2, quyển 154 (coi Hộp 2) đã viết:

Tại đảo Hoàng Sa, hải phận Quảng Nghĩa có một gò cát trắng, cây cối mọc rậm rạp, giữa có giếng, phía tây nam có cổ miếu và bia khắc 4 chữ “ Vạn Lý Ba Bình ” (Gò cát trắng chu vi 1070 trượng (1) [4,7 mét x 1070 = 5029 mét], xưa có tên là núi Phật Tự. Phía đông, tây, nam bao bọc nghiêng nghiêng bởi đá san hô ; mặt nước phía bắc tiếp với đá san hô đột nhô lên một gò chu vi 340 trượng [4 x 340 = 1598 m], cao 1 trượng 3 xích [0,7 m x 13 = 9,1 m], ngang với gò cát, gọi là đá Bàn Than).

Như vậy rất có khả năng đây là đảo Woody mà ở bên phía đông bắc đảo (nằm trên phi đạo Trung Quốc mới xây) là Đá Bàn Than ghi trong Thực Lục và đó là đảo Rocky, với chu vi hai đảo cũng tương tự như ghi trong Thực Lục.⁷³ (Chu vi của hai đảo tính cho hình vệ tinh được ghi ở phía phải, độc giả có thể làm hình ra để đọc.)

Tất nhiên suy luận trên đây dù dựa trên chứng cứ lịch sử không phải là chứng cứ lịch sử rõ ràng và do đó vấn đề cần được tìm hiểu thêm.

⁷³ Suy luận này là của Nguyễn Tuân, người giúp ý kiến và phân tích cho tác giả.

Cuộc vận động chính phủ Pháp bảo vệ chủ quyền Việt Nam ở Paracels?

Bắt đầu từ năm 1 tháng 9 năm 1858, Pháp bắt đầu thực hiện hành động xâm lược Việt Nam bằng cách tấn công Đà Nẵng và đến ngày 17 tháng 10 năm 1887 Pháp chính thức thiết lập Liên Bang Đông Dương sau khi hoàn toàn làm chủ Việt Nam. Trung kỳ Việt Nam vẫn có vua nhà Nguyễn ngự trị làm vì nhưng có thống sứ, thực chất là người quyết định mọi chuyện. Như vậy, thời gian từ năm 1858 trở đi vua nhà Nguyễn hoặc phải lo đối phó với xâm lược Pháp, hoặc sau đó thì mọi chuyện nằm trong tay Pháp quyết định. Việc cử thủy binh hàng năm ra Paracels không còn. Chưa tìm thấy tài liệu về hoạt động chính thống của nhà Nguyễn Việt Nam ở Paracels trong giai đoạn này.

Điều này cũng phản ánh trong thư, ngày 22 tháng giêng năm 1929, của thống sứ Trung kỳ ở Huế báo cáo Toàn quyền Đông dương ở Hà Nội là Paracels thuộc An Nam (Việt Nam). Thư kể về việc Giám mục Taberd đã viết sách nói về sự kiện vua Gia Long ra Hoàng Sa năm 1816 cấm cờ khẳng định chủ quyền. Tuy nhiên thư cho rằng từ sau khi vua Minh Mạng cử người ra xây miếu và đài tưởng niệm năm 1838 thì gần như An Nam không còn liên hệ với đảo Paracels;⁷⁴ dân đánh cá không còn biết gì về nó và cũng chẳng còn ra đó nữa. Tuy nhiên thư có đề cập tới việc Thượng Thư Thân Trọng Huệ trước khi mất năm 1925 có thư đề lại xác định là các đảo này vẫn thuộc Annam. Thư cho rằng đáng lẽ khi Trung Quốc tuyên bố chủ quyền năm 1909 thì Pháp phải phản đối, xác định chủ quyền của Việt Nam, vì tầm chiến lược của đảo với an ninh của Bắc kỳ và Trung kỳ.⁷⁵ Lá thư này thực chất là nằm trong cuộc vận động của người Pháp ở Việt Nam áp lực chính phủ Pháp phải có nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam vì là nước bảo hộ.

Hoạt động của người Hoa và Nhật ở đảo Woody (Phú Lâm)

Tám năm sau khi Pháp lập Liên bang Đông dương, năm 1895 nhà Thanh thua trận phải nhượng Đài Loan cho Nhật.⁷⁶ Năm 1902 chính quyền Quảng Đông lo ngại Nhật chiếm đảo nên đã ra lệnh cho Đề đốc Lý Chuẩn (Lichun hay lizhun) đem tàu ra thám thính. Năm 1909 lại gửi Lý Chuẩn ra đó thám thính. Theo Phạm Hoàng Quân, việc Lý Chuẩn tuần tra Hoàng sa và chép lại một văn bản có tên *Lý Chuẩn tuần hải ký* (năm Tuyên Thống nguyên niên / 1909), văn bản này chép 16 tên đảo, bị sai và bị bỏ đi 10 tên và vị trí mô tả cũng sai. Tuy học giả Trung quốc nói được lưu trữ ở Quảng Đông Trung Sơn đồ thư quán, nhưng không thấy có luận văn hoặc sách nào minh họa bản chụp? Nội dung Lý Chuẩn tuần hải ký được đăng trên Thiên Tân Đại công báo lần đầu ngày 10 - 8 - 1933,

⁷⁴ Coi thêm chú thích số 68.

⁷⁵ Monique Chemillier-Gendreau, Appendix 8, p.180-182.

⁷⁶ http://en.wikipedia.org/wiki/History_of_taiwan

Quốc Văn chu báo đăng lại vào ngày 21 tháng 8 năm 1933.⁷⁷ Công bố này có thể chỉ là phản ứng sau khi Pháp chính thức khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở Paracels và Spratlys (Trường Sa) ngày 6 tháng 7 năm 1933. Lý Chuẩn có thể chỉ đi tàu qua loa ở khu vực do đó không hiểu rõ về quần đảo và có sai lầm trong hải ký. Hành động của chính quyền tỉnh Quảng Đông cũng chỉ là hành động tượng trưng để tuyên bố chủ quyền chứ thực sự không có hành động thực hiện quyền kiểm soát ở đảo. Vì là chính quyền tỉnh cát cứ nên Pháp có thể bỏ qua không phản đối.

Chính vì hành động sai Lý Chuẩn ra đảo chỉ mang tính tượng trưng, việc chính quyền tỉnh Quảng Đông tuyên bố chủ quyền đảo Paracels năm 1909 cũng chỉ mang tính tượng trưng chứ rõ ràng Trung Quốc cũng không có hành động cụ thể chiếm hữu hiệu Paracels. Đây là lý do mà sau này người Nhật đội danh người Hoa đã ra đảo Woody khai thác phát (Guano) mà Trung Quốc không biết.

Lập luận của Trung Quốc dùng để tuyên bố chủ quyền của họ không dựa trên chứng cứ lịch sử và sai lầm về mặt hiểu biết pháp lý. Lập luận gồm 3 điểm viết trong thư ngày 29 tháng 9 năm 1932 của Sứ quán Pháp gửi cho Bộ Ngoại giao Pháp.⁷⁸ Điểm 1 là dựa vào Hiệp ước Pháp Thanh ký ở Bắc Kinh ngày 26 tháng giêng năm 1887, theo đó, các đảo phía đông đường kinh tuyến 105°43' thuộc Trung Quốc do đó Trung Quốc cho là Paracels nằm ở phía đông nên thuộc Trung Quốc. Điểm 2 cho là 100 năm trước đó Việt Nam là thuộc quốc của Trung Quốc nên đảo cũng là thuộc Trung Quốc. Điều 2 không cần phải trả lời. Nhưng điều 1 thì tác giả Từ Đặng Minh Thu⁷⁹ đã phân tích là đây là Hiệp ước Pháp Thanh giải quyết vấn đề biên giới giữa Trung Hoa và Bắc Bộ như tên của nó là “*Convention relative à la delimitation de la frontière entre la Chine et le Tonkin.*” Không thể căn cứ vào đường kinh tuyến để giải quyết vấn đề của Trung bộ. Điểm 3 là có người Trung Quốc ở đảo Woody (Phú Lâm) trong quần đảo Paracels.

Vì lập luận trên không đứng vững nên Trung Quốc đã phải tạo ra các lập luận hoàn toàn khác với lập luận ban đầu.

Đúng là đã có cá nhân người Hoa và cả những người khác trong đó có người Việt khai thác ở đảo Woody. Và cũng đúng là có tình trạng lơ là với quần đảo Paracels của chính phủ nhà Nguyễn và chính phủ Pháp để dân tự do vào khai thác như chỗ không có chính phủ.

⁷⁷ Theo trao đổi riêng, nhưng thông tin này sẽ cập nhập thêm trong tương lai.

⁷⁸ Coi thư trong Chemillier Gendreau, dd, Annex 10, trang 184-186.

⁷⁹ Từ Đặng Minh Thu, dd, đoạn 2.

Theo M.S. Samuels,⁸⁰ tài liệu của công ty Công ty Kỹ nghệ Quần đảo Paracels (Paracel Achipelago Industries Company Unlimited) của Hồ Duy Niên (Ho Jui-nien) thì công ty Nhật Southern Prosperity Industries ở Osaka, có chi nhánh ở Đài Loan đã đầu tư thông qua Hồ Duy Niên nhằm khai thác phốt phát ít nhất là từ năm 1919. Hồ Duy Niên nộp đơn cho chính phủ Quảng Đông (lúc đó chưa có chính phủ thống nhất ở Trung Quốc) tháng 4 năm 1921 xin khai thác và đánh cá ở Paracels. Ba tháng sau thì nhận được giấy phép. Hồ bị những người khác ở đảo Hải Nam không được giấy phép kiện từ năm 1921, kể cả việc công ty của Hồ là do người Nhật làm chủ. Hồ bị rút giấy phép nhưng công ty Hồ vẫn tiếp tục khai thác Guano ở đảo Woody (Phú Lâm). Năm 1923 Hồ lại nộp đơn xin giấy phép, sau khi điều tra Hồ được cấp phép trở lại. Nhưng các vụ kiện tiếp tục, Hồ bị rút giấy phép 3 năm sau đó.

Năm 1928 tỉnh Quảng Đông lập một ủy ban điều tra ra đảo điều tra. Báo cáo cho thấy Hồ đã khai thác đến 1/3 Guano ở đảo Woody và hoàn toàn không hoạt động ở khu Crescent. Trên đảo Woody có khu văn phòng chính, xưởng, mỏ, dụng cụ, và khoảng 80 công nhân trên đảo, cũng kiếm thấy cả hồ sơ kế toán hoạt động. Ngoài văn phòng là khu nhà ở, có phòng ăn và nhà bếp, có nơi bán hàng, có nơi chứa ngũ cốc, trại nuôi gà lợn, trạm bơm nước, máy hơi nước, xưởng đúc, xưởng làm in mộc bằng thiếc, một số mỏ lộ thiên, xưởng chế biến phốt phát. Lại thêm đường sắt hẹp nhưng dài 1,1 km nối với cầu tàu bằng thép dài 1250 bước (381 mét) vượt qua khu đá ngầm để đưa hàng lên tàu.

Ngày 25 tháng 7 năm 1925 theo hồ sơ công ty của Hồ Duy Niên tàu chiến Pháp tới, để lại đảo 5 người (trong đó có hai người Hoa) sau hai ngày trở lại đón những người để lại rồi tàu bỏ đi.

Tài liệu mà Samuels ghi lại cho thấy chỉ có đảo Woody và đảo Rocky đã được công ty dưới danh nghĩa người Hoa khai thác.

Sự có mặt của người Nhật/Hoa trên đảo Woody cũng được xác định đến trên báo *Economie de L'Indochine* xuất bản ở Hà Nội vào ngày 19 tháng 5 năm 1929.⁸¹ Bài báo này nói về Đảo Phú Lâm (có ảnh chụp tháng 7 năm 1926) có cầu tàu làm bằng thép dài 300 m, do Nhật xây dựng nhằm chuyên phốt phát xuống tàu. Bài báo cũng nói Nhật có mặt ở đảo Robert thuộc khu Crescent khai thác phốt phát, có đê chắn sóng do Nhật xây dựng bằng các khối phosphate vôi.

⁸⁰ Marwyn Samuels, *Contest for the South China Sea*, New York/London, 1982, p. 55-60. Phải đến năm 1949 Trung Hoa Dân quốc bỏ đất liền chạy ra Đài loan mới lấy lại được và Nhật chỉ chính thức giao lại năm 1952.

⁸¹ *Economie de L'Indochine* 19 Mai 1929, http://hoangsa.org/forum/downloads/63868-N5561322_PDF_1_-1EM.pdf

Thái độ của chính phủ Pháp về chủ quyền trên Paracels và Spratlys

Trong thời gian chính quyền cát cứ Trung Quốc cho phép hoạt động ở đảo Woody và công ty Nhật dưới hình thức giả dạng công ty TQ đã khai thác phốt phát, chính quyền Pháp ở Paris không động tĩnh, mặc dù như thư năm 1929 của Thống sứ Trung kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương đã nói ở trên, đã có một phong trào đòi chính phủ Pháp thực hành hiệp ước bảo hộ Việt Nam. Và chính Toàn quyền Đông dương đã tuyên bố chủ quyền ở Paracels và Spratlys, vào 8 tháng 3 năm 1925 trước khi chính phủ Pháp chính thức làm điều này 8 năm sau vào năm 1933.

Ở Đông dương, trước đó, các quan chức và dư luận báo chí đã lên tiếng mạnh mẽ đòi hỏi chính phủ Pháp thực hiện chủ quyền mà vua Gia Long đã tuyên bố từ năm 1816; sự kiện mà báo chí Pháp ở Đông dương biết rõ. Bài báo trên *Economie de L'Indochine* được viết với là dụng ý đó. Tờ báo *l'Eveil Economique de l'Indochine* năm 1932 có bài Aux l'iles Paracels⁸² lập luận rằng có nhiều lợi ích chiếm đóng Hoàng Sa thuộc quyền sở hữu của người Annam mà Toàn quyền chưa làm. Tác giả cho rằng xây hải đăng, phao nổi để hướng dẫn tàu thì có thể khiến nhiều tàu dùng Đông dương hơn là Borneo, hay là việc xây đài khí tượng cũng rất hữu ích theo dõi bão. Và còn lợi ích khác là phosphate.

Và ngay từ đầu những năm 1920, dư luận đòi hỏi thực hiện chủ quyền của Pháp trên Paracels cũng đã nổi lên rõ chứ không phải đợi đến những năm 1929-1930. Điển hình và quan trọng nhất là ghi chú hay tờ trình mật (une note confidentielle) *L'histoire moderne des l'iles Paracels* (lịch sử hiện đại các đảo Paracels), viết năm 1921 nhưng mãi đến năm 1932 mới được công bố.⁸³ Tờ trình mật này do ông Lacombe (Alexis Elijah), Trưởng hành chính Phòng 1 của Phủ Toàn quyền ký ngày 6 tháng 5 năm 1921. Tờ trình này điếm qua lịch sử, nhắc lại chuyện hai tàu Bellona của Đức và Imagi-Marai của Nhật bị đắm năm 1895 và 1896 trong khi chở đồng đi Anh và bị ngư dân Trung Quốc hôi của bán ở Hải Nam, nhưng khi Lãnh sự Anh phản đối thì quan chức Hải Nam cho rằng Paracels không thuộc Trung Quốc mà cũng chẳng thuộc An Nam. Từ vụ việc này viên chức Pháp ở Canton và tất nhiên ở Hà Nội và Sài Gòn cho rằng Bộ Thuộc địa và Bộ Ngoại giao Pháp phải có hành động thực hiện chủ quyền, đặc biệt là vào năm 1909 khi chính quyền Quảng Đông gửi đoàn chính thức ra đảo cắm cờ. Tờ trình viết về hàng loạt các hoạt động cần có sự xác định chủ quyền của chính phủ chính quốc.

⁸² *L'evol de l' IndoChine*, (l'evel Economique de l'Indochine),_ Hanoi, Vietnam, No. 739, 29 Mai 1932.

Bài báo viết như sau: « Pourtant l'occupation de ces iles sur lesquelles l'Annam a des droits certains, aurait pour l'Indochine des avantages tels que l'attitude du Ministère ou du Gouvernement général est vraiment incomprehensive. » « l'on pourrait de tirer au moins de quoi faire les frais d'un phase, observatoire, avec T.S.F., phares secondaires, bouées et balises, etc. » It could raise at least enough money for a lighthouse, an observatory, with wireless, high lights, buoys and beacons, etc. " Có thể đọc trên: http://hoangsa.org/forum/downloads/42660-Woody_Meteo_1932.pdf .

⁸³ *L'Eveil de l'Indochine*, Hanoi, Vietnam, No. 788, 22 Mai 1932

Vì đòi hỏi ở Việt Nam như thế nên năm 8 tháng 3 năm 1925, Toàn quyền Đông dương tuyên bố chủ quyền của Pháp trên đảo Paracels and Spratlys⁸⁴ và gửi một đoàn nghiên cứu khoa học do Tiến sĩ A. Krempf, Giám đốc Hải dương học đi tàu đánh cá *de Lanessan* ra đảo tìm hiểu. Đến 23 tháng 9 năm 1930 Toàn quyền Đông dương gửi tàu *Malicieuse* ra đảo Sprateys cắm cờ và gửi công bố cho đồng minh biết chuyện này.⁸⁵ Nhưng ta cần biết là đây là hành động của chính quyền địa phương chứ chính quyền Pháp ở chính quốc mãi đến 1933 mới hành động chính thức mang tính quốc gia.

Có lẽ *de Lanessan* gửi đi năm 1925 là tàu mà công ty của Hồ Duy Niên có ghi lại nhưng lại nhầm là tàu chiến (coi Samuels). Ngoài ra Pháp còn gửi thêm tàu ra đó vào năm 1931, cũng chỉ để tìm hiểu. Theo thông tin Trường Viễn đông Bác cổ trên *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient (BEFEO)*⁸⁶ trang 608, vào ngày 3 tháng 7 năm 1931 có chuyến khảo sát quần đảo Hoàng Sa bằng tàu *De Lanessan* của Viện Hải dương học, có sự tham dự của ông M.J.Y. Claeys với mục đích tìm biết xem có còn nhận ra các dấu vết của sự chiếm đóng xưa kia của người An Nam, như chứng cứ những công trình xây dựng thờ cúng hay gì. (Nguyên văn tiếng Pháp: *Le but de ce voyage était de reconnaître si les traces d'occupation annamite ancienne, don't auraient témoigné des constructions culturelles ou autres, étaient encore reconnaissables*). Tàu *De Lanessan* đã đến các đảo Money, Roberts, Lincoln, Woody (Boisées, Phú Lâm), Rocky (Rocheuse) và Tree (l'Arbre). Nói về đảo Phú Lâm, tờ tin cho biết người Việt ở đó không đáng kể so với người Hoa làm thuê và cũng cho biết phát phát đã được khai thác từ lâu. Những khu vực khai thác của người Nhật còn sơ sài, vị trí đặt ở chỗ mà trước đó một tổ chức người Hoa và người Anh đã khai thác. Tờ tin này cũng nói đến (không rõ ở đảo nào, nhưng có lẽ là đảo Phú Lâm) những dấu vết xây dựng còn nhận ra giống như những cái miếu bằng đá, lợp tôn uốn sóng do người Hoa làm nghề bắt rùa dựng lên, trong chứa các câu viết không đáng để ý; họ dựng mỗi năm vài cái. Nguy hiểm sát bờ, mưa và gió ở Paracels, ở trong tâm bão hay trên đường bão đi qua, đã khiến người An Nam không bao giờ có xây gì đáng hoàng. Ở đảo Phú Lâm không có gì đáng kể ngoài vài tượng Phật bằng gỗ tầm thường. Như vậy là người An Nam đã có mặt ở Phú Lâm, như tin của Trường Viễn Đông Bác Cổ. Điều này cũng phù hợp với miếu Hoàng Sa Tự mà báo Trung Quốc nói tới sau này vì danh từ Hoàng Sa chính là danh từ người Việt dùng.⁸⁷

⁸⁴ Monique Chemillier-Gendreau, p. 37.

⁸⁵ Ibid, p. 38.

⁸⁶ http://www.persee.fr/web/revues/home/prescript/article/befeo_0336-1519_1931_num_31_1_4524?Prescripts_Search_isPortletOuvrage=false

⁸⁷ Hàn Chấn Hoa chủ biên *Tổng hợp các đảo Hải Nam của nước ta*⁸⁷ trong phần « Văn vật khảo cổ quần đảo Tây sa » có đoạn viết về đảo Woody (Việt nam gọi là Phú Lâm, TQ là Vĩnh Hưng) như sau :

Theo Samuels⁸⁸, những năm 1920-1930 Paracels có hai khu hoạt động: khu người Hoa ở Amphitrite và khu người Pháp ở Crescent và Pháp xây dựng dần dần hoạt động ở Paracels từ năm 1931 trở đi và chủ yếu là ở đảo Pattle (Hoàng Sa) khu Crescent (Trăng Khuyết). Nhưng bản đồ *Réseau météorologique et climatologique de l'Indochine* (Hệ thống các trạm khí tượng và phong vũ biểu ở Đông Dương) hiện được ông Nguyễn Đình Đầu ở Việt Nam sưu tầm cho thấy năm 1927, Pháp đã xây trạm khí tượng ở Pattle (Hoàng Sa) và trạm phong vũ biểu ở Itu Aba (Ba Bình) trong quần đảo Trường Sa.⁸⁹

Dù Pháp chia vùng đảo thành hai khu hành chính: khu Amphitrite và khu Crescent, người Hoa vẫn hoạt động ở khu Amphitrite. Những kết luận này cũng phù hợp với chính sách của chính quyền Pháp ở Paris là không có chính sách. Thời gian này thì như năm 1921 thì Pháp muốn thảo luận với Trung Quốc, nhưng Đại biện Pháp (Chargé d'affaires) ở Trung Quốc trả lời Bộ trưởng Ngoại giao Pháp (thư ngày 25 tháng 10 năm 1921) cho rằng Trung Quốc không có chính phủ nên không thể thương lượng được.⁹⁰

Tại sao Toàn quyền Đông dương, thay vì chính phủ Pháp, công bố chủ quyền năm 1925? Tuy nhiên khi Trung Quốc cấp hợp đồng khai thác phân chim Guano (phốt phát) thì tại sao chính quyền Pháp lại gửi công hàm vào ngày 4 tháng 10 năm 1931 cho Đại diện của Trung Quốc ở Paris phản đối. Pháp đề nghị giải quyết tranh chấp ở Tòa án quốc tế.⁹¹

Mãi đến ngày 26 tháng 7 năm 1933, chính phủ Pháp mới tuyên bố chính thức và in trên công báo Pháp Journal Officiel (trang 7837) là Spratlys (Trường Sa) thuộc Pháp⁹², và đến ngày 21 tháng 12 năm 1933 thì Toàn quyền Đông dương ký sắc lệnh số No. 4762-CP đặt Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa. Nhật phản đối nhưng các nước khác kể cả Trung Quốc đều im lặng, mặc dù tình báo Anh có ghi là Bộ trưởng Trung Quốc được lệnh phản đối.⁹³

Trên đảo Vĩnh Hưng hiện nay còn có 2 ngôi miếu mà ngư dân tự xây dựng nên: miếu ở mặt Nam gọi là “Cô hồn miếu”, miếu ở mặt Bắc gọi là “Hoàng Sa Tự”. Thời bấy giờ khoa học hàng hải còn chưa phát đạt, có ngư dân bỏ mình trên đường (ra đảo).

Không thể biết là Hoàng Sa tự xây lúc nào, nhưng có thể trước năm 1938 khi Pháp gửi quân tới vì ở nếu không có người đánh cá Việt Nam tới đó trước thì khó có người đánh cá Việt nam tới đó sau năm 1938. Hai chữ Hoàng Sa chỉ có người Việt dùng.

⁸⁸ Samuels, p. 62-63.

⁸⁹ Nguyễn Đình Đầu, Giới thiệu một số bản đồ cổ thêm lục địa, biển Đông và hải đảo Việt Nam, http://hoithao.viet-studies.info/2010_NDDau.pdf.

⁹⁰ Monique Chemillier-Gendreau, *ibid*, p. 106.

⁹¹ Samuels, p.61. Monique Chemillier-Gendreau, page 38.

⁹² Stein Tonnesson, p.8.

⁹³ Stein Tonnesson, p.7, footnote 14.

Như vậy, hình như Pháp có ý định bàn thảo việc phân chia Paracels với Trung Quốc và hoàn toàn không có ý định đàm phán phân chia Spratlys? Về Paracels Pháp đề nghị với Trung Quốc đem ra Tòa Án Quốc tế ba lần năm 1932, năm 1937 và năm 1947 nhưng đều bị từ chối. Tại sao chính phủ Pháp chần chừ trong việc thực hiện chiếm đóng quần đảo Paracels khi Pháp hoàn toàn có khả năng chiếm đóng hay là vì chưa thấy quân đội Trung Quốc ở Paracels nên chưa hành động, hay Pháp không muốn gây hấn thêm với Trung Quốc sau khi ký hiệp định Thiên Tân? Rõ ràng là Pháp không làm tròn trách nhiệm bảo vệ lãnh thổ Việt Nam sau khi ký với vua Nguyễn hiệp định bảo hộ.

Pháp làm gì ở Paracels sau khi tuyên bố chủ quyền năm 1933?

Phần viết này cho thấy Pháp tập trung hoạt động ở đảo Pattle (Hoàng Sa) là chính, ở đó có xây trạm khí tượng và hải đăng. Có lẽ đến năm 1937-1938 Pháp mới cử người ra đảo Woody (Phú Lâm) và chỉ xây trạm khí tượng.

Theo ông Nguyễn Nhã, ở đảo Woody, nhà cầm quyền thực dân Pháp đã xây dựng một đài quan trắc khí tượng, số hiệu trong danh sách World Meteorological Organisation là 48859 ở cụm Amphitrite (An Vĩnh).⁹⁴ Ở đảo Pattle (Hoàng Sa), Pháp và Việt Nam Cộng hòa sau này đã xây dựng thành căn cứ quân sự, nhà cửa, đài khí tượng, hải đăng, miếu thờ Bà, cầu tàu, bia chủ quyền và đài khí tượng với danh xưng “Station d’Observation 838.” Các cơ sở này chính thức hoạt động từ năm 1938 với 5 nhân viên thuộc ty Khí tượng Hoàng Sa do chính quyền Nam Việt Nam quản lý. Theo Tập San Sử Địa số 29 xuất bản ở Sài Gòn, từ năm 1931 đến 1975 thường xuyên có một trung đội lính từ Quảng Nam (Trung bộ Việt Nam).⁹⁵ Chuyện có lính An Nam trên đảo Pattle năm 1931 là điều chưa có bằng cứ rõ ràng nhưng có thể vì theo ông Nguyễn Đình Đầu đã nói ở trên bản đồ ông có trong tay cho thấy trạm khí tượng đã được xây ở đảo Pattle (Hoàng Sa) năm 1927.

Ta biết là chiến tranh Trung Nhật nổ ra vào tháng 7 năm 1937. Chính phủ Nhật quyết định sát nhập Paracels và Spratlys vào Đài Loan của Nhật năm 1937.⁹⁶ Và nhân chiến tranh Trung Nhật nổ ra năm 1937, và đây là thời điểm Pháp gửi quân chiếm Paracels và Spratlys. Theo bài báo Pháp, Question de Hainan của Claudius Madrolle xuất bản năm 1939, Pháp chiếm Paracels ngày 3 tháng 7 năm 1937, dựng hải đăng ở đảo Pattle vào năm 1937 và đài khí tượng vào năm 1938.⁹⁷ Thời điểm đem quân ra đảo vào năm 1937 có lẽ chính xác vì theo bà Monique Chemillier-Gendreau Pháp cử Giám đốc công lộ

⁹⁴ Nguyễn Nhã, Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa, đoạn 1.2.2.

⁹⁵ Nguyễn Nhã, Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa, đoạn 1.2.1.

⁹⁶ Monique Chemillier-Gendreau, page 112.

⁹⁷ Claudius Madrolle, Politique étrangère, Année 1939, Volume 4, Numéro 3 p. 302 – 312. Coi ở http://hoangsa.org/forum/downloads/45421-article_polit_0032-342x_1939_num_4_3_5631.pdf

Gauthier ra đảo Pattle xây hải đăng.⁹⁸ Cũng theo bà, Toàn quyền Đông dương ký sắc lệnh vào ngày 15 tháng 6 năm 1938 sát nhập Paracels vào Đông Dương.⁹⁹ Như vậy đài khí tượng và hải đăng có thể xây dựng vào năm 1938 và sớm lắm là năm 1937. Ký ức của ông Nguyễn Đình Dur trên báo Lao động năm 2003 cũng xác định khoảng thời gian này, là từ năm 1937, Pháp đã xây trên quần đảo Paracels một trạm quan trắc, nằm trong mạng lưới khí tượng toàn Đông Dương (thật ra trước đó theo bản đồ của ông Nguyễn Đình Đầu). Theo ông Dur, vào đầu năm 1941, ông ra đến đảo Patlte thuộc quần đảo Hoàng Sa Cư dân trên đảo lúc ông ấy ra đó gồm 30 lính khố xanh, 30 phu tạp dịch, 1 nhân viên phát tín hiệu vô tuyến, 1 nhân viên khí tượng và 1 phiên dịch. Năm ấy, ông ra thay người phụ trách khí tượng tên là Trần. Anh này lúc đi đã mang theo một phụ nữ trẻ, nhưng đành phải cho "bò" về trước, vì trên đảo toàn cánh đàn ông không tiện chút nào.¹⁰⁰

Như đã nói do chiến tranh Trung Nhật bùng nổ năm 1937, không có quân đội nào can thiệp việc chiếm đóng quân sự của Pháp. Pháp vẫn coi đảo Pattle là trọng yếu, nhất là hướng dẫn tàu thuyền qua lại khu vực cho nên đã cho xây hải đăng ở đó. Pháp chỉ cho xây đài khí tượng ở đảo Woody (Phú Lâm). Điều này đã được tàu ngầm USS Pargo (SS-264) của Mỹ¹⁰¹ gửi tới thám thính hoạt động của Nhật ở quần đảo Paracels từ 4-7 tháng 2 năm 1945, cả đảo Woody và đảo Pattle ghi lại rất chi tiết, và xác định ở Woody có hai khu, một khu nhà cũ, và một khu nhà mới có đài radio và theo dõi thời tiết và có treo cờ Pháp nhưng có mặt lính Nhật, còn ở đảo Pattle ngoài đài radio, đài khí tượng thì còn cả hải đăng. Như vậy có thể nói từ năm 1937 hoặc 1938, lính Pháp đã có mặt ở cả hai đảo Woody và Pattle.

Nhật và Paracels (Hoàng Sa) và Spratlys (Trường Sa)

Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau khi lính Pháp có mặt ở hai đảo Woody và Pattle, ngày 31 tháng 3 năm 1939, Nhật tuyên bố chiếm Hoàng Sa và Trường Sa và sát nhập vào Đài Loan. Cùng ngày Bộ ngoại giao Pháp phản đối coi đó là lãnh thổ Pháp.¹⁰² Thời gian này lính Pháp và lính Nhật cùng đồng hành có mặt ở Woody (Hoàng Sa), và Itu Aba. Lính Nhật hình như không có mặt ở Pattle, qua việc ông Nguyễn Đình Dur được gửi ra đó năm 1941 và không nói gì đến lính Nhật nói lên điều đó.

Năm 1940, Pháp bị Đức chiếm đóng.

⁹⁸ Monique Chemillier-Gendreau, page 38-39.

⁹⁹ Monique Chemillier-Gendreau, page 113.

¹⁰⁰ Ký ức Hoàng Sa, Lao động ngày 14 tháng 7 năm 2003.
[http://www1.laodong.com.vn/pls/BLD/display\\$.htnoidung%2870,72503%29](http://www1.laodong.com.vn/pls/BLD/display$.htnoidung%2870,72503%29)

¹⁰¹ Tài liệu quân sự mật của Mỹ đã được giải mật. Coi từ trang 129 trở đi. http://issuu.com/hnsa/docs/ss-264_pargo_part2?mode=a_p

¹⁰² 7 French Islands annexed by Japan, Naval push seen, New York Times, 1 April 1939.

Năm 1940 Nhật mới thật sự đóng chiếm Đông dương, và năm 1941, Nhật chiếm Paracels (có thể chỉ ở đảo Woody). Đây là lúc Nhật đồng minh với chính phủ bù nhìn Vichy ở Pháp nên quân Pháp và Nhật đồng có mặt trên lãnh thổ Việt Nam kể cả Woody ở Paracels và Itu Aba ở Spratlys. Sau khi Nhật đầu hàng năm 1945, quân Nhật vẫn đóng quân ở Paracels và Itu Aba (Spratlys) cho đến năm 1946. Hiệp ước Trùng Khánh ngày 28 tháng 2 năm 1946 cho phép Tưởng Giới Thạch giải giáp quân Nhật ở Việt Nam phía bắc vĩ tuyến 16. Tưởng gửi quân tới Paracels tháng 11 năm 1946.¹⁰³ Tưởng vi phạm Hiệp ước Trùng Khánh cũng gửi quân chiếm đảo Itu Aba ở quần đảo Spratlys.

Vào đầu tháng giêng năm 1947, Pháp gửi quân ra Pattle, 2 sĩ quan, 10 lính người Âu và 17 lính bản địa. Tháng 3 cùng năm Tưởng đặt chân lên đảo Woody và phản đối sự hiện diện của Pháp. Ngoại giao Pháp Tưởng trở nên căng thẳng. Pháp và Tưởng đàm phán và Pháp đề nghị đưa ra Tòa án Quốc tế. Vào 5 tháng 5 1949 Trung Quốc (cộng sản) chiếm Hải Nam. Tháng 4 năm 1950 Tưởng rút khỏi Woody, Trung Quốc đem quân thay thế.¹⁰⁴ Tháng 10 năm 1950, Pháp giao lại Paracels và các đảo ở Spratlys cho chính quyền Bảo Đại. Itu Aba vẫn do Trung hoa Dân quốc chiếm cho đến ngày nay.

Phần III

Đi tìm giải pháp hòa bình và công lý

Về quần đảo Paracels (Hoàng Sa) : giải pháp song phương

Tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Paracels (Hoàng Sa) chỉ liên quan đến Việt Nam và Trung Quốc và do đó hai nước cần ngồi lại thương thảo hoặc yêu cầu Tòa án Quốc tế phân xử. Việt Nam dưới thời chúa Nguyễn và thời vua Gia Long và Minh Mạng đã khẳng định chủ quyền ở đây, với đầy đủ bằng chứng lịch sử được ghi trong chính sử của nhà nước và được người phương tây sống cùng thời ghi nhận qua sách vở được xuất bản. Tuy nhiên vì lo chống Pháp, vua quan Việt Nam đã có thời bỏ lơ, không hành xử chủ quyền như trước. Khi Pháp chiếm Việt Nam, cũng có một thời gian Pháp lơ là không hành xử đúng mức để bảo đảm chủ quyền của Việt Nam ở đó. Thời gian lơ là này đã để ngỏ đảo

¹⁰³ Monique Chemillier-Gendreau, page 115.

¹⁰⁴ Monique Chemillier-Gendreau, page 116.

Woody (Phú Lâm) như đất vô chủ cho tư nhân người Hoa và người Nhật vào khai thác phát phát vì có lẽ Pháp coi những hòn đảo này là không quan trọng. Khi chính quyền cát cứ ở Quảng Đông tuyên bố chủ quyền năm 1909, và sau đó là chính phủ Trung Hoa Dân Quốc với lý luận dựa vào Hiệp định Pháp Thanh năm 1887 phân chia biên giới giữa Trung Quốc và Bắc Bộ (Tonkin) một cách sai trái là đảo phía đông trung tuyến 108.2 là thuộc Trung Quốc, nhưng quần đảo Paracels nằm ở Trung Phần, không thuộc Bắc Bộ (Tonkin) nên không thể là cơ sở của lập luận. Rất tiếc, Pháp không phản đối ngay. Lập luận đòi chủ quyền của Trung Quốc lúc đó hoàn toàn không dựa trên bằng chứng lịch sử mà sau này và cho đến ngày này chính quyền Trung Quốc và học giả Trung Quốc tìm đủ mọi cách chứng minh một cách không thuyết phục là cả ngàn năm Paracels là đất Trung Quốc. Mãi đến năm 1933, chính phủ Pháp ở Paris mới chính thức tuyên bố chủ quyền do áp lực của dư luận ở thuộc địa Việt Nam gồm cả người Pháp lẫn người Việt.

Tuy nhiên Trung Quốc dùng bạo lực để chiếm đảo Pattle (Hoàng Sa) năm 1974 là hoàn toàn không thể chấp nhận được và vi phạm Hiến Chương Liên Hợp Quốc (Điều 2 mục 3) :

Mọi thành viên [LHQ] phải giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình không gây nguy hiểm đến hòa bình và an ninh của thế giới, và công lý.

All Members shall settle their international disputes by peaceful means in such a manner that international peace and security, and justice, are not endangered.

Việc chiếm cứ bằng bạo lực như thế sẽ vĩnh viễn không bao giờ được người Việt Nam chấp nhận và như thế mãi mãi Trung Quốc sẽ bị coi là kẻ xâm lược đối với dân tộc Việt, nếu không được hai chính phủ ngồi lại thương thảo, xem xét tìm kiếm một giải pháp hợp lý nhất. Tại sao ba lần (1932, 1937, 1947)¹⁰⁵ Trung Quốc từ chối thương lượng với Pháp, hoặc giữa hai bên hoặc thông qua Tòa Án Quốc tế làm trọng tài chỉ có thể hiểu là Trung Quốc không đủ bằng chứng nên sợ thua và do đó không thể dùng bạo lực để kiểm soát Biển Đông Nam Á trong tương lai.

Về quần đảo Spratlys (Trường Sa): giải pháp đa phương 3 bước

Phản trước đã phân tích rằng, trước khi Pháp xuất hiện ở khu vực, quần đảo Trường Sa là khu vực không người ở, là vùng đất vô chủ - terra nullius. Việt Nam hoàn toàn có cơ sở có thể thừa kế hợp pháp các yêu sách chủ quyền của Chính phủ Pháp. Tuy nhiên điều này sẽ không bao giờ đưa đến một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột ở Biển Đông.

¹⁰⁵ Lần 1937 và 1947 đã được ghi trong Ghi nhớ nội bộ của Bộ Ngoại Giao Pháp ngày 25 tháng 5 năm 1950, coi Chemillier Gendreau, đd, Annex 11, trang 187. Lần đầu 29 tháng 4 năm 1932 không được nói tới nhưng được nói tới trong Chemillier Gendreau, đd, trang 40.

Sẽ là một giải pháp công bằng và hợp lý cho tất cả các bên liên quan nếu bỏ sang một bên thể kỉ của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân ở ĐNA.

Tuy nhiên, đó chỉ là một phần của vấn đề. Yêu cầu quan trọng nhất là Trung Quốc phải từ bỏ yêu sách chủ quyền đối với vùng nước cũng như các tài nguyên liên quan trong đường ranh giới 9 đoạn hình chữ U tại biển ĐNA, tuyên bố hoàn toàn không thể được bảo vệ bởi luật pháp quốc tế.

Không nghi ngờ gì khi bất kì tòa án quốc tế nào cũng sẽ từ chối yêu sách chủ quyền của Trung Quốc. Và cũng không nghi ngờ gì khi việc áp đặt đòi hỏi chủ quyền với hơn 80% diện tích biển Đông Nam Á như vùng nội thủy của Trung Quốc sẽ chịu sự phản đối không chỉ từ các quốc gia ĐNA mà còn từ tất cả các cường quốc trên thế giới vì nó vi phạm Luật Biển Liên Hợp Quốc 1982.

Việc đưa ra yêu sách bằng vũ lực có vẻ không phải là khả năng có thể xảy ra trừ khi Trung Quốc bằng cách nào đó trở thành một quốc gia phát xít. Nếu điều này xảy ra thì đó là điều thật không may mắn cho hòa bình khu vực và hòa bình thế giới, các quốc gia trong khu vực không xem nhẹ khả năng ít có thể xảy ra đó khi việc đầu tư một cách lãng phí cho quân sự đang được tiến hành khá nhanh chóng.

Nếu các luận điểm và chứng cứ nêu trên được chấp nhận, thì sau đó, thì có thể có 3 bước để triển khai.

Bước đầu tiên là đạt được một thỏa thuận, về nguyên tắc, về bản chất của kết cấu tự nhiên ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà chưa cần quyết định nước nào có quyền sở hữu các đảo nhỏ, rạn san hô, đảo san hô... để xem liệu chúng nên được xác định là các đảo hay các đảo đá theo Công ước Quốc tế về Luật biển Liên Hợp Quốc (LBLHQ) .¹⁰⁶ Trọng tài quốc tế hoặc là một ủy ban quốc tế với các chuyên gia về Luật biển có thể hỗ trợ được trong việc này.

Bước thứ hai là có một giai đoạn tạm ngừng (đồng nghĩa với việc không khai thác tài nguyên trong và xung quanh khu vực các quần đảo này tính dựa theo thỏa thuận ở bước đầu) cho tới khi quyền sở hữu của các cấu trúc tự nhiên này được xác định. Một *đảo* (*island*) được định nghĩa theo LBLHQ sẽ được hưởng vùng đặc quyền kinh tế với diện tích hạn chế dành cho các đảo nhỏ, trên cơ sở tiền lệ phán quyết của tòa án công lý quốc tế. Các *đảo đá* (*rocks*) không có vùng đặc quyền kinh tế.

Bước thứ ba là giải quyết vấn đề chủ quyền đối với các đảo nhỏ, đảo đá... ở biển ĐNA.

¹⁰⁶ United Nations Convention on the Law of the Sea of 10 December 1982, http://www.un.org/Depts/los/convention_agreements/texts/unclos/closindx.htm

Một giải pháp cho xung đột biển ĐNA ít nhất phải dựa trên cơ sở LBLHQ. Theo đó, một quốc gia ven biển có thể mở rộng chủ quyền của mình ra ngoài vùng lãnh thổ đất liền và vùng nước nội thủy sang vùng tiếp giáp, được mô tả như vùng lãnh hải được tính từ đường cơ sở (Điều 2 và Điều 5). Vùng lãnh hải không rộng quá 12 hải lý (Điều 3).

Nhằm cho phép các quốc gia ven biển sở hữu nhiều tài nguyên thiên nhiên gắn với vùng đất có chủ quyền hơn, sau nhiều cuộc tranh luận giữa các quốc gia, các nước được phép có quyền chủ quyền với mục đích khai thác, bảo tồn và quản lý tài nguyên thiên nhiên trong vùng đặc quyền kinh tế (điều 56). Vùng đặc quyền kinh tế có thể kéo dài thêm dựa cả trên thêm lục địa của bờ biển của quốc gia đó, đường cơ sở. Nếu tuyên bố về vùng đặc quyền kinh tế chồng lấn lên tuyên bố của quốc gia khác, xung đột phải được giải quyết một cách hòa bình thông qua đối thoại. Tại vùng đặc quyền kinh tế, các quốc gia có *quyền chủ quyền nhằm (sovereign rights for)* mục đích khai thác, bảo tồn và quản lý tài nguyên thiên nhiên, nhưng không có *chủ quyền (sovereignty)*. Luật Biển LHQ phân biệt hai quyền: *quyền chủ quyền nhằm..* và *chủ quyền*. Khi có *chủ quyền*, nước có chủ quyền có thể cấm tàu bè và máy bay đi qua, hoặc bắt các nước không có chủ quyền phải xin phép và chịu sự kiểm soát và hạn chế nhất định. *Quyền chủ quyền nhằm...* chỉ là quyền khai thác kinh tế. Nhưng ở đây, Trung Quốc cho rằng nước có *Quyền chủ quyền nhằm...* khai thác kinh tế ở vùng đặc quyền kinh tế cũng có quyền cấm tàu quân sự đi qua, như đã định làm nhiều lần với tàu Mỹ.

Do đó, mỗi quốc gia đều có quyền tự do đi lại trên biển và trên không không hạn chế trong vùng đặc quyền kinh tế trừ khi các hoạt động này cản trở hoặc gây hại việc thực hiện quyền chủ quyền của chủ sở hữu đối với vùng đặc quyền kinh tế nhằm mục đích khai thác, bảo tồn và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Ngay cả ở vùng lãnh hải, việc bay qua không phận thì không được phép nhưng việc đi lại không gây hại lại được phép theo LBLHQ.

Theo LBLHQ, có vẻ hầu hết các kết cấu tự nhiên trong các vùng biển ĐNA này là các đảo đá, không phải là đảo. Điều 121 xác định các *đảo* và *đảo đá* như sau:

- (1) Một đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước.
- (2) Trừ khi phải tuân thủ khoản (3), lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế và thêm lục địa của hòn đảo được hoạch định theo đúng các quy định của Công ước áp dụng cho các lãnh thổ đất liền khác.

- (3) Những hòn đảo đá là nơi không thể tự nó duy trì như nơi cư trú hay đời sống kinh tế của con người, thì không có vùng đặc quyền về kinh tế hay thêm lục địa.

Vào thời điểm các nước đưa ra yêu sách chủ quyền ở Biển ĐNA, tức là vào đầu thế kỉ 19, thậm chí các đảo nhỏ dù luôn nổi lên trên mặt nước vào lúc thủy triều lên và được bao bọc bởi một số đất và cây cối cũng không thể tự nó đảm bảo sự cư trú của con người hay đời sống kinh tế của riêng họ, và do đó, cũng rất có thể được xem là các đảo đá tại Tòa án Công lý Quốc tế. Tòa án Công lý Quốc tế sẽ xem xét cả thời điểm yêu sách được đưa ra, chứ không phải chỉ xem xét trên cơ sở thời điểm hiện tại hay tương lai của cuộc tranh chấp khi một nước yêu sách đã có năng lực kinh tế khai thác tài nguyên thiên nhiên như đánh bắt cá, khai thác dầu, từ đó có thể xuất khẩu để mua các nhu yếu phẩm hằng ngày đảm bảo duy trì dân số.

Đảo đá chỉ có vùng lãnh hải tối đa là 12 hải lý.

Đá ngầm (reefs) ở dưới mực nước biển vào lúc thủy triều thấp theo điều 6 rõ ràng không được tính như là các *đảo đá* và không thể có vùng lãnh hải. LBLHQ viết về các đá ngầm như sau:

“Trong trường hợp các đảo nằm trên san hô hay các đảo có đá ngầm ở ven bờ bao quanh, thì đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải là ngấn nước triều thấp nhất ở bờ phía ngoài cùng của các mỏm đá, như đã được thể hiện trên các hải đồ được quốc gia ven biển chính thức công nhận”.

Đó là lý do tại sao, theo điều 60, các đảo nhân tạo và các thiết bị, công trình không được hưởng quy chế đảo:

“Các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình không được hưởng quy chế của các đảo. Chúng không có lãnh hải riêng và sự có mặt của chúng không có tác động gì đối với việc hoạch định ranh giới lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế hoặc thêm lục địa”.

Hiện nay nhiều nước đã xây dựng các đảo nhân tạo trên các đảo đá ở biển ĐNA với hy vọng sẽ đòi được vùng lãnh hải hoặc vùng đặc quyền kinh tế, nhưng điều 60 của LBLHQ đã loại bỏ chúng.

Nhìn chung, như đã nêu ở trên, hầu hết các cấu trúc tự nhiên ở biển ĐNA có thể sẽ được Tòa án Công lý Quốc tế phán quyết là các *đảo đá* và do đó, chúng chỉ có vùng lãnh hải tối đa là 12 hải lý.

Ngay cả khi được coi là *đảo*, Tòa án Công lý Quốc tế cũng sẽ hạn chế không gian của vùng đặc quyền kinh tế trong các cuộc tranh chấp về các vùng đặc quyền kinh tế (và do đó cả thềm lục địa) khi hai nước có bờ biển đối nhau và khi đường trung tuyến được sử dụng để phân định ranh giới trên biển. Clagget¹⁰⁷ đã phân tích sâu vấn đề này và chỉ ra rằng các đảo nhỏ sẽ bị bỏ qua, không được coi là căn cứ để xác định đường trung tuyến vì công bằng và cân xứng là các nguyên tắc được Tòa án Công lý Quốc tế đưa ra độc lập với LBLHQ để xác định trung tâm của đường ranh giới trên biển. Một vài nhận định của Clagget dựa trên các quyết định trước đó của Tòa án Công lý Quốc tế, ví dụ như:

Trong trường hợp các bên quốc gia tranh chấp nhìn đối diện nhau qua vùng nước (quốc gia đối diện), thay vì liền kề nhau trên cùng một bờ biển (quốc gia liền kề), tòa án sẽ bắt đầu công việc của mình bằng các xây dựng, giống như một đường ranh giới dự kiến, một đường trung tuyến giữa hai quốc gia.

...

Hơn nữa, với các quốc gia đối diện nhau, việc sử dụng đường trung tuyến nhìn chung thường đảm bảo một kết quả phân định công bằng và cân xứng. Tòa án Công lý Quốc tế sau đó giải thích trong quyết định đầu tiên về thềm lục địa trong Các Vụ Thừa kiện về Thềm Lục địa ở Biển Bắc như sau: “Với khu vực thềm lục địa trải dài và chia cắt, các quốc gia đối diện nhau có thể tuyên bố chủ quyền của mình trên cơ sở đường kéo dài tự nhiên của lãnh thổ. Những đường kéo dài gặp nhau và chồng lấn, và do đó, có thể được phân định bằng cách sử dụng đường trung tuyến ở giữa; và, bỏ qua sự hiện diện của các đảo nhỏ, đảo đá và các chỗ nhô ra nhỏ ở ven biển, có thể được loại bỏ sự phân chia méo mó bất cân xứng bằng các cách khác, đường phân chia phải có hiệu lực phân chia công bằng một khu vực cụ thể có liên quan... Vụ thừa kiện loại này do đó sẽ khác với loại trường hợp các quốc gia liền kề cùng bờ biển và không có đường bờ biển đối diện trực tiếp ngay trước mặt, và không đặt ra cùng một loại vấn đề...”

“Trường hợp khác, ở Guinea/Guinea-Bissau, tòa án đã vẽ đường ranh giới hoàn toàn bỏ qua sự hiện diện của các đảo nhỏ trong trường hợp nó không gây ra sự méo mó hay bất cân xứng.”

“Quy định là các đảo nhỏ, đặc biệt là các đảo không người ở, không có giá trị kinh tế đáng kể và nằm cách xa đất liền của nước sở hữu chúng, thì sẽ bị bỏ qua, không được xem là điểm cơ sở để xác định đường trung tuyến như đã nêu một phần trong điều 121 (3) của Công ước, theo đó, “các đảo đá không thể tự nó duy trì như nơi cư trú hay đời sống kinh tế của con người thì không có vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa.”

¹⁰⁷ Brice M. Claggett, đd, coi Part I, the section on Criteria for Delimitation

Nếu các đảo nhỏ nằm trong vùng biển được trao [quyền] cho quốc gia khác, các đảo này sẽ bị bỏ qua như là điểm cơ sở xác định đường trung tuyến và giới hạn trong khoảng 12 hải lý.”

Mặc dù các tranh chấp ở biển ĐNA rất phức tạp, việc chấp nhận phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế không nghi ngờ gì sẽ dẫn tới một giải pháp công bằng và hợp lý cho tất cả các bên liên quan, nhưng phải được sự chấp thuận trước của tất cả các nước sở hữu các đảo nhỏ, đảo đá.. ở biển ĐNA.

Một lối thoát trong bước 3 để giải quyết vấn đề chủ quyền đối với các đảo nhỏ, đảo đá... ở biển ĐNA bao gồm 2 lựa chọn:

1. Tất cả các đảo nhỏ, đảo đá... ở biển ĐNA nên được xem là tài sản chung của tất cả các quốc gia có bờ biển giáp với biển ĐNA. Nguồn thu nhập ròng từ tài nguyên trong biển ĐNA nên được phân chia theo tỷ lệ tương ứng với quy mô của đường cơ sở thẳng ven biển của mỗi quốc gia.
2. Các nước có chủ quyền đối với những điểm mà họ đang chiếm giữ, nhưng chỉ có đảo đá và đảo nhỏ có vùng lãnh hải 12 hải lý.

Clagett¹⁰⁸ cũng tiến hành một nghiên cứu mang tính thử nghiệm trong việc phân chia dựa trên đường bờ biển của các quốc gia liên quan và bỏ qua tất cả các kết cấu đá ở biển ĐNA. Điều quan trọng cần nhắc là các đường bờ biển này do Clagett giả định cần được kiểm tra lại, nhưng nó cũng cho thấy định hướng về một giải pháp công bằng và hợp lý cho xung đột ở biển ĐNA.

Việc tổ chức phân chia lợi ích có thể thông qua một cơ quan đa quốc gia quản lý vùng biển ĐNA do các nước có biên giới với biển ĐNA tổ chức ra. Để tạo đoàn kết giữa các nước ASEAN, một phần lợi ích có thể đem chia sẻ dưới hình thức viện trợ không hoàn lại cho các nước trong khu vực không có biển.

Kết quả nghiên cứu về tỷ lệ phân chia từ nghiên cứu của Clagett

	Chiều dài bờ biển tương ứng (hải lý)	Tỷ lệ trong tổng chiều dài bờ biển	Diện tích đáy biển được giao (hải lý vuông)	Tỷ lệ phần trăm đáy biển
China	789	29.9	191,819	26.2
Indonesia	35	1.3	28,086	3.8
Malaysia	510	19.4	92,732	12.8

¹⁰⁸ Brice M. Clagett, đd, coi Part II, table 2.

The Philippines	667	25.3	221,896	30.3
Vietnam	635	24.1	196,582	26.9